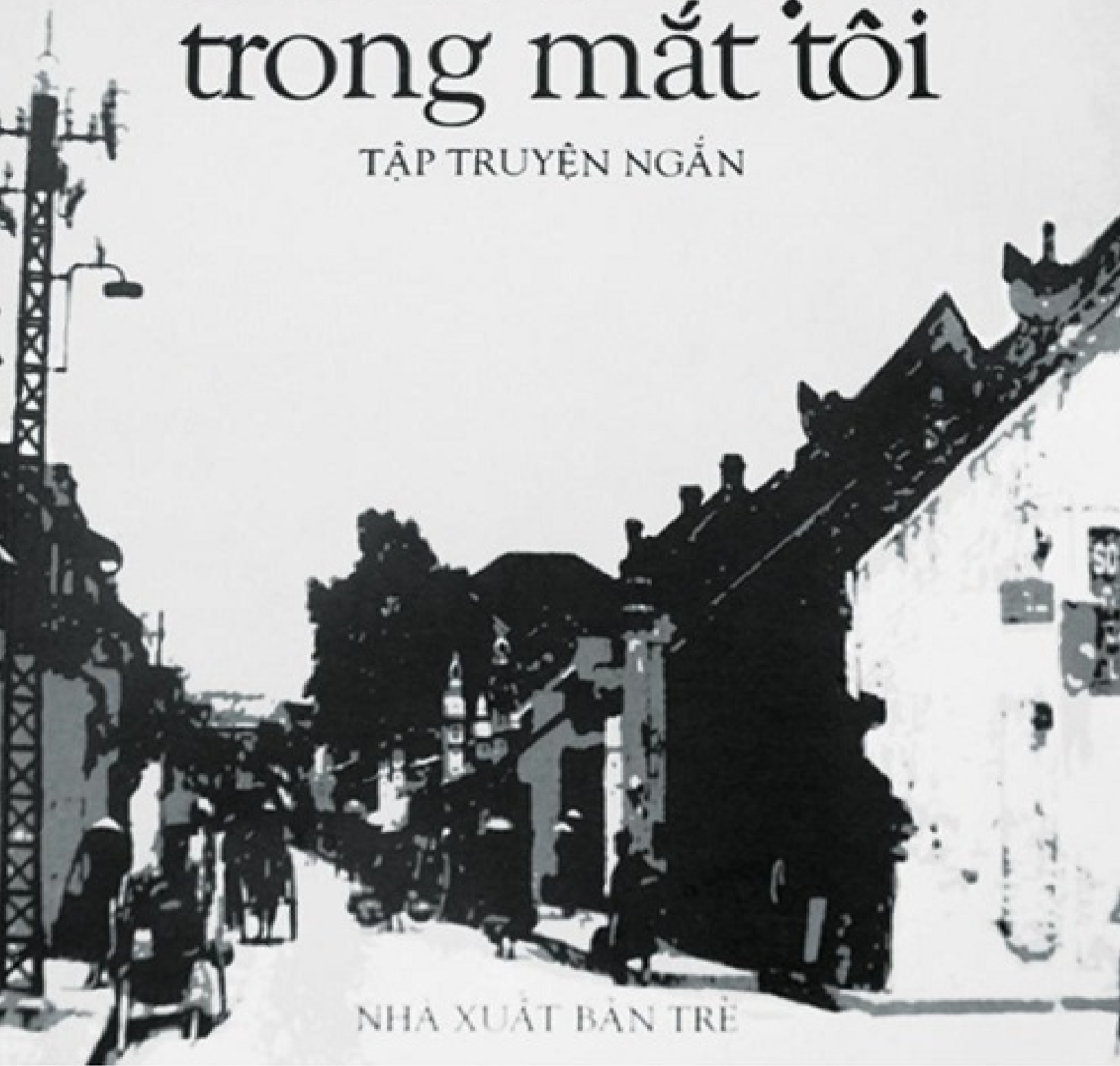


Nguyễn Khải

HÀ NỘI trong mắt tôi

TẬP TRUYỆN NGẮN



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Table of Contents

[Nếp nhà](#)
[Chúng tôi và bọn hăn](#)
[Đất kinh kỳ](#)
[Người vợ](#)
[Người của ngày xưa](#)
[Tiền](#)
[Danh phận](#)
[Nghệ nhân ở làng](#)
[Một người Hà Nội](#)
[Nắng chiều](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

NGUYỄN KHẢI

***Hà Nội
trong mắt tôi***

Tập truyện ngắn

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Nếp nhà

1.

Mỗi lần ra Hà Nội việc đầu tiên là tôi phải tới thăm bà cô tôi. Chẳng có quà cáp gì cả, đến tay không, nhưng vẫn cứ phải đến. Vì bà là cái túi khôn của tôi mà. Năm nay các con bà sẽ làm lễ mừng thọ mẹ tám mươi tuổi. Các cụ nói: Năm mươi tuổi hiểu được mệnh trời. Người tám mươi tuổi lại vẫn minh mẫn, khôn ngoan, không chừng hiểu được cả then máy của Tạo hóa. Nói chuyện với bà tôi vẫn tròn trặn như ngày nào được hầu chuyện cụ Nguyễn. Nghĩa là vẫn phải uốn lưỡi trước khi hỏi, trước khi trả lời. Một ngôi nhà đẹp, một cửa hàng tuyệt vời ngay giữa một đại lộ trung tâm trông thẳng ra hồ Hoàn Kiếm mà chỉ bày bán lèo tèo mấy mặt hàng sơn mài, tượng gỗ thì uổng quá, coi khinh thiên hạ quá. Bà cụ cười: “Anh đã bắt đầu có con mắt thương mại rồi đấy nhỉ?”. Con mắt thương mại thì chả dám nhưng với con mắt của người bảy giờ thì ngôi nhà, nói cho chính xác hơn là miếng đất, của bà cô tôi cũng phải đáng giá một triệu..., tất nhiên là triệu đô. Cũng chả phải do mình đặt giá mà là đại diện các công ty nước ngoài tới trả giá. Ngày nào cũng có vài nhóm người tới hỏi nhưng bà cụ chỉ nhả nhận trả lời: “Tôi không có ý định bán hoặc cho thuê cái nhà này”. Cho thuê cũng nhiều tiền lắm. Đã có người hỏi thuê chỉ mấy chục mét vuông của gian ngoài thôi, mỗi tháng trả năm ngàn đô, trên mười cây vàng. Vẫn là không, không bán mà cũng không cho thuê. Tại sao cụ lại gàn thế? Vì các em anh không muôn thê, cho đến hôm nay chúng tôi vẫn đi làm cho nhà nước, không buôn bán gì cả, không mảnh mung gì cả. Lương tiêu không đủ thì tôi bù. Bán các mặt hàng vớ vẩn như anh nói nhưng mỗi tháng cũng kiếm được khoảng trên dưới dăm triệu. Này, dăm triệu không phải là ít đâu anh nhá! Theo tôi được biết từ trẻ đến già cô tôi sống theo một số nguyên tắc, thời thế có thể thay đổi nhưng cách sống của bà dứt khoát không thay đổi. Đó là: sống thẳng thắn, sống lương thiện và sống theo pháp luật hiện hành. Những năm Pháp tạm chiếm Hà Nội, chú tôi vẫn mở trường dạy học tư như thời trước, còn cô tôi ẩn hành sách giáo khoa cấp tiểu học do chú tôi soạn. Có một tác giả đưa tập thơ “*Đôi thông hại mộ*” bán cho bà. In tập thơ đó chắc chắn sẽ thu lãi nhiều, bà biết thế nhưng vẫn từ chối. Vì nhà xuất bản Nguyễn Du do bà chủ trương chỉ in có sách giáo khoa, đúng như trong giấy phép. Năm 56, cán bộ thuế tới kiểm tra kho giấy của bà để đánh thuế tồn kho, khoảng hai chục triệu. Chú tôi tính vốn nhất, vui vẻ bằng lòng ngay. Cho đỡ phiền. Nhưng bà vợ không chịu vì giấy in sách giáo khoa xưa nay không phải đóng thuế. Đã được miễn thuế thì làm gì có thuế tồn kho. Bà bướng bỉnh đến nguy hiểm, ai cũng sợ nhưng bà vẫn thản nhiên: “Lý của mình đúng, việc gì phải sợ”. Quả nhiên bà đúng thật. Bà luôn luôn đúng vì bà rất tinh táo trong mọi mối quan hệ, chỉ nhận những gì đáng có, có quyền được có, tuyệt đối không để bị dụ hoặc về tiền bạc cũng như về tình cảm. Một cái đầu hơi lạnh, lắm lúc tôi đã nghĩ về bà như thế. Nói cho ngay, nếu không có cái đầu lạnh làm sao bà giữ nổi một ngôi nhà quá ngon lành, quá quyến rũ trong bảy mươi năm, không gặp một chuyện rắc rối nào. Cho đến bây giờ đã sang tuổi tám mươi bà vẫn biết từ chối những đồng tiền rất hợp pháp ắt hẳn phải có một tính toán khôn ngoan nào đó. Cái khôn ngoan cao siêu chứ không phải là khôn vặt.

2.

Mùa xuân ở Hà Nội bao giờ cũng đẹp. Với tôi đã nhiều năm không được sống ở Hà Nội vào mùa xuân lại càng thấy đẹp. Một chút lạnh trong hơi gió tạt qua mặt. Một chút mưa bụi bay lầy rầy như có như không. Trời hơi tối, mặt đường hơi sẫm nhưng mặt người và quần áo rét họ mặc cứ sáng bừng lên những màu sắc tươi tắn. Đã có mùi sơn phấn và nước hoa bắt chợt thoảng qua ở một góc phố, trong một đám đông. Nói nhỏ đi, cười nhỏ hơn, ít nghe những câu chửi tục, những tiếng đệm tục. Giàu hơn trước nhiều, sang hơn trước nhiều, cứ cho là bề ngoài thì cũng vẫn rất đáng mừng. Chỉ có bà cô tôi là ít thay đổi, hầu như không thay đổi. Vẫn mấy chiếc xe máy đã cũ, và vẫn còn nhiều xe đạp, loại xe đạp cà tàng từ những năm nào. Trời nắng các em đi xe máy, trời mưa đi xe đạp, đỡ phải rửa xe. Ăn mặc của bà cụ, của các em cũng chả có gì sang hơn, như trước đây, ngày trước với Hà Nội đã là sang, bây giờ là quá thường. Bây giờ con gái Hà Nội mặc quần chần đen, gót xê, có dải buộc dưới bàn chân, mặc măng tô lửng, hoặc đi bít tất đen dài, quần cộc, áo vét trùm qua hông. Đàn ông cũng diện lăm, áo

vết tông các kiểu, thắt cà vạt đủ màu, giày đen, cứ như họ từ các đại sảnh bước ra. Không phải đâu, chỉ là quần áo thường ngày thôi, cũng giống như trước kia họ mặc áo bông xanh, quần kaki vàng và đi dép nhựa. Chưa bao giờ tôi thấy người Hà Nội ăn mặc sang trọng như bây giờ. Chưa bao giờ tôi thấy phở xá chổi lộn những tủ kính, những bảng hiệu và ánh sáng như bây giờ. Vậy mà một nhà giàu của Hà Nội có dư điều kiện để thay đổi lại không chịu thay đổi. Một đại gia đình gồm hai con trai, hai con dâu, một gái, một rể và những đứa con của họ vẫn sống chung dưới một mái nhà, ăn chung một bếp ăn. Thiên hạ thì chia ra, bà cụ lại gom vào. Vẫn rất êm thấm mới lạ chứ. Nếp nhà đã thặng được tự do của cá nhân sao? Phải nói thêm, cái nếp nhà này cũng ít ai theo kịp. Người con dâu cả vốn là con gái Hàng Bò, đỗ đại học, là một cô gái kiêu hãnh, tự tin, không dễ nhân nhượng. Ai cũng nghĩ hai người đàn bà, một già một trẻ, cùng sắc sảo sẽ rất khó chấp nhận nhau. Vậy mà họ ăn ở với nhau đã mười lăm năm chả có điều tiếng gì. Người chị của cô con dâu đến nói với bà cô tôi: “Bác chịu được tính nó thì con cũng phục thật đấy”. Bà cải chính: “Đúng là tôi có phần phải chịu nó nhưng nó cũng có phần phải chịu tôi, mỗi bên chịu một nửa”. Bà bảo, con dâu là vàng trời cho, mình không có công để ra nó, cũng không nuôi nó ăn học ngày nào, bỗng dưng nó về nhận mình là mẹ, sinh con đẻ cái cho dòng họ, càng đáng mọi việc từ trẻ đến già, không lẽ sống nó thì thôi còn hoạnh học nổi gì. Bà chiều quý và tôn trọng các con dâu thật lòng nên cả hai nàng dâu đều tâm sự với mẹ chồng: “Con ở với mẹ còn thoải mái hơn ở nhà với mẹ con”. Con rể và con gái được nhận nhà ở một khu tập thể, nhà chật, lại xa, con còn nhỏ. Nhưng anh con rể không muốn nhờ vả mẹ vợ, tự mình cũng thấy không tiện mà người ngoài nhìn vào càng không tiện. Bà biết thế nên bảo con rể: “Trong cái nhà của tôi có một phòng dành cho vợ anh. Của vợ anh tức là của anh. Cũng như mọi thứ của anh tức là của vợ anh. Chẳng lẽ anh bảo không phải”. Năm ngoái khu phố có yêu cầu bà cụ báo cáo về nếp sống gia đình cho hàng phố học tập. Bà từ chối, khi tới lại thăm bà nói riêng: “Cái chuyện ấy ai cũng biết cả, chỉ khó học thôi”. Tôi cười: “Lại khó đến thế sao?”. Bà cụ nói: “Trong nhà này, ba đời nay, không một ai biết tới câu may, câu tao. Anh có học được không?” À, thế thì khó thật. Theo bà cụ, thời bây giờ có được vài trăm cây vàng không phải là khó, cũng không phải là lâu, nhưng có được một gia đình hạnh phúc phải mất vài đời người, phải được giáo dục vài đời. Hạnh phúc không bao giờ là món quà tặng bất ngờ, không thể đi tìm mà cũng không nên cầu xin. Nó là cách sống, một quan niệm sống, là nếp nhà, ở trong tay mình nhưng nhận được ra nó, có ý thức vun trồng nó lại hoàn toàn không dễ.

3.

Trở lại câu chuyện cũ, tại sao bà cụ không chịu bán nhà, chia tiền cho các con để họ lập cơ nghiệp riêng? Lớn rồi thì phải ở riêng, nó thuận với sự phát triển. Con cái đã trưởng thành vẫn bắt ở chung ăn chung như trại lính, đâu có phải là chuyện tính toán khôn ngoan. Bà cụ nghe tôi nói cười tít cả mắt, ra cái vẻ mọi sự bà đã tính cả rồi, đâu có đợi một thằng nhà văn ngây ngô mách nước. Bà nói, hiện nay các con bà vẫn thích đi làm cho nhà nước bằng cái nghề chuyên môn đã được đào tạo của mình. Ngoài giờ đi làm thì bọn nó đọc sách, dạy con học, bù khú với bạn bè. Họ thích sống như thế và có điều kiện để sống nhàn nhã như thế. Họ không có óc kinh doanh, không có nhu cầu phải kinh doanh. Không cần đến tiền thì không nên một lúc cầm quá nhiều tiền. Đồng tiền do may mắn mà có, do thời thế đổi thay mà có rất dễ là mầm mống của nhiều tai họa. Vì người có tiền chưa kịp học cách tôn trọng đồng tiền, sai khiến đồng tiền. Ở cái nhà này, theo tôi biết, chưa bao giờ họ mua vé số. Cũng không thờ cúng ông thần bà thánh nào, ngoại trừ ngày giỗ để anh em con cháu có dịp gặp gỡ nhau. Họ không cầu gặp may mắn, không săn đón may mắn. Họ chỉ nhận những cái đáng nhận. Bà cụ vẫn đi lễ các chùa miếu đền phủ với bạn bè nhưng bà không khấn. Bà cũng chưa từng xem tướng, xem bói, xin xăm. Ngày chủ tôi mất mọi việc hậu sự chỉ một mình cô tôi lo liệu, không hỏi han bất cứ ai, không xem giờ xem ngày gì cả. Việc cưới xin của các con cũng thế. Đưa con gái đi, đón con dâu về tuyệt đối không có xem tháng xem ngày. Trong một lần trò chuyện, bà hỏi tôi: “Anh có phân biệt được người giàu lương thiện và kẻ giàu bất lương không?” - “Trong bao lâu?” - “Trong một lần tiếp xúc”. - “Thế thì khó!”. Bà bảo, bà vẫn phân biệt được. Những đứa giàu lên do cướp đoạt, lừa đảo nói chuyện một lúc là biết. Bọn họ khinh người rẻ của lắm. Họ không tin một ai cả, càng không tin còn có lòng tốt ở đời. Họ chỉ tin có tiền. Tiền là quân của họ. Một đội quân giặc cướp, sẵn sàng tàn phá tất cả, tiêu diệt tất cả để đạt được những cái đích phù phiếm của chủ nó. Bà nói, bà là người biết quý trọng đồng tiền từ trẻ tới già, nhưng mấy năm gần đây bà lại sợ tiền. Nghe chuyện của thiên hạ mà sợ. Càng ít sở mớ tới tiền càng tốt. Nó có độc đấy! Bàn tay thương vợ, bàn tay yêu con, bàn tay nắm bàn tay của bạn bè đếm mãi tiền niêm

độc lúc nào không hay, sẽ không còn là bàn tay của người nữa. Vì lẽ đó mà bà chưa muốn bán nhà. Các con bà cũng không ý eo, nài ép bà phải bán nhà. Thế là may. Nhưng cái may này còn kéo dài được bao lâu? Bà vốn không tin vào sự may rủi. Bà chỉ tin vào sự chuẩn bị của mình, chuẩn bị trong cái khả năng có thể, chứ liệu hết thế nào được những việc của chục năm sau.

4.

Bữa tôi sắp trở vào thành phố Hồ Chí Minh, tôi có lại chào bà. Cũng như mọi lần tôi nói nửa vui nửa buồn: “Mong cô khỏe mạnh mãi để mỗi lần ra, cô cháu mình có dịp bàn chuyện thế sự, văn chương”. Bà cụ cười rất hồn nhiên: “Nếu được sống thêm mười năm nữa thì vui lắm đấy. Nhưng mà khó”. Vì biết là khó nên ngay từ năm ngoài bà đã làm chúc thư, phòng khi đột nhiên phải ra đi thì các con đã có cẩm nang hành động. Làm chúc thư là khó lắm, sống làm sao chia của làm vậy. Chia khéo thì trai gái dâu rể mãi mãi là con của mình, mãi mãi là anh em ruột thịt của nhau. Chia vụng thì xẻ đàn tan ghé ngay tức khắc, càng đông con cháu càng lắm mối họa. Trước hết bà gặp riêng năm người con của mình vào một buổi chiều, con dâu con rể không được tham dự. Nguyên tắc làm chúc thư của bà là công khai và công bằng, không phân biệt trai gái, trưởng thứ. Tài sản chia làm sáu phần bằng nhau, năm con năm phần, mẹ một phần. Phần của mẹ hoặc gửi ngân hàng, hoặc đem kinh doanh, tùy, số lãi hàng năm lại chia làm sáu. Con trai đầu phải giữ việc hương khói được nhận hai phần. Bốn phần còn lại sẽ bỏ vào một quỹ riêng để chi các việc: tu bổ nhà thờ, sửa sang phần mộ, góp giỗ tết với các chi khác và cấp đỡ cho bà con nghèo của hai họ nội ngoại. Đồ gỗ và đồ sứ trong nhà thì cho hai con trai. Đồ trang sức của mẹ thì cho ba con gái. Sau buổi họp bà cụ phân công cho con gái lớn viết lại chúc thư làm sáu bản, viết tay không đánh máy, cả sáu người đều ký, mỗi người giữ một bản, có giá trị trước pháp luật. Từ nay bán nhà hay cho thuê nhà bà cụ coi như không biết, đám thừa kế cứ theo nguyên tắc chia sáu mà xử sự. Bà cụ nói xong, nhìn tôi một lúc lâu rồi bà cười rất ý nhị:

- Con người ta ai cũng có phần thiện phần ác. Muốn dưỡng thiện diệt ác thì trong nhà phải có gia pháp, ngoài xã hội phải có luật pháp. Trong gia pháp có phần truyền thống và danh dự của dòng họ, có phân đạo đức của người trên và nghĩa vụ của kẻ dưới. Gia pháp cũng phải theo thời mà điều chỉnh, quá ngược với thời thế thì con cháu khó theo, quá xu mị thời thế thì bỏ mất gốc rễ. Theo chỗ tôi biết gia pháp của nhiều danh gia vọng tộc ở Hà Nội đang gặp hồi khủng hoảng. Suốt mấy chục năm anh dạy các con anh khinh miệt đồng tiền, lên án tư hữu và những người giàu có đều là phần tử bất hảo. Bây giờ anh tính sao? Bây giờ các con anh đều lao vào kiếm tiền, đều nuôi mộng làm triệu phú tỷ phú trong chớp mắt. Khôn một nỗi chúng lại chưa từng được ai dạy bảo cái cách ăn ở với đồng tiền. Đồng tiền vừa là đày tớ vừa là ông chủ, vừa là bạn đường vừa là giặc cướp, các con anh biết chọn cách nào? Chúng chỉ biết lựa chọn theo trực giác, theo kinh nghiệm tức thì, theo lợi ích trước mắt. Anh nghĩ xem, đã đến thế thì con người và nền văn minh của con người đã bị chúng gạt khỏi mọi sự tính toán rồi.

5.

Mấy hôm trước trời âm nhưng hơi nồm, chỗ nào cũng lép nhép nhầy nhụa đến khó chịu. Đêm như có mưa, hơi nặng hạt thì phải, hạt mưa gõ trên mái ngói nghe rất rõ. Sáng ra tất cả đã ráo khô, mảnh sân trắng toát, hè nhà trắng toát, trời khô và lạnh. Cái lạnh của mùa xuân thật dịu dàng, thờ rất dễ, người rất nhẹ, mặc một cái áo len mỏng, khoác thêm một cái áo ngoài, đạp xe ra đường nhìn vào cái gì cũng đẹp. Huông hồ bây giờ Hà Nội lại đang đẹp, mỗi ngày một đẹp ra, trẻ ra. Lắm lúc nghĩ cũng tiếc đã trót đưa vợ con vào sông trong Sài Gòn. Tiếc thì tiếc chứ không thể làm lại được. Một chân đã thõng vào cõi hư vô rồi thì không nên bắt đầu bất cứ việc gì nữa. Không còn cả thì giờ để ganh ghét, đố hờn giận. Chỉ còn đủ thời gian để làm lành, có thua thiệt vẫn cứ nên làm lành. Văn chương làm lành cố nhiên là không hay rồi, thôi kệ, vì cũng chả còn hơi sức đâu gây sự, dẫu chỉ là gây sự vật.

Tôi đạp xe thông thả dọc đường Phan Đình Phùng bất chợt gặp một ông già khoảng tuổi tôi chạy bộ buổi sáng từ đường Cổ Ngư về. Ông chạy bên kia đường, tôi đạp xe bên này đường, lại có một thằng chạ cười xe Dream chạy chậm cùng chiều với tôi. Bỗng thấy hắt hét lên: “Chạy lộn đường rồi! Văn Điền đi lồi kia cụ ơi!”. Ông già đứng sững lại, thằng chạ vừa hét quay mặt lại nhìn tôi nhăn răng cười. Chớ có ngạc nhiên! Rác của Hà Nội đấy! Hàng hóa nhiều tất nhiên rác rưởi phải nhiều chứ nghèo quá, đói quá lấy đâu ra rác.

Chúng tôi và bọn hắn

1.

Tôi và Phúc là bạn của nhau từ năm tôi mười bốn tuổi. Hai nhà sát cạnh nhau ở phố Résident Miribel nay là phố Trần Nhân Tông, đi vài bước là ra phố Huế, nhìn sang bên kia đường là Chợ Hôm. Nói là bạn cũng chưa hẳn đúng, anh hơi tôi hai tuổi, học trên hai lớp, tính cách phóng khoáng, mạnh mẽ như một chàng trai đã trưởng thành. Mỗi lần gặp nhau ở cửa, anh mặc quần soọc trắng, áo sơ mi cộc tay trắng, tóc cúp bô, đi giày thể thao, đứng dạng chân, hai tay thọc túi quần, hất hàm hỏi tôi chuyện này chuyện kia, mày mày tao tao, ra dáng ông anh lắm. Tôi vốn là người tính cách mềm yếu, dễ bị ngợp trước những người mạnh, tồn tồn trả lời lúc xưng tôi, lúc xưng em. Cuối năm 44, đột nhiên Phúc bỏ nhà ra đi. Vì sao mà đi và đi đâu thì không được biết. Bọn trẻ con trong phố nói thầm với nhau cái tin đó một cách kính trọng và bí mật. Sau này mới biết Phúc đã là Việt Minh từ cái ngày ấy. Rồi gia đình tôi dọn nhà lên phố Đỗ Hữu Vị, sau lại về Vân Hồ nên không biết tin tức gì về gia đình Phúc nữa. Cuối năm 1949, tôi làm phóng viên cho báo Dân quân Hưng Yên bất chợt gặp Phúc ở Kim Động. Anh ăn mặc giống hệt một cán bộ cấp đại đội hay tiểu đoàn tôi thường gặp, quần áo nâu, áo trấn thủ mặc ngoài, đeo xà cọt, túi áo cài bút Oerovơ, tay đeo đồng hồ và sau đó cộm lên một khẩu súng ngắn. Anh nói đã là chính trị viên đại đội đang trên đường lên Việt Bắc dự hội nghị bí thư chi bộ toàn quốc. Năm 61 tôi lại gặp anh, cùng là cán bộ của Tổng cục Chính trị, cấp bậc như nhau, đại úy. Rồi anh lại đưa vợ con về ở cùng một dãy nhà với tôi trong một khu tập thể của quân đội sát bờ sông Hồng. Anh ở gian đầu, tôi ở gian giữa, sáng tôi đều gặp nhau như xưa kia nhưng mối quan hệ đã bình đẳng hơn. Phúc là người rất có tài nhưng cái tài của anh chưa đúng thời, có khi còn nghịch thời nên chỉ được làm anh trợ lý quèn của một phòng vô danh. Nghĩ cũng tội nghiệp. Năm 65 anh được điều vào chiến trường Trị Thiên. Năm 70, anh ốm quá nên lại được gọi ra Hà Nội, người chỉ còn da với xương, nhăn nheo như ông già, hai tay chống hai gậy. Bà vợ bỏ cả việc làm để nuôi chồng lúc ở bệnh viện, lúc ở nhà, mặt mũi sầu não, đi lại hốt hải. Mà lại nghèo quá. Chồng là thiếu tá quân đội, vợ làm ở xí nghiệp may quốc phòng, lương chỉ đủ ăn chứ không đủ tiêu vì họ có những ba con đang ăn học. Lại ốm đau, chồng ốm, vợ cũng hay ốm vì chị mắc bệnh suyễn. Vay hàng xóm từng bơ gạo, từng đồng bạc. Nhìn chị vất vả lắm lúc tôi cũng ngượng. Tôi thì hầu như không đi đâu xa và cũng không đi dài ngày. Đi xa nhất là Vĩnh Linh, ở lâu nhất là một tháng. Viết bài cho các báo thì có tiền nhuận bút. Vài năm lại được một chuyến đi nước ngoài. Đã thế quân hàm mỗi cấp tôi cũng đều được phong trước anh. Có thể cách sống của tôi hợp với thời thế hơn anh. Tôi khom mình vào cái trật tự chung vừa vặn, lại có phần thoải mái. Còn anh? Con người anh, cách nghĩ của anh, lối sống của anh hình như hơi rộng hơn cái mẫu đã được quy định thì phải. Cứ sục sục thế nào ấy. Cứ ngang ngang thế nào ấy. Cứ như người bị ngạt. Có lần đứng với nhau ở vườn ngoài, anh nói một chuyện gì đó, một chuyện không nên nói to, cũng không nên đứng nói ở ngoài đường, tôi đưa mắt nhìn xung quanh theo thói quen rồi bảo nhỏ: “Ông nói be bé chứ”. Anh nhìn tôi với cái vẻ khinh miệt rồi cười khẩy: “Nhà yếm chó gì mà nhát thế! Đã nhát thì không nên cầm bút nữa!”. Ô, mình cũng hèn thật nhưng cái hèn đã ngấm vào máu rồi, làm sao mà sửa.

2.

Vợ Phúc là con gái Hà Nội, con một gia đình công chức nhỏ. Khi bộ đội tiến vào giải phóng thủ đô, chị cùng các bạn gái xô nhau ra đường vẫy cờ vẫy hoa, hoan hô những người chiến thắng vừa đẹp vừa hùng như trong các truyện cổ tích bước ra. Rồi chị gặp chàng Phúc của tôi, anh đang ở tuổi 25, là hoàng tử của nhiều cô gái dậy thì vào cái thời ấy. Họ quen nhau, yêu nhau được nửa năm thì cưới nhau. Ngày ấy chị đã nghĩ, được lấy Phúc là may mắn lớn nhất của đời chị. Chứ ai ngờ chị sẽ phải chịu bao nhiêu cay đắng với ông hoàng tử đời thường suốt mấy chục năm sau. Phúc sinh ra là để hoạt động xã hội, xã hội không dùng anh thành kẻ bất đắc chí. Chưa bao giờ anh là người của gia đình, anh gắn vào nó một cách hồ hững, gắng gượng. Anh thích ăn ngon, lại thích mời bạn bè đến nhà ăn những bữa cơm rất ngon, khổ cho người vợ lắm nhưng chị vẫn cố xoay sở được. Khốn nỗi, ông anh tôi còn thích cả bộ bạch nữa, cái tật ấy từ trẻ đến già vẫn chưa sửa được. Thời ấy còn ăn gạo sô, mỗi lần chỉ lĩnh được

dầm cân, mười cân, xếp hàng mất cả buổi, thiếu gạo thì phải mua chợ đen, tiền đâu mà dám ăn gạo chợ đen. Suất gạo của Phúc được mua đủ một lần ở bếp quân đội nhưng anh không đưa về nhà mà lại đưa đến nhà người tình. Hình như người tình của anh cũng đông con. Con trai anh nhìn thấy và nói lại với tôi. Nó rất buồn, tôi cũng buồn, vợ anh chỉ còn biết khóc thâm khóc lén. Chị là con nhà gia giáo, được giáo dục theo kiểu cổ, chồng phụ chỉ biết khóc chứ không dám đến cơ quan chồng tố cáo, kiện tụng. Chị thì một ngày một gầy yếu vì bệnh suyễn, vì hầu hạ con cái, vì lo tiền. Còn ông chồng càng già càng to lớn, dềnh dàng, khỏe khoắn về đủ mọi phương diện. Hai nhà ở cùng một dãy, thỉnh thoảng đi qua đi lại, chưa lúc nào tôi thấy chị ngời tay. Làm ở xí nghiệp may về nhà có mấy khâu, để có thêm chút ít tiền cho các con ăn học. Năm con gái lớn sinh đứa con đầu nhưng đẻ khó, phải mổ rồi băng huyết, cứu được con, con trai, nhưng người mẹ gần như đã rơi vào tình trạng hấp hối. Chị ôm lấy đứa con gái bất hạnh, gào lên: “Trời ơi, người ta thì được cháu còn tôi thì mất con!” Trong ba tháng chị giành giật lại con trong tay thân chết bằng quyết tâm sắt đá của mình. Chị không nghe thấy gì, không nhìn thấy gì, không còn biết gì, chỉ gào gào có một câu: “Mẹ sẽ cứu con! Nhất định mẹ sẽ cứu được con!”. Chị bán hết những gì có thể bán được, bỏ việc làm, thức cả ngày và cả đêm, quên ăn quên uống, người khô đét, mặt ngầu đỏ, môi trắng lợt, ngón tay dài ra như móng vuốt để níu giữ bằng được con gái lại. Và chị đã thắng. Rồi chị nghỉ hưu để hầu hạ một ông chồng lúc hiện lúc biến như một ông khách và ba con, một rê, thêm một cháu ngoại được mấy tháng tuổi. Cuộc sống ổn định dần, các con đều có việc làm, cháu ngoài đã đi mẫu giáo. Tất cả đều béo tốt, khỏe mạnh nhưng bà mẹ kiêu vũ già, kiêu vũ em thì không còn ra hồn người, đi lại lêu lắt mà vẫn cười rất tươi, lại còn hãnh diện nữa, nhân một lần chị gặp tôi: “Độ này nhàn lắm rồi ông ạ, bây giờ chúng nó đã nuôi được tôi rồi”. Tôi nghe chị nói mà muốn ứa nước mắt. Chị là vàng mười, là kim cương, là báu vật, là sự may mắn lớn nhất mà chồng con chị đã có được ở cõi đời này. Các con thì biết, tôi nghĩ thế, nhưng anh Phúc của tôi liệu có biết không? Nghe nói vẫn có bồ. Ông đã ngoài sáu mươi thì tình nhân của ông là 50 hay 20. Chịu!

Ra Hà Nội lần này tôi khao khát được gặp Lộc, con trai của anh chị, nghe nói đã là giám đốc một xí nghiệp của một Bộ trong chính phủ. Vợ chồng nó có nhà riêng, có điện thoại riêng. Nhưng quay số gọi mãi không thấy ai trả lời, lại gọi đến nhà thằng rề út là thư ký tòa soạn một tờ báo ở Hà Nội để hỏi tin tức. Người bốc máy lại chính là chị Phúc. Tôi ngạc nhiên: “Nghe nói bà đến ở với vợ chồng thằng Lộc kia mà?”. Chị cười: “Từ lúc vợ nó đẻ là tôi đã xin đến bế con cho chúng nó ngay nhưng tôi mới bị bà chủ đuổi việc”. - “Là thế nào?” Chị vẫn cười: “Là bị đuổi chứ còn thế nào”. - “Chắc mẹ chồng lắm lời quá?” - “Không ạ, tôi biết phận tôi lắm ạ, bảo gì làm nấy, trung thành, tận tụy, tuyệt đối không cãi một lời mà vẫn bị vợ nó ghét. Trông con nó đã được gần một năm bỗng dưng một hôm nó thuê đầu một con bé đem về, bảo bà đưa cháu cho con bé kia bế, rồi tự nó đi làm cơm, cho bà ngồi chơi, hỏi không nói, gọi không thưa, thành thử tôi biến thành cái hồn ma trong nhà, ông bảo không đi thì còn biết làm gì”. Lại cười nhưng giọng cười lờ mờ như có nước mắt. Tội nghiệp chị, tội nghiệp cô gái Hà Nội, tội nghiệp cho người vợ một anh bộ đội, bà mẹ của mấy đứa con một thời nghĩ lại vẫn còn kính. Chị lại nói: “Bữa nọ tôi về ngủ với thằng cháu ngoại, nó lên mười rồi, học lớp bốn rồi, mà khôn lắm. Nó bảo: “Câu ấy đuổi bà thì bà về cháu nuôi”. Tôi lại hỏi: “Thằng Lộc nói sao?” Chị ngập ngừng một lát rồi nói: “Nó chả bảo sao cả”. Bây giờ chị lại có việc làm rồi. Đứa con gái út sắp đẻ, chồng nó liền mời bà mẹ vợ đang thất nghiệp tới trông nom giùm. Cũng mới được vài ngày nay. Hời ôi!...

3.

Cứ nhìn vào con mình và con cái của bạn bè là biết ngay thời thế đã thay đổi. Chúng là những nhân vật chính của một vận hội mới, một thời buổi mới, thời mở cửa, thời làm giàu, làm giàu cho mình và làm giàu cho nước, cái sự riêng chung này ly kỳ lắm, còn phải nói nhiều. Là thời mà các giá trị cũ đã mất tính tuyệt đối. Còn những giá trị mới thì lờ mờ, bảo là phải cũng được, bảo là trái cũng được. Nó là những giá trị của buổi giao thời. Nghĩa là còn phải gạn lọc chần những giá trị ấy mới trở thành giá trị thật để chấn hưng một dân tộc. Cuộc sống sẽ chọn lọc, sự phát triển sẽ chọn lọc, nên nó sẽ lâu, không thể sốt ruột. Mọi sự nóng vội từ trước đến nay nói chung là hồng cẩu. Ví dụ, con một ông anh tôi là giám đốc một công ty liên doanh của nhà nước. Nhưng đó chỉ là một vế hay chỉ là một tay, tay phải. Còn tay trái nó cũng ôm một công ty riêng, vốn của nó, gọi là công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ tổng hợp. Gọi tắt là công ty Divutôhồ. Bỏ nó đã tám mươi tuổi, vốn là một viên chức của nhà nước, đã nghỉ hưu từ hai chục năm nay, làm chủ tịch hội đồng quản trị, còn em ruột nó làm giám đốc. Ông chủ lớn là nó thì ngồi phía sau điều hành. Nó buôn một phần còn một phần thì cho mượn bằng hiệu để người khác

buôn. Thương vàng hạ cám nó buôn tất. Nó nói với tôi, đã đội cái mũ ấy cứ tha hồ mà mua. Cái sự mua của nó thì rùng rợn lắm, còn hơn cả truyện trinh thám. Bảo là phải ư? Hình như là không phải, lắm trò ma quỷ quá. Bảo là trái ư? Cũng chưa hẳn, nó nộp thuế đầy đủ, buôn bán lương thiện, đúng pháp luật hiện hành. Thế thì là gì? Chịu! Nó chỉ là một cách làm ăn của lúc giao thời. Tôi đến chơi nhà một người bạn, anh chị đã ngọt nhạt bảy mươi nên coi tôi như em. Mỗi lần đến thăm anh chị đều giữ lại ăn cơm, gặp đúng bữa chỉ thêm bát thêm đĩa là đủ. Người nhà mà. Lần này tôi đến vào lúc 10 giờ sáng. Ngồi đến 10 giờ 30 chả thấy ông bà bảo sao. Tôi đã tính cứ ngồi gan cho đến 11 giờ xem họ có mời cơm mình không nào. Không phải vì bữa cơm, cơm bụi Hà Nội rẻ lắm, ăn phê phởn cũng chỉ hết dăm nghìn, mà tự do. Chỉ là muốn gây khó chơi, xem họ phản ứng thế nào, vì sao mà thay đổi. Mà tôi lắm, ông liếc mắt nhìn bà, bà cúi mặt đưa mắt nhìn tôi, rồi lại nhìn chồng, như người có lỗi. Tôi nhìn họ thích thú một cách độc ác, có chuyện rồi, chỉ chưa hiểu nó là chuyện gì. Đúng 11 giờ, nghe có tiếng còi xe hơi ngoài cổng, bà vợ chạy vội ra. Một lát sau ông con trai lớn của họ, bạn vong niên của tôi, nhón bước vào, com lê đen sọc, cavát, kính màu, chân râu xanh mượt như một thương nhân ngoại quốc. Nó chào tôi rồi bảo ngay: “Chú ở đây dùng cơm với bố mẹ cháu. Có rượu rất ngon. À, mà chú đâu có biết uống rượu”. Lúc ấy cả hai ông bà già mới dám mời tôi ở lại. Trong lúc ăn, với người thân tình tôi hay nói sỗ nên vừa cười vừa bảo: “Khi nãy tao thấy thương hại bố mẹ mày quá”. - “Sao vậy?” - “Ông bà muốn mời tao ăn cơm nhưng vì chưa có lệnh của mày nên chưa dám mời. Tao cứ ngồi gan trên hai cụ chơi”. Bà mẹ cười gượng: “Chú cứ nói quá, làm gì đến thế”. Nó cũng cười: “Mấy ông nhà văn cũng đều thật”. Rồi nó nói ngay: “Đúng là cháu không muốn bố mẹ cháu mời bất chợt bạn của các cụ cùng ăn với gia đình. Muốn mời phải báo trước để cháu còn tránh”. Tôi hỏi: “Anh không thích nói chuyện với bọn tôi à?”. Nó nhè miếng xương, nhả mặt: “Toàn chuyện ông này ra ông kia vào, ông này lên ông kia xuống, chuyện của các cơ quan quyền lực dính líu gì đến bọn cháu”. - “Quyền lực vẫn chỉ huy kinh tế đây anh ạ”. Nó cười: “Danh nghĩa là thế, còn thực chất vẫn là tiền chỉ huy. Đồng tiền lớn chỉ huy đồng tiền bé”. Nó uống một ngụm rượu, vẻ mặt đã rần rần đỏ: “Chúng cháu chỉ có một ông chủ thôi, đó là thị trường, mà quy luật của thị trường thì bất biến nên dễ ứng xử lắm”. Rồi nó hỏi, giọng xỏ xiên: “Ông chủ của chú là ai?” Tôi nói cũng hơi huênh hoang: “Tôi cũng chỉ có một ông chủ như anh, đó là bạn đọc”. Nó cười rất đều, trong hai chúng tôi nó mới là thẳng đều: “Bạn đọc bây giờ đâu có thích văn của chú nữa. Toàn là né, nói gì thì nói vẫn cứ là một cách né. Chú được tiếng là khôn, nhưng cái khôn của chú chỉ có lợi cho một mình chú chứ lợi gì cho dân cho nước, có phải không?”. Vâng, nó nói đúng thế, tôi là một nhà văn, kể ra cũng có chút ít tên tuổi, một tí chút thôi, mà vẫn bị bọn trẻ ranh măng vật. Nó măng cũng chả oan lắm đâu.

4.

Tôi biết Lộc, thằng con trai duy nhất của anh chị Phúc từ nhỏ, từ lúc nó được mấy tháng khi bố mẹ nó ốm về ở cùng một khu tập thể. Từ nhỏ tới lớn nó sống ra sao, học ra sao tôi cũng chẳng chú ý. Vì nó không thuộc loại phá. Nghịch ngầm chắc là có. Nên bạn nó mới đặt tên là Lộc cáo. Bố như thế, mẹ như thế, gia cảnh như thế mà Lộc vẫn học được hết trung học phổ thông, mỗi năm một lớp kẻ cũng là ngoan lắm. Nhưng thi vào đại học Xây dựng thì cậu trượt. Rồi hẵn đi bộ đội mấy năm. Hết nghĩa vụ quân sự Lộc thi vào đại học Ngân hàng đang còn là trường hèn mọn lúc bấy giờ, đồ thủ khoa. Tốt nghiệp đại học năm 82, nhà trường điều Lộc vào Đắc Lắc nhưng hẵn không đi, quyết chí ở lại Hà Nội, không bằng cấp, không hồ sơ, dấn mình vào cuộc phiêu lưu mới để cứu gỡ tình trạng cùng quẩn của gia đình. Không việc gì không làm, tất nhiên là những việc làm lương thiện, không phân biệt việc sang hay hèn cho tới năm 84 mới xin được vào làm nhân viên Phòng Kế toán Tài vụ của một xí nghiệp nhà nước. Năm 88 vào biên chế chính thức và được đề bạt ngay làm phó phòng. Năm 89 là trưởng phòng. Cuối năm 89, tôi ra Hà Nội họp được Lộc mời về nhà riêng của hẵn ăn cơm và ngủ lại một đêm. Nhà của xí nghiệp cấp trong một cao ốc tập thể, ba buồng, đã có sửa chữa lại, trang bị lại, là nhà ở của những năm 90, khác xa với căn nhà đầu tiên của chúng tôi được quân đội cấp. Xưa kia đâu phải là nhà, là chuồng trại thì đúng hơn, bếp tập thể, vệ sinh tập thể, giặt giũ cũng tập thể. Tôi hỏi Lộc: “Tài năng của anh ra sao mà được lên chức vùn vụt thế?” Hẵn cười mồm mỉm, vốn cũng là người ít nói, chỉ hay cười mỉm thôi: “Cũng chẳng có tài cán gì đặc biệt, chỉ là thay đổi lại cách làm. Làm kế toán phải trù lên mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của một doanh nghiệp chứ kế toán không phải là thẳng đây tở, là anh cộng số. Bắt đầu từ đây...” Từ đây phòng kế toán tài vụ là cơ quan duy nhất có thẩm quyền xử lý đồng vốn, quyết định mọi vấn đề tài chính của xí nghiệp, tháo gỡ mọi khó khăn về tài chính để phục vụ

sản xuất, kinh doanh. Nó chính là ông chủ thật sự. Năm 91, Lộc được đề bạt làm phó giám đốc phụ trách kinh doanh. Tháng 1 năm 92, làm quyền giám đốc vì giám đốc cũ phải nghỉ hưu. Tháng 3 năm 92 xí nghiệp họp bầu tín nhiệm một giám đốc có tài cầm cương, nâng xí nghiệp lên cho kịp với sự phát triển vũ bão của nền kinh tế thị trường. Có ba ứng cử viên đều là phó giám đốc, hai cũ, một mới. Lộc trúng cử với số phiếu áp đảo, có một trăm phiếu hẳn được 95 phiếu, 5 phiếu còn lại chia cho hai người kia. Những chuyện vui đó tôi đều có biết, nghe bạn hân kê lại. Tôi cũng vui, nhưng vẫn chưa hết ngạc nhiên. Cái thằng nhóc ấy, cái thằng tôi ăm bē nó từ thuở mới có mấy tháng lại ghē gớm đến thế à? Nó được đào tạo từ bao giờ, hả? Bô Phúc nó chưa để đã làm được hưởng chi nó. Còn nó... thì nó đã làm rồi đây. Cái xí nghiệp của nó đã có tiếng tăm rồi đây. Chẳng gì nó cũng là một ông tỷ phú, tỷ phú nhà nước thôi, của cái thời bây giờ.

Ra Hà Nội là tôi gọi điện gặp Lộc ngay. Hân hẹn sẽ đón tôi tại tạp chí Văn nghệ quân đội là nơi tôi đang ở nhờ. Tôi hỏi: “Đi bằng gì thế?” Hân cười khē: “Tất nhiên là bằng xe hơi của cháu”, Hân mặc một cái áo len xám mỏng cổ rộng, thắt cavát và đi đôi giày da cực đắt. Xe hơi Đài Loan, hân ăm đưa con gái mười tháng tuổi ngồi băng sau với tôi, tự nhiên, nên nã như vốn đã ngồi xe hơi đi làm từ mấy đời rồi. Vẫn là căn hộ cũ nhưng đã được nới rộng nhiều thì phải. Phòng khách có trải thảm, các cửa đều treo rèm, tranh nghệ thuật, kệ sách, tủ rượu, điện thoại. Rồi buồng của vợ chồng, buồng của con gái, buồng của khách nghỉ lại, phòng ăn, bếp, nhà vệ sinh tất cả cứ sáng choang, thơm phức cái mùi sang trọng như một căn hộ nào đó tôi đã từng đến ở nước ngoài. Như ở Mỹ chẳng hạn. Cô vợ rất trẻ và đẹp, tóc cắt rất ngắn, mặc áo cộc, quần lửng nói với tôi rất tự nhiên: “Cháu chỉ làm có hai món như chú đã dặn anh Lộc: riêu cá và đậu rạn vàng”. Tôi hỏi: “Anh em đã căn cứ vào đâu mà dám giao một xí nghiệp cỡ quốc gia vào tay một thằng cha chưa bao giờ làm quản lý như anh?” Lộc nói: “Anh em chỉ căn cứ cái khả năng có thực của cháu trong mấy năm làm ở xí nghiệp”. - “Còn những tiêu chuẩn khác?” - “Cũng có tính nhưng không quan trọng lắm. Cháu là con một ông đại tá cách mạng, đã tốt nghiệp đại học ngân hàng, là một công dân lương thiện, chưa từng can án. Thế là đủ”. - “Bộ có can thiệp không?” - “Không!”.

Tôi đó Lộc nói với tôi rằng, chưa bao giờ hân dám nghĩ sẽ có ngày làm giám đốc. Hân chỉ dám mơ ước được học hết đại học, rồi xin được việc làm quanh quần Hà Nội, được chia mấy mét vuông nhà ở, lấy một cô vợ có nghề nghiệp, đẻ một hai đứa con rồi đón mẹ về ở cùng, con nuôi mẹ, bà nuôi cháu. Như bô mẹ hân trước đây, có thể sẽ hạnh phúc hơn chút ít. Chỉ mong được như thế mà cũng đã thấy khó. Nào ngờ thời thế đổi thay, lại thành ông giám đốc 32 tuổi, chỉ vừa thoát khỏi cảnh thất nghiệp mới được có bốn năm. Thay đổi đến chóng mặt, như trong chiêm bao. Mà hân lại chưa từng được đào tạo để làm ông chủ một doanh nghiệp. Lại là một doanh nghiệp đã nợ cả tỉ bạc, đã mất phương hướng sản xuất và kinh doanh, đã không còn khả năng cạnh tranh và cũng không còn uy tín gì với khách hàng. Hãy làm đi, tự anh phải quyết định tất cả, vì trên không giao kế hoạch sản xuất cũng không cấp vốn liếng, người nuôi động, nợ lại nhiều. Ông giám đốc cũ đã thất bại rồi, đã buộc phải nghỉ hưu rồi. Ông giám đốc cũ tuổi gần bằng tuổi bô hân, số năm làm việc trong các cơ quan nhà nước cũng gần bằng tuổi quân của bô hân. Mà thất bại. Thất bại thế thảm. Chả lẽ thằng trẻ ranh miệng còn hơi sữa lại đảo ngược được tình thế? Bầu bán gì mà kỳ thế? Vậy mà hân dám nhận làm, làm với bộ máy cũ, với người giúp việc cũ, với số công nhân cũ. Không thay một ai cả, không đuổi một ai cả. Chỉ cần một cái đầu thôi. Duy nhất có một cái đầu là hân. Cái đầu của hân cộng với hai trợ thủ: thời gian và thông tin. Biết trước là thắng. Đến trước là thắng. Do biết trước nên tính được trước để nẩy sinh những bài toán lạ. Đã gọi là lạ thường làm người ta sợ, khó được tất cả đồng tình. Nên giám đốc phải có gan quyết đoán và chịu trách nhiệm. Đúng, cả xí nghiệp được hưởng lợi. Sai, giám đốc xin ngồi tù.

Tôi hỏi: “Tự suy tôn mình là cái đầu không sợ anh em họ mắng cho à?”. Hân cười: “Nếu đảm bảo được sự công bằng trong quyền lợi cũng như trong danh dự thì những bất bình khác sẽ dịu đi”. Lộc cho biết mức lương hiện nay của xí nghiệp hân vào loại tạm sống được ở Hà Nội, lương thấp nhất ba trăm ngàn, lương cao nhất ba triệu. Công nhân viên đã được hưởng tuần làm việc năm ngày rưỡi, tiêu chuẩn đi nghỉ hàng năm không phải chỉ một người mà cả gia đình, và ngày sinh nhật của họ đều được xí nghiệp tặng quà mừng. Quà mừng thì như nhau, giám đốc cũng như nhân viên thường, vì khi sinh ra mọi người đều bình đẳng. Tôi khen nịnh: “Làm được thế thì anh còn ngồi ở cái ghế này lâu”. Hân cười: “Mới là đôi nội, còn đôi ngoại nữa chú ơi. Trong tình hình nửa bao cấp nửa tự do nếu không xây dựng được các mối quan hệ thật tốt để họ hỗ trợ mình làm ăn là hỏng ngay, dù giám đốc có đủ cả tài

lần đức và được anh em ủng hộ”. Tôi lại hỏi: “Xây dựng quan hệ tốt là thế nào?” Hân nói ngay: “Không thể cho chú biết được. Đó là một bí mật”. Do bị tôi nài ép một cách sượng cuối cùng Lộc cũng chỉ dám tiết lộ một chi tiết nhỏ. Ví như ngoài thuế nhà nước còn có thuế lễ đời. Tôi vẫn hỏi một cách thơ ngây thế nào là thuế lễ đời. À, chú phải đủ thông minh để hiểu chứ! Tao già rồi, tao là người sống ở một thời khác, có những lễ đời khác, làm sao hiểu nổi cái lễ đời của thời bây giờ. Nó mặt ngang mũi dọc ra sao hả ông giám đốc? Khó nói quá nhỉ! Thôi, chẳng hạn chú có hình dung được sự liên quan bằng tiền giữa mấy ông bộ đội phường với xí nghiệp của cháu không? Không hả, đơn giản lắm, nếu “nộp thuế” cho phường đội đầy đủ thì mọi sự đều vui vẻ. Trót quên đi một năm là năm sau đến đợt tuyển quân họ cứ nhè mấy thằng kỹ thuật loại một mà gọi lính. Bọn nó đi bằng giải tán xí nghiệp còn gì! Đó là một địa chỉ trong vài chục địa chỉ mà bọn hân phải giữ mối quan hệ cho được tốt. Khi tôi thắc mắc đến bao giờ thì xã hội mới được điều hành theo đúng pháp luật thì hân dự đoán cũng còn lâu, khoảng chục năm hay hai chục năm nữa, khi thế hệ bọn hân, thế hệ thứ tư hay thứ năm gì đó đã có mặt ở những cơ quan quyền lực cao nhất. Tôi lại hỏi: “Nói thật đi, như anh chẳng hạn, anh có mong muốn được tham chính không?” Hân nói ngay rằng có, nhưng phải chuẩn bị đầy đủ về tài chính đã, phải có nguồn tài chính mạnh mới nhảy vào cuộc chơi này được. Nó đắt tiền lắm. Tôi hét lên: “Bố lão! Anh đang sống ở đâu thế hả?” Hân vẫn trả lời rất điềm nhiên: “Tất nhiên cháu phải có tài, có đức và một lý lịch tốt. Nhưng chỉ như thế thôi thì chưa đủ. Còn cần có thế lực nữa. Không có thế lực thì phải có tiền, có nhiều tiền. Không ai dùng nước dãi để nói suông với nhau những chuyện quan trọng như thế cả”. Tôi đỏ mặt, nói gay gắt: “Rồi anh xem, riêng trong cái lĩnh vực này đồng tiền chẳng có nghĩa lý gì”. Hân lại cười mồm mỉm, một nụ cười rất là “cáo”:

- Vâng, để rồi xem, đó là chuyện sau này chứ đâu phải chuyện ngay ngày mai. Cháu vẫn còn thời gian để chờ đợi mà.

Đất kinh kỳ

1.

Đã hai năm nay tôi chưa lại thăm cô Nhật vợ chú Hồ Dzếnh. Tôi chỉ mới biết cô có họ với tôi sau năm 75, khi tôi gặp bố tôi ở Sài Gòn. Tôi là con bà hai nên không được biết mấy họ hàng bên nội. Nghe ông cụ hỏi, ở Hà Nội có hay gặp ông Hồ Dzếnh không, cũng hơi ngạc nhiên, chả lẽ ông già cũng thích văn thơ Hồ Dzếnh, hóa ra không phải, ông Dzếnh lấy cô em họ của bố tôi là cô Nhật. Trong những năm ở Hà Nội tôi cũng ít được gặp ông Dzếnh. Không mấy khi ông đến Hội, cũng không có việc gì phải nhờ vả Hội, như đã sống bằng nghề khác thì phải. Ông cố ý để mọi người quên mình, chúng tôi cũng đã bắt đầu quên ông. Nghe nói ông có tập truyện ngắn Chân trời cũ hay lắm, cùng một dòng với Thạch Lam, với Thanh Tịnh, nhưng không được đọc. Không có sách mà đọc. Thêm nữa, văn ông, năm ấy tôi nghĩ thế, chắc là loại văn cũ, văn của thế giới cũ còn chúng tôi đang xây dựng một nền văn học mới, văn học cách mạng và vô sản, văn học xã hội chủ nghĩa. Một thuộc về quá khứ, một thuộc về tương lai, không biết văn ông, không được đọc ông cũng chả có gì là thua thiệt. Có một lần tôi gặp ông ở đường Yên Phụ. Năm ấy tôi 32 tuổi, vừa ra tập II tiểu thuyết *Xung đột*, ông Dzếnh như đã ngót ngét 50. Ông gọi tôi bằng anh, tôi cũng gọi ông là anh, như nhau, và lại tôi đang là cây bút trẻ được xem có nhiều triển vọng, còn ông, còn ai nhớ tới ông không nhỉ? Tôi cười nói tự tin, mặt mũi vênh váo, người đang được thời mà. Ông không nói gì nhiều, chỉ nhìn tôi rất âu yếm, rồi bảo: “Tôi thích văn anh, không phải tất cả, nhưng có mấy truyện trong *Mùa lạc* tôi rất thích”. Nếu được ông Nguyễn Tuân khen có lẽ tôi thích hơn vì ông Nguyễn là một uy quyền trong văn giới. Được ông Nguyễn Đình Thi khen thì càng vui vì ông Thi là người lãnh đạo Hội. Còn được ông Tô Hữu khen thì nhất vì ông ấy là Đảng và Chính phủ.

Năm 76, tôi mới tới thăm ông bà Hồ Dzếnh ở phố Hòa Mã, đến để nhận họ, xin đổi cách xưng hô. Ông Dzếnh vẫn đối đãi với tôi như trước, trân trọng, quý mến của một đồng nghiệp với một đồng nghiệp chứ không với tư cách chú cháu. Bà Nhật cũng có ý vui nhưng là vui một cách vừa phải, cười nói lặng lẽ, dịu dàng. Chú Dzếnh là đời chồng thứ hai của cô. Đời chồng trước là ông Trần Trung Phương, một nhà báo và cũng là nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp. Họ ăn ở với nhau chưa được hai năm, có một đứa con trai năm tháng tuổi thì ông Phương mất vì bị lao ruột. Ông mất trước cách mạng Tháng 8 có ba tháng. Cô Nhật thành góa phụ ở tuổi 25. Ông Phương và ông Dzếnh vốn là bạn của nhau từ cuối những năm ba mươi. Năm 46 ông Dzếnh lại thăm bà vợ góa của bạn và tặng bà tập thơ ông mới in *Hoa xuân đất Việt* với dòng đề tặng: Kính tặng bà Trung Phương, rất trân trọng. Năm 51 bà Phương sưu tập những bài thơ hay của chồng viết cho trẻ em đăng rải trên các báo và trong di cảo, lấy tựa đề *Máy vần tươi sáng*, nhờ ông Dzếnh mới ở ngoài kháng chiến về tìm cách cho xuất bản. Ông Dzếnh lấy vợ năm 47, ngoài kháng chiến, có hai đứa con trai. Năm 50, vợ chết vì bệnh tả, rồi đến con trai đầu cũng chết. Ông chôn vợ chôn con rồi ẵm đứa nhỏ vào Hà Nội. Ông nhờ bà chủ nhà xuất bản Nguyễn Du nuôi con giúp để ông có thì giờ kiếm công ăn việc làm. Cuối năm 51, tập thơ của ông Phương in xong. Ông Dzếnh viết bài giới thiệu thơ của bạn trên các báo trong Nam ngoài Bắc. Rồi ông đến chào cô tôi để vào Sài Gòn ở với ông anh ruột và sẽ làm cho báo Thần Chung. Năm 53, hai cha con lại từ Sài Gòn bay ra vì ông nói không thể sống xa Hà Nội được và cũng không thể sống xa cô tôi được. Xa Hà Nội thì mất văn chương. Xa cô tôi thì mất mọi niềm vui để muốn sống. Mùng 2 tết năm 54 hai ông bà làm lễ cưới. Cũng chẳng có cưới xin long trọng gì, chỉ làm một bữa cơm gia đình mời mấy người trong họ, thêm mấy người bạn thân tới chia vui. Từ đó đi đâu cũng là bốn người. Có thể vì cảm thấy đã đầy đủ, đã bằng lòng mà ông viết ít hẳn chăng? Ấy là giả dụ thế, chứ tôi cũng chưa bao giờ dám hỏi thẳng ông hay bà vì sao ông lại viết ít thế. Có lần hai chú cháu bàn chuyện văn chương, ông vẫn đang sục sục vì trời rét, nói cụt hơi, nhưng đã nói tới nghề là nói không dứt, vừa nói vừa thở, nom đến tội. Ông Dzếnh tên chữ là Hà Triệu Anh, người gốc Hoa, sinh trưởng ở Thanh Hóa nên cảm nhận rất rõ những gì Hà Nội đã đem lại cho đời văn của ông:

- Cái nước sông Hồng, cái gió sông Hồng nó lạ lắm, nó làm ra văn chương Bắc Hà, văn chương Hà Nội. Anh muốn sống ở đâu cũng được, viết ở đâu cũng được nhưng phải tráng qua tí chút hơi hướng

của Tràng An thì mới thành văn chương đích thực, nó khác với văn tỉnh lẻ.

Cảm nhận được thế chứ bảo phân tích một cách khoa học vì sao lại thế thì chịu, ông Dzénh vừa ngẫm nghĩ vừa nói tiếp. Thì bao nhiêu cái khôn ngoan của thiên hạ tất phải chạy về đất kinh kỳ mới có cơ hội nổi danh được. Tầng lớp sĩ phu đông, danh gia vọng tộc nhiều, dầu muốn hay không nó vẫn đóng góp cái phần của nó vào sự phát triển trí tuệ của dân tộc. Tiếng nói của họ dầu là chính thức hay không chính thức vẫn tác động tới đời sống tinh thần của cả nước. Nhưng không có con buôn đâu nhá, dầu là tỷ phú vẫn cứ bị dân Hà Nội xem là lái buôn. Cũng không có quan lại đâu nhá, quan lại phải đồ đại khoa, phải sống cao thượng, đẹp đẽ mới được xem là trí thức. Cụ Thiếu Hà Động vẫn cứ là bồi Tây. Còn Tổng đốc Hoàng Diệu mới là sĩ phu Bắc Hà. Và sự đánh giá của nó, của đất kinh kỳ, về việc về người là rất quan trọng, có giá trị lưu truyền hậu thế. Nay, sống ở Hà Nội là phải rất cẩn thận! Anh vô danh thì không nói làm gì nếu anh đã có tí chút tên tuổi là anh sẽ được đánh giá. Ai đánh giá, không có tác giả, không có địa chỉ, chỉ biết một lúc nào đó dư luận chọt bùng lên đề đánh giá về một con người, về một tầng lớp người, là bia miệng đây, trăm năm bia đá thì mòn, nghìn năm bia miệng... Cái dư luận lợi hại ấy là một thứ luật không văn bản để người Hà Nội phải sống đúng theo lẽ luật của dân kinh đô.

Bây giờ ông Dzénh đã mất rồi vĩnh viễn trẻ đẹp ở cái tuổi sáu mươi như trong bức hình bán thân phóng to đặt trên bàn thờ. Và nơi thờ ông cũng chỉ bày có sách của ông thôi. Ông sống, ông nghĩ, vui sướng và đau khổ mãi mãi còn nguyên vẹn trong mây trăm trang sách. Hiện nay tầng dưới của ngôi nhà ở Hòa Mã vẫn chỉ có hai vợ chồng, ông luôn luôn mỉm cười ngồi ở trên cao kia, còn bà mỗi ngày một mỏng đi, lúi húi quanh quẩn với những kỷ vật trong gian buồng quen thuộc. Chính, là con riêng ông Dzénh, Cường là con riêng bà Dzénh nhưng trong nhà này từ bốn chục năm nay không có sự phân biệt con ông con bà mà chỉ là hai thằng con trai, một thằng anh là Cường, một thằng em là Chính. Bố chết thì Cường phải nuôi mẹ nhưng bà chỉ bằng lòng sống với vợ chồng Chính. Chính bảo gì dầu trái ý bà vẫn nghe, chồng còn theo chồng, chồng chết theo con của chồng để nó đỡ tủi. Năm ông Dzénh mất tôi đang học ở Hà Nội. Ông mất ngày trước ngày sau với ông Lưu Trọng Lư thì phải. Trước đó ông đã đi nằm viện cả tháng, vẫn bệnh suyền, trời đang rét mướt. Khi biết mình không sống nổi ông đòi về nhà. Các con trai thuê xe của bệnh viện đưa ông về lúc nửa đêm vì ông đã hấp hối. Bà vẫn thức đợi chờ, vừa nghe tiếng còi xe đã mở toang hai cánh cửa đón chồng lần cuối. Hai anh em cáng bó đã hôn mê đặt lên cái giường của bố mẹ. Bà quỳ một bên giường nhìn chăm chăm vào gương mặt đã vàng như sáp của chồng, ruột đau như xé nhưng không khóc được. Chợt ông cựa mình, mở mắt, ngược nhìn lơ lảo, gọi nhỏ: “Mình ơi!” Rồi ông tắt thở luôn. Suốt mấy năm bà sống với giây phút vĩnh biệt từng giờ, nửa đêm thức giấc lại nghe có ai gọi: “Mình ơi!” Ông bà sống với nhau đã bốn chục năm chứ có ít ỏi gì, lại đã ở tuổi bảy mươi mà lúc chia ly vẫn đau đớn, vật vờ như họ còn rất trẻ. Cũng lạ! Ông mất được ba ngày, lúc dọn lại bàn làm việc của bố, Chính chợt thấy một mảnh giấy rơi ra từ một cuốn sổ tay. Một bài thơ của bố làm tặng mẹ, làm trước lúc vào bệnh viện, bài thơ già biệt người bạn tình của một đời người:

Mình vừa là chị là em

Tám lòng người mẹ trái tim bạn đời

Mai này tới phút chia đôi

Hai ta ai sẽ là người tiễn nhau?

Xót mình đã lắm thương đau

Tôi xin làm kẻ đi sau đỡ mình

Cuộc đời đâu phải phù sinh

Nước non chan chứa nghĩa tình, mình ơi!

Đúng thế, cuộc đời đâu phải phù sinh! Cái nghĩa tình thâm lặng, nhỏ nhoi của mỗi gia đình, của một vùng đất luôn luôn bị quên đi trong cái ồ ạt, xáo động, ngẫu đục của dòng đời vẫn cứ là mạch nước ngầm trong suốt, vô nhiệm để nuôi sống những tinh hoa của dân tộc.

Nói chuyện với ông Kim Lân bao giờ cũng thích thú. Mình không phải đề phòng, không phải uốn éo, muốn nói gì thì nói, không muốn nói thì ngồi im, ngồi lâu cũng được, bất thần bỏ ra về cũng được, ông không hiểu làm bao giờ, không trách móc bao giờ. Tính ông ưa nhàn, ông là người của tự do, thứ tự do vì nhu cầu tự tại chứ không phải để khoe, để diễn. Ông chưa sợ các cuộc tranh chấp đôi khi diễn ra ở Hội Nhà văn vì ông tự biết không thể đứng hẳn về một phe nào, đã thành phe là ông hải, bất kể là phe thủ cựu hay phe tiên bộ. Vì đã là người của phe là bị bắt buộc rồi, là mất tự do rồi. Phải nói theo phe, vui buồn theo phe, chơi với ai cũng phải liếc mắt nhìn phe! Trong mấy năm làm việc ở Hội tôi cũng hay lấy ông làm một chuẩn mực để kiểm tra công việc của mình, vì tôi cũng sợ mình trở thành lô bịch. Mà cũng đã bắt đầu hơi lô bịch rồi. Tôi thầm cảm ơn ông khi tôi thắng ông cũng không nói theo hay tỏ ra quá sốt sắng với những dự định tôi trình bày. Mà khi tôi bại ông cũng không có ý giễu cợt hoặc trách móc. Trước sau vẫn thế, chỉ là bạn văn thôi. Tôi chỉ tiếc ông viết hơi ít. Sao thế nhỉ? Có lẽ cái tạng của ông khó thích hợp với một thời buổi chói lòa ánh sáng, âm ả tiếng động và cuộn cuộn những dòng người. Nó dữ dội quá, quyết liệt quá. Ông dành sự cảm thông hoàn toàn với những số phận buồn thảm, đơn độc như cặp vợ chồng trong *Vợ Nhật* chẳng hạn. Lân gặp năm ngoài tôi có nói với ông: “Bây giờ lại là thời của anh đấy. Anh viết đi”. - Ông cười buồn: “Hết hứng rồi. Thôi, cho nó qua luôn”. Đúng thế, văn chương đâu phải là thứ để dành được, ướp lạnh được, không dùng trước thì dùng sau hoặc dùng dần. Nó là sự sống mà, lại là phần thiêng liêng, mong manh, dễ mất nhất của sự sống.

Tôi lại thăm ông Kim Lân vào một buổi chiều. Cũng là đến hú họa vì không mấy khi ông ở nhà. Ông tự do mà. Có lần ông theo đoàn làm phim đi đây đi đó đến mấy tháng, ăn ở như anh em, chơi đùa như anh em, là một ông già chịu chơi, chả làm phiền ai cũng không để ai gây phiền mình. Người như gió. Thế nào lại gặp ông ở nhà đang tiếp một ông bạn già khác, cả hai cụ cùng là ủy viên ban chấp hành Hội Sinh vật cảnh của thành phố. Ông hỏi: “Ông có chuyện gì cần nói riêng không?” - “Không, lại thăm anh thôi, các cụ đang bàn chuyện gì thế, tôi nghe được không?” - “Được chứ, đang bàn về cái nghề chơi cây cảnh của anh em tôi”. Đừng có tưởng cái Hội Nhà văn là to, cái nghề viết của mình mới có đạo. Nghề chơi cây cảnh cũng có cái đạo của nó, không biết nó cũng không ai chết, cũng như không đọc văn cũng không chết, nhưng sống sẽ nghèo đi, sẽ buồn hơn và chắc chắn cách sống sẽ tục hơn, sẽ đục hơn. Những năm 50 có cụ Vĩnh ở phố Hàng Trống là bậc sư của nhiều thế hệ trong cái nghề chơi cây cảnh. Ai mà có chút ít gì của cụ để lại, một cái chậu, một cái cây, thậm chí chỉ một hòn đá, bây giờ là vô giá. Chớ có mở miệng hỏi cụ mua cái này cái nọ. Muốn mua phải mời cụ bữa rượu rồi nhân cái không khí thầy trò, bạn bè trong bữa rượu ông cụ bốc lên bằng lòng bán là phải cướp lấy ngay. Khi cụ hỏi thì cũng muộn rồi. Có lần ông Kim Lân cùng với các họa sĩ Nguyễn Tiến Chung, Phạm Văn Đôn, Nguyễn Đức Nùng lại thăm cụ Vĩnh. Có một tiểu đồng, gọi thế thôi, chứ ông ta cũng phải năm chục tuổi, đầu cạo trọc như sư, mặc quần áo nhuộm nâu đón khách ở nhà dưới rồi mới chạy lên hỏi cụ, hoặc cụ xuống tiếp, hoặc cụ cáo bệnh. Một lát sau ông cụ xuống, quần áo lụa nâu, mặc ngoài một cái áo bông ngắn cũng màu nâu, tóc bạc, râu bạc, thần thái phiêu dật như một đạo sĩ. Trước khi ra vườn xem cây, cụ tự bê một cây cúc mốc, trong Nam gọi là Nguyệt Bạch, đặt lên cái đôn gỗ cao, phía sau là một bức thủy mặc của Tàu. Cái vườn của cụ là thượng uyển của tao nhân mặc khách với muôn vàn vẻ đẹp của thiên nhiên đã thành mực thước cổ điển, đã thành thơ văn tự bao đời. Là chính thiên nhiên, có sự sống của thiên nhiên nhưng đã được rút nhỏ lại, được gạn lọc lại để cái đẹp được biểu lộ một cách toàn vẹn. Là hội họa, điêu khắc, thi ca cộng lại. Là những tác phẩm hoàn mỹ có tác giả của nó. Là hiện thực và siêu thực. Là cuộc sống bị câu thúc trong hiện tại và những mộng mơ của con người muôn thuở. Có những ngôi chùa trong hẻm núi nhưng tường và mái ngói đã bị nứt ra trong chùm rêu si buông xõa xuống. Là một con thuyền ẩn dưới một vòm hang có những nhũ đá lóng lánh. Là một ông ngư ngồi quay lưng lại trên một hòn đá nhỏ. Nhìn cây tùng già như treo vào vách núi lại nhớ tới câu thơ của Lý Bạch: Khô từng đào quả ỷ tuyết bích. Hoặc một cây tùng mọc chon von trên ngọn núi như trong thơ của Đỗ Phủ: Minh minh cô cao. Đa liệt phong. Cảnh đã nhập vào thơ, nhập vào hạ, gọi lên cái băng khuâng khộn tả của người ngắm cảnh. Phía xa có một mảng tường cũ, lở lói một cách cô ý, phủ lên một lượt cây vẩy ôc xanh rì. Một cây mai trắng, trời càng rét hoa càng nhiều, trắng như tuyết, không có một cái lá nào, không còn một chút tục nào, ngạo nghễ với gió bắc, nó là Hàn mai. Lại có những chậu cúc Tàu, cúc ông, cánh co cánh ruồi. Đã chơi cúc là coi như bỏ công danh ra ngoài. Bất chợt thoảng đến như có như không cái mùi thơm sang trọng của mấy chậu Địa Lan, một mùi thơm mà cụ Không Tử đã

đặt tên là Vương Giả Chi Hương. Rải rác đây đó là mấy hòn đá vận xanh. Đá là trầu tượng nhất, chả có ý nghĩa gì, chỉ thấy đẹp thôi. Chả ai hiểu gì nhưng đều nhận rằng rất đẹp. Cái đẹp còn có một ý nghĩa là không thể cắt nghĩa được. Không cắt nghĩa được là siêu rồi, là siêu thực chứ còn là gì! Các cụ đã chơi siêu thực từ cái thưở nào thưở nào chứ không phải đợi đến bây giờ. Nhìn vào vườn của cụ Vĩnh rồi lại nhìn những con hạc, con lân uốn xén, những chậu cúc và chậu quất của đời thường mới thấy là tục. Đó là vườn cảnh của trọc phú, của quan lại, khoe danh khoe của chứ đâu có cái ý vị thâm trầm gì. Lại còn cá cảnh nữa. Người xưa chơi lưng, chơi vây cá, bây giờ họ nhốt cá trong tủ kính chơi bụng cá, chỉ thấy những cái bụng chình ịch, trắng bợt lượn qua lượn lại với những tia cút bắn thành vệt. Đã chơi cây cảnh là cốt di dưỡng tính tình, phải tự mình chăm nom tất cả, không nên nhờ, cũng không nên thuê. Mà cũng khó nhọc, vất vả lắm nhưng có thể mới vui. Như trồng Địa Lan chẳng hạn. Nó là loại hoa vương giả, thích mọc ở kẽ đá, trên mùn lá cây. Đất trồng nó phải lấy lớp bùn thứ hai nằm lại để đầu hè, hai năm sau nó khô trắng mới chặt nhỏ rạ bằng quả vải xếp trong chậu sành, nó ưa chậu sành xốp vì rễ lan mới thở được. Còn chậu men màu sắc lòe loẹt là bỏ. Chơi lan phải chơi theo mùa. Mùa xuân là Hoàng Lan, Thanh Lan, Mặc Lan. Thu thì có Trần Mộng, Đông Lan. Hạ có Bạch Ngọc, Vận Hội, Ngân Biên. Mùa đông lan ngủ. Lại có thứ lan Tứ Thời, thơm lừng lầy, lá dài hẹp, cứng đơ, trồng để lại để khỏe. Nhưng các cụ khinh, liệt vào loại hoa hèn cỏ nội. Vì sao? Vì thời nào nó cũng sống được, cũng thơm được. Cái thứ hoa nịnh đời, nịnh người đến thế thì trọng làm quái gì. Ông Tuấn không chơi được lan vì tính vốn lười, chỉ xin thôi, xin cây nào chết cây ấy. Ông ta quen được vợ con hầu, bạn bè hầu nhưng lan nó có chịu hầu ai bao giờ. Nhưng cũng có ông chơi rất kỹ, rất công phu mà như không chơi gì cả. Cái chơi và lười sống đã nhập làm một, như trong võ thuật kiếm với người là một, không còn chiêu số nữa. Tức là đã đạt tới cái đạo của sự chơi rồi. Đó là trường hợp ông Trần Huyền Trân. Nhà ông ở sau nhà thờ Nam Đồng, có một miếng đất nho nhỏ, có vườn và có ao. Ông trồng một bụi trúc trước nhà, kê mấy hòn đá rửa chân rửa rau ở bờ ao, tiện mấy con song nơi hiên ngôi, dưới giàn thiên lý đặt mấy chậu lan, ông Trần chỉ chơi có lan Hạc Đỉnh vì là tên vợ ông. Thêm mấy chậu cây thế và một bể cá. Bước vào nhà ông là thấy ngay cái nghèo nhưng thanh cao, phảng phất có mùi thơm của lan, lại nghe tiếng chim gáy gù xa xôi, vắng lặng ở một góc vườn. Trong cái thế giới nho nhỏ, riêng biệt ấy người ta và trời đất trong thoáng chốc như là một, bỗng nhiên nhận ra cái nực cười của bao nhiêu túi bụi một đời người trước cái thung dung, thơ thới của Tự Nhiên.

3.

Một cái khôn ngoan của thiên hạ, theo cách nói của Hồ Dzếnh, đã đặt chân đến đất kinh kỳ từ hơn chục năm về trước để toại chí, để cầu danh nhưng vẫn sống ở thành Nam, sống ở một xã ven đô chứ không ở trong thành phố, đang ngồi trước mặt tôi kể chuyện cái đời văn không giống ai của anh.

Anh là Trần Quốc Tiến, tác giả truyện ngắn được giải của thành phố Hồ Chí Minh: *Mỹ nhân làng Trọng Nghĩa* và hai tập tiểu thuyết do nhà xuất bản Thanh Niên đã in. Anh mặc bộ comlê Trung Quốc giá khoảng trăm ngàn, cũng cà vạt, giày đen, lại kính trắng, lại máy nghe vì anh bị điếc, nhưng con người chả ăn nhập gì với các đồ vật khoác trên người, cứ tơi tóp, lòe xoe, cứ như là vất vội. Tiến tự giới thiệu là nông dân rặc, nông dân thuần túy, cày ruộng từ thưở mới lớn tới nay đã ngoài năm mươi vợ chồng vẫn làm ruộng, cả nhà vẫn sống bằng hạt lúa. Chưa bao giờ anh có một chức vụ nào khác ngoài các chức vụ của một hợp tác xã nông nghiệp: thư ký, đội phó, đội trưởng đội sản xuất, đội phó đội thủy lợi chuyên môn, đội trưởng đội nuôi cá, đội trưởng đội bèo dâu, nhân viên thú y, phó ban chăn nuôi của xã. Anh thạo các nghề: cày ải, cày mò, đào mò, đánh lưới bén, lưới bóc, ngâm rọ cá rô, đánh ông lươn, đào ếch, câu cá quả. Làm nhiều công việc vào loại nhất hợp tác xã mà vẫn đói. Không phải đất bạc mà vì người nông dân không còn yêu đất như xưa. Các thao tác công nghiệp vẫn đầy đủ, chỉ làm điều thôi: cày ải, bừa chùi, nhô mạ thì dứt cả chôi. Cuối tháng hai còn cày, toàn mạ già, mạ đã thành nhiều đọt ông, mạ đã cạn đẻ mà còn bắt đẻ. Lúa chín cũng không thềm gặt, bông nổi chim ăn, bông chìm cá dớp. Dân làm điều thì phải ăn giả. Còn quan làm điều lại ăn thật. Nên quanh năm đói, một đời đói. Một đời chỉ mơ mộng được ăn một bữa cơm không độn với dưa chấm nước mắm. Ban quản trị hợp tác xã ăn liên hoan. Tiến tư túi với đám làm bếp xin mua được tám lạng thịt đem về rang mặn rồi xếp chồng từng miếng thành ngọn trong cái đĩa, chồng ngói một bên, vợ ngói một bên ngắm nghía, trầm trồ: “Có tám lạng thịt mà nhiều nhỉ?” Cả năm chiêm cũng như mùa trong nhà chỉ có một nải dưa nén, ăn hết dưa rồi ăn đến cả nước dưa. Cứ múc một bát nước cốt pha với nước lã đun sôi, cần một miếng củ dong lại húp một ngum nước dưa, ăn rồi mới khát lại uống nước lã cho đỡ khát, bụng óc

ách cả ngày cũng đánh lừa được cái đói. Khi có khoản 100, trâu đỏ đi đặng trâu đỏ, trâu đen đi đặng trâu đen, con người nhận lại đất với hai bàn tay trắng. Lại diễn cái cảnh bóc lột con cầm cày. Con khỏe thì con kéo bóc lột cầm cày. Rồi dùng cào tre to mười răng thay bừa, đun đi đun lại cho đất tơi ra. Mà anh nông dân lại cười, mặt mũi cứ tươi hơn hớn, già trẻ lớn bé hò nhau ra đồng hết như ngày hội. Thế mới gọi là lao động được giải phóng, là đời lại được tự do.

Đây là nói qua tí chút về chuyện chung, còn chuyện riêng của Tiến mới thật ly kỳ vì anh tập viết văn từ năm mười chín tuổi. Tới năm bốn mươi chín tuổi, ba chục năm sau mới được in cuốn sách đầu tay, lấy tên là *Cuộc vật lộn lúc rạng đông*. Nhà rất túng, mẹ và vợ làm hàng xáo, lấy vợ sớm nên có con sớm, những bốn đứa con mà ông chủ gia đình còn ham viết lách thì đói là phải. Lúc đi làm thì Tiến viết trong đầu, viết rõ rệt từng câu từng chữ, từng cái chấm cái phẩy, về nhà thì viết ra giấy. Không có bản thì úp thúng xuống đặt đặt cái mâm gỗ lên làm bản. Không có giấy thì xin giấy học sinh đã viết ngâm nước gạo cho phai hết mực rồi phơi khô làm giấy bản thảo, tất nhiên chữ viết có hơi nhòe. Bản thảo để trong thúng, trong chum. Bữa nhà thơ Nguyễn Đức Mậu, người xã bên, nghe tiếng lại chơi, bà mẹ Tiến bê một thúng bản thảo ra nói với khách: “Bác giúp em cho em nó đỡ tủi, viết cả chục năm, chữ nghĩa nhét chặt cả mấy thúng mà chả được in bài nào”. Nghe vừa buồn cười, vừa muốn ứa nước mắt. Nhà đã đói thấy ông chồng điếc thấp đèn viết suốt đêm, viết chả để làm gì cả, vợ cũng sốt ruột. Rồi bực, rồi giận, rồi đòi ăn riêng. Tiến tức cảnh làm bài thơ *An riêng* nhại giọng cụ Tú Xương:

Thôi, đành vậy ăn riêng cũng được

Tôi hôm nay tớ riêng bát riêng thìa

Riêng cơm riêng cá đề huề

Nhưng còn chỗ ngủ tớ thì không riêng...

Người làng đều biết thằng Tiến điếc viết văn từ lâu nhưng họ chỉ mỉm cười thương hại. Cử nhân tú tài còn chả ăn ai hưởng hồ một thằng điếc lác, văn hóa i tờ. Điếc lác thì đúng nhưng văn hóa i tờ thì không phải. Năm bốn mươi tuổi Tiến đã thi lấy bằng trung học phổ thông, tự học cả, rảnh tay lúc nào là giở sách ra học, học hết lớp 10 lại mua đủ các sách triết học, văn học đọc tiếp. Đại loại trình độ học văn bây giờ phải tương đương đại học, có những vấn đề có thể tranh luận với giáo sư đại học một cách bình đẳng. Còn đã nói đến chuyện đời, chuyện ông nông dân thì Tiến là pho bách khoa toàn thư vùng đất Nam Hà. Tiểu thuyết *Cuộc vật lộn lúc rạng đông*, bắt đầu viết năm 76 đến năm 80 thì viết xong, Tiến ra Hà Nội đưa cho nhà xuất bản Thanh Niên vì nghe nói nhà xuất bản này rất trân trọng những cây bút mới. Mười năm hồi hộp chờ đợi, nói cho đúng là ba chục năm chờ đợi, từ lúc mới để đứa con trai đầu đã cặm cụi tập viết, đã khao khát được viết và hy vọng sẽ được in, cho đến nay con trai lớn đã hai mươi tám tuổi, thằng em nó đã hai mươi sáu, lại một thằng út hai mươi bốn. Ba thằng đàn ông nhìn ông bố bắt đầu mang kính, tóc đã chớm bạc để hỏi một câu mà bố nó đã tự hỏi từ năm mới mười chín tuổi: “Bao giờ thì sách được in? Bao giờ thì bố có sách in?” Chúng nó sẽ chờ nhưng mẹ chúng thì chán nản lắm, đã mấy lần đòi ăn riêng. Bây giờ chị bán cơm ở chợ Ròng, bán cơm với cá kho, tép rang mặn, dưa muối, cơm bình dân cho những người nghèo của một tỉnh nghèo. Còn bà nội chúng thì đã già quá, bà hy vọng ở con trai một cách mãnh liệt, chưa bao giờ mất lòng tin cả. Rồi nó sẽ khá nhất họ. Có khi còn khá nhất làng. Nhưng bà không thể chờ được. Bà cụ mất năm 89. Năm 90 thì sách ra mắt bạn đọc toàn quốc, sách rất dày, những 400 trang in, Tiến lên Hà Nội lấy sách, ngày đi và ngày về dân xã đều biết. Tiến về nhà lúc 11 giờ trưa, bà con mang pháo tới tận nhà đốt mừng sách của Tiến từ trưa tới nửa đêm. Mỗi đoạn đến chúc mừng lại đốt một phong pháo. Xác pháo ngập đống mắt cá chân, khói pháo bay mù mịt phủ trắng cả một xóm. Mấy nhà chung tiền mua một cuốn xem chung gọi là “đụng sách ông Tiến”. Rồi bình luận, rồi cười giỡn, toàn chuyện của xã mình cả, người quen kẻ thuộc cả, cứ như được soi gương, mà người nào ra người nấy, không cãi được, đúng hết. Rồi tiếng đề đòi đây, văn bia miệng, cây quỳn, cây thế kết bè kết đảng hà hiếp dân cho nhiều vào bây giờ bị treo lên trước bàn dân thiên hạ cả trăm năm đã sướng chưa? Hả cho người nghèo quá, cho những người lương thiện, quá! Cứ bảo trời không có mắt, hóa ra có đấy mà công minh vô cùng. Con người đã được Trời sai viết pho sách bình công luận tội được dân tín nhiệm như ông phó thành hoàng. Bà vợ bỏ cả hàng cơm ở chợ Ròng ở nhà đun nước pha trà cùng tiếp khách với chồng, cùng hưởng vinh dự với chồng nhưng xem ý có vẻ ngượng. Bây giờ anh đã đỗ Trạng, võng đào lọng tía về làng, cô nàng nghĩ

sao, có đòi ăn riêng nữa không? Nào, thì ăn riêng! Ấy chớ, tôi đàn bà ngu dại làm sao nhìn ra được cái chí lớn của ông. Rồi tiếp đến có tin tận trong thành phố Hồ Chí Minh, thành phố sang trọng nhất nước, đã long trọng trao giải truyền ngấn hay cho Trần Quốc Tiến, quê tại... Nam Hà. Phen này tên tuổi xã mình nổi danh khắp nước rồi nhé! Là vì dân xã em từ bao nhiêu năm nay chưa được lên đài lên báo một lần nào. Làm ăn tòi tệ thế chả lẽ còn muốn phớt cái xấu ra cho cả tỉnh biết? Lại cũng vì một xã bạn, chỉ cách có một con đường nhỏ, lại rất nổi tiếng. Có một gia đình làm cách mạng từ thời Đảng Cộng sản mới ra đời, mấy anh em đều là những cán bộ cấp cao của Đảng và Nhà nước. Mỗi lần các vị ấy về làng cả huyện ồn ào như vào hội. Làm người dân xã ấy kẻ cũng mát mặt thật. Các cụ nói xã bên ấy được đất, đất phát võ, cứ là người cầm quyền tức là võ nghiệp. Còn thầy thuốc, giáo học, văn nhân là thuộc văn nghiệp. Thời tao loạn đã qua, thời thịnh trị đã tới nên xã em lại được phát văn, lại có văn nhân ra đời, ấy là dân họ bình tạn ra vậy. Chứ em là thằng nông dân cày cấy vai bừa, chả có một tí công tích nào đối với cách mạng, bỗng dưng được dân lấy ra làm ví dụ rằng đất đã phát văn nghe mà hãi. So sánh gì mà kỳ quặc, một bên như trời cao, một bên như đáy vực mà lại được đứng bằng nhau sao? Thì dân người ta nói thế, mình cần sao được. Một xã có công giành cho nước cái độc lập, một xã có công hiến cho đời cái văn chương, hơn kém nhau chỗ nào mà bảo phải bên cao bên thấp. Bây giờ thì họ muốn em được làm hội viên Hội Nhà văn, tức là được Thủ đô công nhận chính thức em là nhà văn, xã em đã có một nhà văn, là họ sẽ góp tiền mở đại tiệc, ăn cả làng, vui cả làng. Em đã bảo là khó lắm, vì em chỉ mới vào nghề, văn chương lồm bồm đã ra gì mà đòi làm hội viên. Dân em lại bảo, em phải nghe ngóng cho kỹ, tháng nào, ngày nào ban chấp hành Hội sẽ họp đề xét thì xã sẽ cử đại diện mang gà, mang gạo lên Hội, khẩn với các ông ở Hội rằng dân chúng tôi rất muốn ông Trần Quốc Tiến phải là hội viên Hội Nhà văn. Hội không xét tức là bị mặt dân tôi quá, có khi phải lập xóm quanh Hội để đấu tranh cho bằng được mới kéo về. Chả lẽ mạch đất của xã tôi, linh khí của đất tôi chọn làm người?

Nói rồi lại nhăn răng cười, cười ha há, chúng tôi ngồi nghe cũng cười, cười chảy cả nước mắt. Dân mình cũng háo danh nhỉ? Nhưng con người ta cũng phải yả cũng rất nên sống vì danh nữa, miễn là cái danh cho đích đáng, cho đáng hoàng. Cái đức háo danh ấy cũng đã hun đúc nên nhiều bậc kỳ tài trong thiên hạ. Và những tài danh ấy lại hội tụ về đất kinh kỳ để nhận và để phát cái ánh sáng văn hóa ngàn năm của nó.

Người vợ

Ra Hà Nội lần này tôi đã định bụng thể nào cũng tới thăm anh Trần Dân. Anh tuổi Dần, hơn tôi bốn tuổi, năm nay anh 69, nghe nói lại đau yếu nhiều. Lần cuối tôi lại thăm anh vào cuối năm 87, đi cùng với Nguyễn Minh Châu. Lúc này Châu còn khỏe, chưa biết mình có bệnh. Chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau cũng lâu. Chỉ có tôi hỏi, ông Dân nói, còn Châu không bắt chuyện mấy, chỉ ừ ào có ý không thích. Vì ông Dân có tính hay dạy đời, nói chủ thuyết này trường phái nọ, ra cái về uyên bác và đàn anh. Thế là Châu không thích vì hần đầu phải tay thường. Nhưng tôi thì chịu được. Tôi vốn không mê văn anh nhưng tôi luôn luôn nể anh, trọng anh vì cái số sạo mà vất vả. Cũng là vất vả vì nghề. Tôi luôn xem tôi là thằng đàn em, hết như hội chúng tôi mới biết nhau, cách đây đã 38 năm. Sau này tôi muốn là gì ở Hội cũng mặc, anh không cần biết, với anh tôi chỉ là thằng K., à, thằng K., nó viết cũng được được. Có một lần tôi đạp xe đến Hội, qua hồ Thiên Quang, nghe một tiếng gọi: “K.!” Tôi dừng xe nhìn ngơ ngác, ông Dân đã ngồi ở một hàng nước đưa tay vẫy. Tôi quay xe lại, ngồi xuống cạnh anh. Anh hỏi: “Câu có tiền không?” - “Có” - “Gọi cho mình chén rượu”. Tôi uống nước trà còn anh uống rượu nhắm với lạc rang. Được hai chén, đã hơi ngà ngà, anh nhìn tôi rồi bảo: “Này, cậu cố gắng lên, bọn mình hy vọng rồi ra cậu sẽ thành một tác giả”. Tôi nóng mặt vì sung sướng. Được Trần Dân khen có dễ đâu. Về anh Trần Dân tôi nghĩ thể cũng là xong, là hoàn tất một sự nghiệp, có ưu có khuyết, có thành có bại như mọi kiếp người. Anh chả còn gì để tôi phải thắc mắc. Nhưng vợ anh vẫn làm tôi thắc mắc vì đã nhiều chục năm tôi được nghe nói về chị, và mỗi lần được nghe chuyện về chị, tôi lại muốn ứa nước mắt vì thương cảm. Vì cái ông Trần Dân vẫn thường kêu rên rằng nhà nước làm khó ông nhưng ông còn làm khó cho vợ gấp trăm lần. Nhiều người nói ông hay chửi vợ. Con em họ tôi được mắt thấy, tai nghe ông đập bàn, chỉ tay vào mặt vợ mà quát: “Con ác phụ!” Lê Đạt kể chuyện có dạo Trần Dân bị liệt, chạy chữa mãi mới tập tễnh đi lại được, nhưng lười, không chịu tập đi hàng ngày, chỉ thích ngồi rơ rơ một chỗ hút thuốc lão. Lê Đạt bảo vợ Trần Dân: “Bà phải bắt ông ấy tập đi chứ!” Chị cười: “Ông ấy là cường hào ác bá, Đảng và Chính phủ còn chả bắt buộc được huống là tôi”.

Tôi đến thăm anh chị Trần Dân vào một buổi sáng. Tôi gõ cửa phải đợi đến mười phút mới thấy chị Khuê, vợ anh Dân ra mở. Hình như chị vừa lau rửa cho anh, thấy ông ấy một tay ôm quần, cúi lom khom bước ra chỗ ngồi quen thuộc. Cách nhau sáu năm cũng là một thời gian dài với người đã lớn tuổi, râu tóc xù lên trắng như bông, thoát nhìn không nhận được ra nhưng đôi mắt thì vẫn như cũ, con mắt hiệp, đập thiên hạ, con mắt muốn làm thủ lãnh, làm đại ca. Chị Khuê đứng cạnh chồng, tro tay vào tôi nói rất to, chả lẽ ông này cũng đã nặng tai:

- Ông còn nhớ ông này là ai không?

Chán mớ đời, đến thăm ông anh nhưng ông ta lại không nhận ra mình, buồn quá! Đúng là không nhận ra thật. Con mắt nhìn tôi chỉ một thoáng, không biểu lộ ngạc nhiên hay vui mừng, con mắt vô hồn: “Ồ, ờ...” Vợ anh lại hét lên: “Ồ ờ cái gì, là ai thì ông nói đi!” Lại liếc nhìn một lần nữa rồi anh lê người ngồi vào ghế, đầu vẫn cúi, loay hoay cầm cái điều cày. Tôi đưa bao thuốc mời anh, anh rút một điều, cũng chả nói chả rằng, vừa hút thuốc vừa cúi mặt đọc một tờ tạp chí gì đó. Đã lâu tôi có hỏi anh Lê Đạt: “Dạo này ông Dân có viết gì không?” Lê Đạt cười: “Viết cái con khỉ. Có còn biết mình là ai mà viết”. Thôi, một đời viết được thế cũng là nhiều. Nghỉ cũng được. Giả thử bây giờ có còn viết thì duyên sắc chắc cũng không được như xưa, một thời đã qua rồi, những tài năng của một thời cũng qua rồi. Suốt buổi anh vừa hút thuốc, vừa đọc báo, coi như không có tôi, coi như không có ai, coi như không có cả chính mình. Còn tôi thì ngồi nói chuyện với chị Khuê. Chị đã già nhiều, mạp ra nhưng vẫn còn những nét đẹp của ngày xưa. Chị bảo: “Cái nhà này cả ngày chỉ có tôi với ông ấy thôi. Đi đâu thì khóa cửa, nhưng cũng chỉ dám đi một chốc một lát, không dám ở ngoài lâu. Như nuôi con mọn, con mọn còn gửi được nhà trẻ, chồng già lại bệnh thì biết gửi ai được”. Tôi hỏi: “Mấy năm nay nhà mình đã dễ chịu chưa?”. Chị cười: “Bây giờ tôi ngủ được cả đêm. Chả phải lo gì cả. Nhất là không phải lo tiền”. Bây giờ thằng Trần Trọng Vũ, thằng con út của anh chị đang học vẽ ở Pháp do Nhà nước cử đi. Nó đã có tranh triển lãm được bạn bè khen, lại về thêm quảng cáo nên cũng có tiền gửi về mua thuốc cho bố. Chỉ tiếc tới ngày dư đủ, mọi sự cởi mở, dễ dãi để ông Dân yên tâm ngồi viết thì ông ấy lại ra thế kia. Thế gian ít có chuyện gì được hoàn toàn anh nhỉ? Được cái này thì mất cái nọ. Nhưng vẫn là

có được. Chứ như mấy chục năm qua...

Mấy chục năm qua với chị có bao nhiêu là chuyện hải hùng. Nhưng chị sợ nhất, bây giờ nghĩ lại vẫn còn sợ, là vào một buổi tối, thằng con lớn của chị đang học lớp trung cấp giấy ảnh Bình Minh, đột ngột chạy về, mặt mũi lợt lạt, kéo mẹ ra một góc vắng, hỏi như khóc: “Mẹ, bố làm phản động, hả mẹ?”. Chị lạnh hết cả người, tay chân bỗng dựng run lẩy bẩy nhưng chị cố trấn tĩnh, hỏi lại: “Ai bảo với con thế?” - “Thầy hiệu trưởng”. Chị nắm lấy hai bàn tay con giảng giải điềm đạm, rằng bố nó vẫn là người của cách mạng, chỉ bị kỷ luật thôi. Bị kỷ luật từ năm nó còn chưa đẻ kia. Đã lâu lắm rồi. Nó lại hỏi vì sao bố không đi làm như mọi người. À, bố đã yếu rồi nên nhận việc về nhà làm, con không thấy bố vẫn dịch sách đó sao? Chuyện hiển nhiên, nếu bố là phản động, làm sao cả ba con đều được đi học, phải không nào? Rồi chị thề với nó chị không hề nói dối nó, lớn lên rồi nó sẽ biết hết. Bố nó vẫn xứng đáng với các con, với gia đình. Còn nó phải cố học cho thật giỏi. Nhà nghèo phải học giỏi thì mới thoát khỏi cảnh nghèo. Chị vốn là cô giáo nên rất biết cái tuổi nguy hiểm, cái tuổi khủng hoảng của lứa tuổi con chị. Cầm thù bố mẹ sẽ thành đứa con hư. Cầm thù xã hội sẽ thành kẻ đối nghịch. Đảng nào cũng là mất con. Ngày ấy chị đã nghĩ, kỷ luật của anh Dân rồi cũng có ngày được trên xem xét lại, còn mất đứa con là mất vĩnh viễn. Chẳng những mất nó mà còn liên lụy đến cha mẹ, ảnh hưởng xấu đến hai em. Trong nhà này suốt mấy chục năm không một ai được cất lời nói xấu chính phủ, nói xấu xã hội hoặc nói xấu bạn bè của bố. Ông Dân muốn nói gì thì nói, nhưng là nói ở nơi khác, còn đã về nhà là phải theo luật của nhà. Chẳng phải sợ ai, chỉ sợ các con hư. Chị có thể nhân nhượng, nín nhịn chồng đủ mọi chuyện nhưng dạy con là quyền của chị, chị là nhà độc tài trong lãnh vực này. Người mẹ nhận xét, thằng đầu tuy ngoan nhưng chỉ ngoan với mẹ còn vẫn ghét bố. Nó nhằn nại vươn lên với lòng oán hận, oán bố, hận bố. Vì nó chỉ là đứa trẻ tâm thường với cách nghĩ tâm thường, không thể có sự thông cảm với những tai ách khó tránh của người sáng tạo. Nhưng em trai nó thì khác. Nó là một nghệ sĩ bẩm sinh. Nó thương bố và trọng bố. Giữ được sự ổn định về tinh thần trong một gia đình gặp tai nạn là khó lắm, người mẹ phải tỉnh táo, nhẫn nại từng giờ. Buổi sáng đứa trẻ nghĩ khác, tối đến có thể nó lại nghĩ khác. Trẻ con mà. Lại còn phải giữ cả sự ổn định trong cuộc sống vật chất hàng ngày nữa. Khi chồng bị mất việc, chị lập tức xin đi dạy mẫu giáo ngay do ban đại diện khu phố bảo lãnh. Rồi làm hiệu phó, rồi dạy cấp 1. Được mấy năm chị phải nghỉ vì một bên phổi đã r ám đen. Chị bán hết phiếu vải của một năm được 600 đồng mua dép nhựa bày trên cái mẹt cấp đi bán. Mới ra hàng, còn ngủ ngợ, ngày nào cũng bị công an bắt phạt, chạy cũng bị phạt, ngồi tại chỗ xin xỏ cũng bị phạt. Có người bắt phạt, lại có người che chở. Có một anh công an trẻ thỉnh thoảng đạp xe qua, lúc thì bảo: “Cô giáo cứ ngồi bần, không phải chạy”. Có lúc anh kêu từ xa: “Cô giáo chạy đi, họ đến đây!”. Nước mắt dài nước mắt ngắn, mêu máo suốt ngày. Về đến nhà vẫn phải tươi tỉnh, vẫn phải nói với các con: “Hôm nay mẹ bán được”. Đã mấy chục năm cả nhà không ai được ăn no. Dầu thiếu cơm nhưng mỗi bữa vẫn phải dành lại một bát để bữa sau ghé. Cơm nguội ghé một bát nở ra thành mấy bát. Những mẻo vặt của người nội trợ một gia đình luôn luôn đói. Thừa cân gạo lại bán đi mua mắm, muối, rau và mỡ rán. Bữa nào có cá và đậu kho mặn là bữa ăn sang. Ba đứa con đi học, suốt năm học chỉ mặc có một bộ quần áo, về học là cởi ra ngay để mặc quần áo rách làm việc nhà. Quần áo của chị cũng không còn được mấy cái lành vì phiếu vải đã bán lấy tiền đóng gạo rồi. Chị sống lầm lũi, nhẫn nại với một niềm tin dai dẳng: “Sông có khúc, người có lúc, không ai sướng được mãi, cũng không ai phải khổ mãi. Miễn là các con phải được ăn học”. Quả thật cả ba đứa con đều học rất giỏi. Thằng lớn lẽ ra được đi Đức để học tiếp nghề ảnh nhưng bố nó như thế nên phải ở lại. Đứa con gái đầu ba lần thi học sinh giỏi toàn miền Bắc, lần nào cũng chỉ thiếu có nửa điểm. Nó hỏi mẹ: “Tại sao thế hả, mẹ?” Bà mẹ nuốt nước mắt an ủi con: “Tức là con còn phải học giỏi hơn nữa”. Thằng Vũ là út và có khiếu vẽ từ nhỏ. Mười ba tuổi xin thi vào trường trung cấp mỹ thuật, học năm năm. Nhưng nó phải khai thêm hai tuổi, tăng thêm chiều cao và thêm cân. Mười lăm tuổi mà nhỏ quá, gầy quá như đứa trẻ lên mười. Vũ học năm năm trung cấp, tốt nghiệp thủ khoa, đã có tranh triển lãm được huy chương đồng. Thi tiếp vào đại học mỹ thuật. Lại học thêm năm năm. Lúc thi ra cũng đỗ đầu. Bài luận văn của Vũ về Chagall rất xuất sắc. Ban giám khảo ngỡ rằng nó được bố gà vì nó đâu có đọc được sách Pháp. Lúc ấy thằng Vũ mới thừa, là nó nói, đọc và viết tiếng Pháp khá trôi chảy. Nó học tiếng Pháp đã trên mười năm, thầy dạy là ông Nguyễn Mạnh Tường. Dạy không công vì quý mến một đứa trẻ có chí và có tài chứ tiền ăn còn chả đủ lấy tiền đầu học ông Tường. Lúc ấy nhà trường đang giảm biên chế nhưng vẫn giữ Vũ lại làm trợ giáo. Một tổ chức từ thiện của Pháp cho trường mỹ thuật một suất học tại Pháp. Hiệu trưởng dành luôn suất học đó cho Vũ rồi mới báo cáo lên Bộ. Chị Khuê thở một hơi dài, nước mắt rân rân: “Ồ đời có bao nhiêu là người tốt, đến đâu cũng có những người tốt, không có họ thì chúng tôi sống sao nổi, hả anh?” Đến cái

đận đi Pháp của Vũ cũng có bao nhiêu là rắc rối. Bốn giờ sáng hôm sau lên máy bay, bảy giờ tối hôm trước lại có tin thằng bé chưa đi được. Bà mẹ lại chạy, đến khắp những nơi phải đến để van vãn, xin cầu. Chị không nghĩ đến đồng tiền nó sẽ kiếm được nay mai mà chỉ nghĩ đến một cái tài đã được ấp ủ từ nhỏ sẽ có cơ hội bùng nổ. Bị ngắt cụt nó sẽ trở thành người khác, có khi còn thành tội nhân vì thất vọng, vì tuyệt vọng. Một người thường thất vọng thì sẽ lui tàn dần, chết dần, họ tự tiêu hủy bằng cái mòn dần. Nhưng một tài năng thất vọng thì rất nguy hiểm, nó sẽ tự đốt trong lòng một bùng cháy. Một tháng con phải ở lại, người mẹ hầu như không ăn không ngủ, chỉ đi thôi, chỉ nói thôi, vì đây là sinh mạng của một đứa con, chị đã hy sinh tất cả để có nó như hôm nay. Tôi vẫn nghe chị nói chuyện, thỉnh thoảng lại liếc mắt nhìn sang một ông già, trước kia là Trần Dần, ngồi bất động bên cạnh. Anh vẫn cầm cúi đọc tờ tạp chí nhưng đọc gì mà không thấy giở trang. Hay lại ngủ rồi? Chợt chị dừng nói, nhìn xuống chân chồng, chỗ mặt đá bông loang loáng như có nước. Đây, ông ấy lại tiện tiện ướt đầm ra rồi kìa. Cả ngày thay quần, cả ngày giặt giũ, phải những ngày trời mưa hay nồm quần phơi giăng khắp nhà. Vẫn cười mà nói thê, mặt vẫn tươi mà nói thê, chả thấy khổ một tý nào. Chị đã quen với nhọc nhằn đến thế sao? Chả rõ văn thơ của ông bố, vẽ vờ của ông con rồi ra sẽ có ích lợi gì cho đời, chuyện đó còn phải đợi. Nhưng hiên nhiên nếu không có những người vợ, những bà mẹ một đời nhọc nhằn gánh chịu mọi tai họa vì những người thân yêu thì thế giới này sẽ buồn thảm lắm, sẽ lạnh lẽo lắm.

Người của ngày xưa

1.

Tôi và Nghĩa là đôi bạn vong niên, hần kém tôi những 14 tuổi, lại vì hai gia đình quen biết nhau đã trên nửa thế kỷ nên còn coi nhau như anh em. Bắt đầu từ tình bạn giữa hai bà cụ, họ đều là con nhang đệ tử của đền Yên Thái, gần chợ Hàng Da bây giờ. Bà ngoại tôi năm đó đã ngoài bảy mươi, còn bà nội của Nghĩa mới sáu chục, tôi thì mười hai. Dầu là hơn cả chục tuổi nhưng bà tôi không dám xem mình là nên chị vì địa vị xã hội của họ khác nhau. Bà nội Nghĩa là vợ một ông tuần phủ, là cụ lớn, còn bà ngoại tôi chỉ là mẹ vợ một ông tri huyện, lại là vợ lẽ nên cũng chẳng danh giá gì nhiều. Người ở địa vị thấp thường hay tự ái nên thích khoe mẽ, thích làm ra vẻ từ ăn mặc trang điểm đến cung cách cư xử nói năng. Nhìn bên ngoài thì bà tôi như vợ ông thượng thư, còn bà nội Nghĩa như vợ ông chánh tổng. Bà không được đẹp, ăn mặc xuềnh xoàng, tên gọi cũng không sang, tên là Mắm, cụ tuần Mắm. Nhưng đã ngồi trò chuyện giữa đám đông bà luôn luôn được mọi người chú ý vì cách ăn nói tự nhiên và nhún nhặn, lại rất hay pha trò. Bà không hề cười nhưng người nghe thì cười nghiêng ngả, phun cả nước cốt trâu vào áo nhau. Sau này tôi được nghe mẹ tôi kể, bà Mắm còn một người chị ruột tên là Mắm, mẹ mất sớm, ở với bố là canh điền, chuyên đi làm thuê cho các nhà giàu ven sông Nhụệ. Những tháng nông nhàn, cả ba bố con lại đi riu tép, chăn vịt, đan rô rá và làm miến dong là nghề của làng. Năm mười sáu tuổi cô Mắm theo cô ruột là người nấu cơm cho một ông án để giúp việc vặt trong dinh. Ông án năm ấy còn trẻ, chưa tới bốn mươi, cũng có ý gạ gẫm cô bé, ngoài hầu thuốc hầu trà còn muốn hầu thêm cả việc chăn gối. Nhưng cô cự tuyệt và lời nói của cô không rõ là hư hay thực nhưng giới mệnh phụ đều biết cả: “Chúng con tuy nghèo nhưng là con nhà thì lễ chứ không phải phượng mèο mả gà đồng, xin cụ lớn xá lỗi cho”. Một năm sau ông án cưới cô làm thiếp, có trâu cau đưa về trình làng hân hoi. Năm mười tám tuổi cô sinh người con trai đầu, cũng là người con duy nhất, là bố của anh em Nhân và Nghĩa thì bà chánh thất bị bệnh thương hàn mất. Cô Mắm thành vợ chánh mặc dầu còn hai bà thứ thất. Các con của mấy bà đều gọi bà kế thất là dì, về sau gọi là mẹ vì cái đại gia đình ấy từ ngày ông tuần nghỉ hưu đều trông cậy vào một tay bà chèo chống. Bà Mắm lấy chồng được năm năm mới đưa chồng về làng nhận họ, người chồng lúc này đã là tuần phủ của chính tỉnh nhà. Bà bảo xe hơi đỗ ngoài đường cái cùng chồng đi bộ về làng, thê ngà của chồng phải nhét phía trong vạt áo sa, là rề làng chứ không phải quan trên về kinh lý. Lại gặp lúc các cụ kỳ mục đang họp bàn việc làng ở đình, bà đưa chồng ra chào. Các cụ mời ngồi, bà ngăn lại, bảo: “Ông nhà tôi chỉ là rề làng thôi, rề làng chưa khao vọng gì thì không có chỗ ngồi ở đình, là tục lệ từ xưa, xin các cụ chớ bỏ”. Vợ chồng bà thắp hương rồi cúng một món tiền lớn để làng xây lại hai dãy nhà Tả Mạc và Hữu Mạc. Cách cư xử của bà không làm ai ngạc nhiên cả vì nhà bà tuy nghèo nhưng gia giáo rất nghiêm, con cái đi đâu, làm gì đều phải thưa trình. Bữa cơm đặt trên mẹt, trải chiếu ngồi đất nhưng ông bố xếp chân bằng tròn ngồi giữa, hai con gái ngồi gập gối hai bên hầu rượu, xới cơm. Bữa ăn xong các con mới được ăn. Một đời ông bố mặc quần áo vá, sau này có con rề làm tuần phủ ông vẫn đóng kho chăn vịt, chỉ nhận quà của các con vào những ngày giỗ tết, không bao giờ nhận tiền. Ông vẫn nói: “Chúng tôi tuy nghèo nhưng không hèn”. Hai người con gái đều đọc được truyện Kiều bản chữ Nôm do bố dạy. Sau này khi ông tuần đã già, trí nhớ kém, nói năng thiếu gãy gọn, nhiều việc phải nhờ vợ trực tiếp sang nói với bên tòa sứ, vì bà Mắm nói tiếng Pháp cũng thạo, đúng giọng và đúng mẹo, chỉ phải tội không nhận được mặt chữ vì bà học truyền khẩu. Cũng trong thời gian chồng bà làm tuần phủ tỉnh H. mới nảy sinh ra mấy ông chánh tổng, lý trưởng mà cái đức của họ còn lưu danh đến tận bây giờ. Mới có lắm chuyện kỳ khôi, quan trên về làng, lý trưởng người thì nhảy xuống ao, người thì đập chiếu giả bộ ôm vì họ chỉ có một manh khô trên người, bộ quần áo làm việc quan họ phải mượn hoặc vừa giặt chưa khô. Những người ấy đều do bà Mắm tuyển chọn cả nhưng không có một ai là anh em hoặc thân thuộc. Nghe chuyện bà Mắm tôi mới thật tin những người đàn bà tài giỏi trong sử sách nước Nam ta là có thật chứ không phải chuyện thêu dệt của các đời sau.

2.

Những người con của bà vợ trước của ông tuân đều do bà Mắm nuôi ăn học và dựng vợ gả chồng. Có hai người học ở Pháp rồi ở lại và lấy vợ đầm. Còn ba người học trong nước, có người đỗ tri huyện, có người làm chủ báo và một cô con gái được về làm dâu một ông thượng thư. Riêng người con trai bà lại theo học trường Canh Nông vì ông thích nghề nông. Quê ngoại gần Hà Nội nên tuần nào ông cũng về làng thăm ông ngoại và di ruột. Rồi ông yêu một cô gái làng, bố là giáo học có dính líu vào cuộc khởi nghĩa của binh lính ở Thái Nguyên do các ông Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến cầm đầu, phải đi tù hai năm rồi được tha về. Nhà có hai cha con chỉ trông cậy vào gánh hàng xén của cô con gái. Ông ngoại thấy cháu năng đi lại cũng biết ý. Cụ không ngăn nhưng vẫn e ngại con một ông quan đầu tỉnh lại lấy vợ là con chính trị phạm chả biết có rắc rối gì với nhà nước bảo hộ không? Nhưng bà Mắm bằng lòng ngay, bà còn khuyến khích nữa, bà bảo: “Con gái làng mẹ đều hiền thực, đảm đang. Nếu cô ta không chê là phúc cho mày”. Khi bà về làng ngỏ lời với bố cô gái, ông đỏ mặt từ chối: “Chúng tôi phúc phận nhỏ không dám với cao làm thông gia với cụ lớn”. Bà Mắm vừa cười vừa bảo: “Thưa cụ, cụ nói thế là coi rẻ gái làng ta quá. Xưa kia có bà chỉ mò cua bắt ốc mà lấy được vua. Như tôi đã xấu người lại vụng dại còn lấy được ông tuân phủ. Cô em nhà vừa được người vừa được nét chỉ vợ được một thằng kỹ sư quèn cũng là cái số không may”. Ông giáo bật phì cười rồi vui vẻ nhận lời.

Bà Mắm tuy là vợ chánh một ông tuân phủ nhưng không mấy khi bà ở dinh cụ tuân để hưởng cái vinh dự được thuộc hạ bẩm báo, kính trình cụ lớn. Bà thường ở quê chồng là đất trồng thuốc lá, mua ruộng, học nghề trồng tía vò ủ thuốc lá, lại biết canh cải thêm tí chút nên thuốc lá của cụ tuân Mắm nổi tiếng êm ngon một thời, các lái về mua phải chờ bằng thuyền, tiền lãi bán thuốc đủ chi dùng cho việc quan của chồng và ăn tiêu của một đại gia đình hết sức đông đảo. Nhưng bà không bao giờ dám đưa tiền biếu bố đẻ và chị ruột. Họ nghèo nên rất khí khái, và lại cái nghèo lúc này còn là niềm kiêu hãnh, đời nào ông lão chịu bỏ. Chung quy chỉ có ông tuân là sướng, sướng từ trẻ đến già, tuy vẫn canh cánh một nỗi lo: đông con trai mà trời chỉ cho có một thằng cháu trai nối dõi, là anh Nhân bây giờ vì năm ông tuân mất Nghĩa vẫn chưa sinh. Anh Nhân tham gia Việt Minh từ năm còn học trường Bưởi, được kết nạp vào Đảng Cộng sản trước ngày Tổng khởi nghĩa mấy tháng, là đại đội trưởng của trung đoàn Thủ đô ngày đầu kháng chiến, là chính ủy một trung đoàn pháo binh trong chiến dịch Điện Biên Phủ lúc kết thúc chiến tranh. Năm ấy anh mới 29 tuổi, đã có vợ là cán bộ phụ nữ huyện Đoan Hùng và có một đứa con trai. Đầu năm 55, Nhân mới đưa được vợ con về quê để trình với bà nội và mẹ, ra mộ thắp hương cho bố đã bị Pháp giết trong trận càn. Cô cháu dâu tâm sự với bà nội chồng: “Chúng cháu lấy nhau trong kháng chiến, bây giờ hòa bình rồi, các cô gái ở thành phố cô nào cũng đẹp, chả biết anh ấy còn thương yêu mẹ con cháu như xưa không?” Bà lão cười chảy cả nước mắt, nắm tay cháu dâu mà bảo: “Đàn ông nhà này như cái ngon, đàn bà nhà này như cái gốc. Có bao giờ ngon bỏ được gốc mà con lo”. Trong mấy năm phát động giảm tô và cải cách ruộng đất, ai cũng nghĩ bà cụ tuổi đã cao lại phải lo nghĩ buồn phiền nhiều sẽ khó thọ. Nhưng bà lão vẫn vui, vẫn thích nói đùa, vì bà cụ có lý lẽ riêng, có sự từng trải riêng. Cụ bảo: “Tôi nghiệm ra cứ dăm ba chục năm hay năm bảy chục năm lại có một lần thay đổi thời thế để chia lại của cải và danh vị trong thiên hạ, để có dịp ơn đền oán trả cho thuận với cái lẽ chuyển vận bù trừ của trời đất. Tôi ngày nhỏ ở với bố chỉ có cái váy đụp, bây giờ về già sống với con cháu lại được mặc cái quần lành tức là phúc đức nhiều rồi”. Năm cụ Mắm 79 tuổi trước ngày mất chừng vài tháng, nhân có giỗ ông tuân, con cháu về đông đủ, bà cụ nhờ vợ Nhân nhai giập miếng trầu rồi nhón lấy miếng trầu đã nhừ nhuyễn, thật tươi thật đỏ cho vào mồm ngậm, căn dặn con cháu:

- Cái họ nội nhà này giống thì tốt nhưng phúc đức đã cạn kiệt. Mấy chục đời đều có người làm quan, oán nhiều ơn ít, lấy dâu ra phúc. Được cái các nàng dâu đều là con nhà thanh bạch, phúc đức rất dày nên giống tốt mới đơm hoa kết quả cho tới tận bây giờ. Các anh chị nuôi dạy con cháu rồi cưới vợ gả chồng cho chúng nó, nhớ lấy cái đức làm dâu, tài sắc phú quý tính sau. Ở đời chỉ có cái đức là trường tồn, càng có nhiều càng tốt, không sợ thừa. Kỳ dư những thứ khác đều phù du cả, có đầy mất đấy, phúc đầy họa đầy, không tính trước được đâu.

3.

Nhân và Nghĩa là anh em ruột nhưng họ chẳng giống nhau một chút nào từ gương mặt đến tính cách. Nhân được gửi ra Hà Nội học từ bậc tiểu học đến năm thứ hai trường Luật, là công tử Hà thành, thuộc tầng lớp quý tộc của Hà thành. Rồi anh vào bộ đội, là cán bộ chỉ huy ngay, chưa có một ngày làm lính.

Khi chuyển ngành ra ngoài với quân hàm thượng tá, anh là một chuyên viên có uy tín về luật pháp xã hội chủ nghĩa của Tòa án và Viện kiểm sát. Ngồi nói chuyện với anh vừa lạ lùng vừa khó chịu. Anh biết rất nhiều chuyện tôi không mấy quan tâm nhưng lại hoàn toàn mù tịt những chuyện tất cả mọi người đều biết. Chẳng hạn, khi người ta ăn phở năm đồng một bát thì anh vẫn nghĩ chỉ có mấy hào. Anh hỏi, một truyện ngắn của chú được trả bao nhiêu? Có được chục ngàn không? Khi tôi nói bây giờ họ trả một truyện ngắn cả trăm ngàn, còn được đăng báo tét là tiền triệu thì anh hết sức kinh hãi. Rồi anh quy tiền ra thóc, người nông dân phải làm trong bao lâu mới được từng ấy thóc và lấy làm bất bình vì sự phân phối thiếu công bằng của xã hội. Vì anh coi tôi như em trai nên có lần anh đã than thở về cái sự không may là cháu nội, cháu đích tôn một ông tuần phủ và một bà địa chủ xảo quyệt, ranh ma. Anh nói rất chân thành nên tôi mới khó hiểu. Anh là ai nhỉ? Anh thuộc cái nhân loại nào nhỉ?

Nghĩa sinh sau anh trai những mười chín năm, là anh em nhưng xạ cách như cha con, như hai thế hệ. Nghĩa sống ở quê từ nhỏ cho tới năm đi bộ đội, làm lính nhiều chiến trường, rồi cấp sách làm sinh viên đại học những bốn năm, lúc ra trường lại làm nhiều nghề, có bạn bè ở hầu khắp các Bộ, chuyện trong thâm cung cũng tỏ, chuyện ngoài đường phố cũng rành, cứ như là ma xó. Hai anh em một người của triều đình, một người của đường phố, chỉ biết tin nhau qua các bà vợ, chứ tự họ không mấy khi muốn ngồi giáp mặt. Mười năm nay tôi với Nghĩa, người ở phía Bắc, kẻ ở phía Nam, mỗi năm chỉ được gặp nhau một lần, có khi là hai năm, chuyện cần nói thì quên, nói toàn chuyện tào lao, đại khái cũng biết hăn lúc làm ở Bộ Xây dựng, lúc lại sang Bộ Năng lượng, gần đây hình như làm giám đốc một công ty Ô Ech gì đó, cũng không dám hỏi là công hay tư, là chính hay tà, nhà báo tò mò nhiều quá dễ mất bạn lắm, có khi còn mất cả mạng. Công ty của hăn có văn phòng ngay ở cái phố Lý Nam Đế thân thương của tôi. Phố Lý Nam Đế, phố của Tạp chí Văn nghệ Quân đội, báo Quân đội Nhân dân, Xưởng phim Quân đội, Nhà xuất bản Quân đội, Thư viện Quân đội, phố của vận hóa lính, mỗi sáng mỗi chiều đủ các cấp bậc từ úy đến tướng đi xe hơi, xe máy, xe đạp, đi bộ tới công Cửa Đông để vào thành làm việc. Bây giờ các cơ quan văn hóa của quân đội vẫn còn nhưng bị chìm ngập trong những khối nhà mới, những dãy nhà mới với đủ loại dịch vụ: văn phòng đại diện, khách sạn, tiệm tạp hóa, tiệm làm đầu, tiệm cho thuê quần áo cưới, tiệm tắm giặt là ừ...

Và một dãy quán ăn vỉa hè kéo dài từ đầu vườn hoa Hàng Đậu tới tận đường Trần Phú. Xưa kia, ở các khu tập thể, cấp úy và các ông tá nhỏ được phân nhà sát vòng tường bao ngoài vì là dãy nhà làm thêm. Cấp tá lớn và cấp tướng thì ở phía trong, ở trên lầu, phòng rộng hơn, đẹp hơn và cũng an toàn hơn. Sang thời buổi kinh tế thị trường, các ông úy và tá nhỏ liền phá tường đưa mặt nhà ra phố chung sống với nhân dân và được nhân dân nuôi nấng rất tử tế. Nên mới có chuyện một bà trung tá dám nói rất tự nhiên với một bà tướng: “Nếu chị cần dăm ba triệu chị cứ bảo, em lúc nào cũng có”. Và một bà đại tá cười nịnh nọt với thằng đại úy về hưu non để đi buôn: “Cái ông nước ấy cũ quá, chú có bảo họ thay được không?” Cái thằng có tiền liền cười khẩy: “Nếu bảo được thì các ông anh đã bảo. Thôi được, để em lo. Cũng phải chi vài chục ngàn đấy”. Xưa kia những người chủ gia đình ở phố này chỉ nói có chuyện chính trị, chính trị trong nước, chính trị quốc tế và các bà vợ thì ngồi nghe ké. Bây giờ chỉ có các bà nói, các con nói, nói toàn chuyện tiền bạc, nói sự đôi xử bất bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, nói cảnh sát kinh tế, nói cán bộ thuế vụ, giọng lưỡi chao chát, sát phạt, còn các đức ông chồng đã về hưu thì ngồi nín lặng với vẻ mặt sậu muộn của người đã mất quyền. Nay, như thế có phải là thời thế đã đổi thay không nhỉ? Nhưng thay đổi là tốt, tốt hơn trước nhiều. Cứ nhìn mặt người ở phố Lý Nam Đế là biết, họ vui lắm, đi lại hối hả, tất bật, ăn nói uốn éo, kiêu cách như... dân buôn chính hiệu.

Nghĩa cho tôi mượn xe hơi của công ty hai buổi tối để đi xem đèn của Hà Nội. Xe gắn máy lạnh, chạy êm nhẹ trong vùng sáng vàng của đường Láng Hạ, đường Giảng Võ, đường Yên Phụ, tên thì quen mà cảnh rất lạ, những khu nhà cao tầng, những biệt thự, những dãy phố mới, những vườn cây mới. Những vầng sáng, những vùng sáng, những dải sáng. Và những chùm sáng xanh huyền ảo từ các ngôi biệt thự ẩn hiện trong những rừng cây ven hồ. Là nhà của ai nhỉ? Của nhà nước hay tư nhân? “Động nhện đây chú ạ. Những con nhện không lò có thể nuốt một đêm dăm bảy ông Frangkhanh”. Cậu lái xe nói thế. Ô, cái Hà Nội hiền lành, an phận ngày nào bây giờ cũng đảo đê nhỉ! Cánh cửa bao cấp vừa hé mở, thánh nhân và ác quỷ cùng xông ra một lượt, làm sao chọn lựa được trước! Nghĩa mời tôi uống bia tại một khách sạn quen thuộc, sang trọng cũng trên đường Lý Nam Đế. Xưa kia chỗ này là chỗ nào? Là một bức tường, là một khu đất hoang, là bãi đỗ xe hay là nơi làm việc của doanh trại, hậu

cần? Chịu, không còn nhớ! Phòng ăn cũng rộng, chỉ có hai người khách và dăm bảy người phục vụ, những cậu bé quần đen áo trắng và thắt nơ, những cô gái mặc váy ngắn và bó, cười nói nhí nhảnh như là đang vui lắm. Họ vui thật hay nghề nghiệp buộc phải luôn luôn vui. Tôi bảo Nghĩa:

- Cái Hà Nội bây giờ không còn là của mình nữa. Nó là của các anh. Nó sẵn sàng phục vụ cho mọi tham vọng của các anh.

Nghĩa đưa mắt nhìn tôi nhưng vẫn ngồi lặng lẽ uống bia nhắm hạt điều. Cái thằng đến tiết kiệm nói.

Tôi lại hỏi:

- Hình như anh đang giàu lên, đang rất giàu phải không? Đã được triệu đô chưa?

Nghe nhiều người nói Nghĩa là bậc cao thủ trong giới kinh doanh, pháp thuật vô biên nhưng không dám dứt bỏ cái vòng kim cô trên đầu nên cũng chả làm được chuyện gì lớn. Đã dấn thân vào chốn thương trường lại còn muốn giữ bụng dạ quân tử, việc không sạch không làm, người không sạch không chơi, không hại ai, không giết ai tức là gần rồi, dở hơi rồi. Sống vào cái thời mọi cửa đều mở toang hoặc mở hé hoặc khép hờ để mình xông vào vơ tiền mà lại còn nghĩ ngợi đến lương tâm, đến nhận nghĩa thì kiếm tiền làm sao, rửa tiền làm sao? Vì vậy nên Nghĩa vẫn nghèo, một doanh nhân mà vốn liếng chỉ có dăm ba tỷ bạc là nghèo, không đáng được chú ý.

Nghĩa nói, có nhiều cơ hội đã nhìn thấy cả đồng tiền trước mắt, vì tôi cũng có cái tài nhìn ra nơi ẩn trốn của đồng tiền, nhìn trước được nhiều người, chỉ gợn tay một cái là nó thuộc về mình, rất ngoạn mục, rất an toàn mà không dám, chỉ vì cái cách kiếm tiền ấy không được đạo đức cho lắm mà tôi lại chưa thể bước qua cái đường vạch của bà nội. Cụ là cô gái nghèo, thuộc lớp đáy của xã hội, bỗng chốc thành phụ nhân, danh vọng và tiền bạc đều dư thừa mà không lóa mắt, không đua đòi, không chịu để mất cái phẩm giá riêng, nghĩ lại thật đáng sợ. Tôi là một thằng đàn ông không thể nói là nghèo, lại có học, lại cũng từng trải mà chịu quỳ gối trước sức mạnh kim tiền như một thằng Mít thằng Xoài thì cũng hèn quá, cũng nhục quá, có phải không? Và lại cách sống đàng hoàng của kẻ có tài đâu phải thua thiệt, cũng ra tiền đây, ít thôi nhưng là tiền sạch, tiền bền, đồng tiền không mang họa cho người giữ nó. Rồi Nghĩa khuyên tôi nên viết về bà nội hẳn, chỉ là người đàn bà tầm thường thôi nhưng cái cách ứng xử một đời không thay đổi của bà lão lại chẳng tầm thường một chút nào: biết thích ứng nhanh để hòa nhập nhưng không chịu để mất những niềm tin riêng, cái cốt cách riêng của mình.

Tiền

1.

Năm 16 tuổi, Hiền, con ông chú tôi đẹp mảnh mai và đài các như thiếu nữ trong tranh Tô Ngọc Vân. Ngắm nhìn Hiền tôi cứ tiếc vì sao chúng tôi lại là anh em nhí, anh em họ xa thôi, nhưng vẫn cứ là có chút máu mủ ruột thịt. Con gái như thế mà rơi vào tay một thằng chồng tục tằn, vũ phu thì thật uổng. Cũng chả phải lo xa lắm đâu, ông Tào vốn thích đùa ác mã. Năm ấy người tình trong mộng của các cô gái Hà Nội là các chàng trai sĩ quan quân đội. “Anh bộ đội” đã có tiếng lành là người tốt về đủ mọi phương diện. Nhưng anh bộ đội lại không thể lấy con gái nhà tư sản. Chú tôi có mấy cái xe tải chạy đường Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Nam Định. Xe đã công tư hợp doanh, ông chủ là nhà nước, chú tôi và hai con trai lớn lái xe ăn lương nhưng vẫn cứ là nhà tư sản. Giả thử ngày ấy tôi có thể yêu và lấy Hiền làm vợ tôi có dám không? Xem nào, xem nào, cũng phải tính toán đây! Lấy nhau là phiền phức lắm, chồng thì hết đường thăng tiến, vợ cũng không thể có công ăn việc làm đảng hoàng, rồi lấy gì mà nuôi nhau nuôi con. Quá nửa bạn bè cùng lứa tuổi với tôi đều lấy vợ nông dân nghèo, con cái những gia đình quen biết trong chín năm kháng chiến. Một số khác may mắn hơn lấy được vợ là người thành thị thuộc gia đình công chức nhỏ hoặc buôn bán nhỏ. May mắn hơn nữa là được làm rể những gia đình cán bộ kháng chiến. Những cặp vợ chồng cộc cách, lấy nhau bằng những tính toán ngoài tình yêu, nhẫn nhục ăn ở với nhau suốt mấy chục năm trời, đẻ ra một loạt con cái, chồng dạy con một cách, vợ dạy con một cách, phân cùn lại giao phó cho nhà trường và xã hội mới thành ra người Hà Nội của bây giờ, vừa quen vừa lạ, khiến ngòi bút đâm bối rối mỗi khi muốn viết một chút gì về họ.

Mấy năm sau tôi lấy vợ, vợ nông dân, đẻ liền hai đứa con, Hiền vẫn chưa lấy chồng, hình như chưa có cả người yêu. Khi đứa con lớn tôi đã học lớp 3, con nhỏ học lớp 1, Hiền mới có gia đình riêng. Người chồng là thợ máy, về sau là cầu thủ bóng đá của đội Đường Sắt, con một gia đình làm bánh kẹo có tiếng của Hà Nội. Cũng là con nhà tư sản, tư sản thương nghiệp, nhưng đã đóng cửa hàng từ nhiều năm nay. Thuở nhỏ tôi đi học mỗi ngày đều phải qua cửa hiệu bán bánh kẹo của nhà này. Nhà một tầng, mái thấp, mặt tiền rộng, lòng nhà sâu, cửa gỗ tháo ra lắp vào mỗi sáng và mỗi tối. Ban ngày nhìn vào cứ tối đen hun hút, chỉ nghe có tiếng vật bột và tiếng gõ khuôn. Có mấy người đàn ông còn trẻ, mặt rất dài, dáng rất cao, ra vào lừng lững như không có việc gì làm. Và một người đàn bà đã đứng tuổi, quanh năm mặc áo dài đen, tóc búi, mặt rất đẹp và buồn đứng lấp ló phía trong. Chồng của Hiền là cháu trai của gia đình. Những người đàn ông cao lớn ngày xưa cũng đi đâu cả, còn lại có một người tức là ông bố chồng của Hiền bây giờ. Người đàn bà có gương mặt buồn năm nào đã là một bà lão ngoài sáu mươi, tóc bạc trắng, vẫn ở với em trai và các cháu. Khi Hiền đi lấy chồng cô đã có một việc làm được xem là có màu của Hà Nội lúc bấy giờ: nhân viên kế toán một cửa hàng ăn uống. Lúc này chú tôi đã mất, bà mẹ ruột của Hiền là bà kế, Hiền là con gái đầu, sau cô còn bốn đứa em, thằng lớn nhất mới 17 tuổi. Bà thím tôi may hàng cho quân nhu. Hai người con trai lớn của chồng vẫn chạy xe tải, vợ con chưa có, đưa hết tiền lương cho dì để nuôi các em ăn học. Từ ngày Hiền đi làm các em mới được ăn no. Bánh đúc ngô nấu mỡ, bánh mì và patê, bánh bao đều là của cửa hàng, mỗi ngày người chị mang về một túi đầy. Hiền về nhà chồng nhưng không phải làm dâu. Cô vẫn sống thoải mái, tự do như ngày còn ở với mẹ và các em. Bà mẹ chồng thời con gái là hoa khôi phố Cầu Gỗ được nhà chồng nể vì bà có vốn riêng cho vay lãi và gọi họ. Pháp thua phải rút khỏi Hà Nội, các con họ và con nợ ôm tiền chạy theo vào Nam, nhà cái và chủ nợ bỗng chốc thành tay trắng. Bà tiếc của khóc lóc cả mấy tháng rồi thành người ngơ ngẩn, ngày ngày lang thang khắp các chợ nhất giầy vụn nhét đầy các túi bị mang theo, tôi về quãng một đồng trước mặt chồng, nói hề hả: “Tiền tôi đòi về đây, mất thế nào được!”. Bà lão tóc bạc là chị ruột của bố chồng, thường gọi là cô huyện, ngoài ba mươi mới lấy lẽ một ông tri huyện, sau bị vợ cả ghen tuông quá phải bỏ về nhà bố mẹ để làm quản gia, quán xuyến mọi việc của cửa hàng. Bây giờ không còn buôn bán gì, không có tiền thu vào nên cũng không có tiền chi ra, tiền ai người nấy tiêu nên bà cô đi đàn len, sáng đi tối về. Bố chồng là người một đời chỉ biết một nghề, nghề làm bánh kẹo, tay nghề bậc thầy nhưng mọi công đoạn phải theo đúng những chỉ dẫn do ông đặt ra, lại có những việc chỉ một mình ông làm, thợ phụ không được nhúng tay. Nó là niềm kiêu hãnh của ông, là cái độc đáo, cái riêng biệt của một cửa hàng trong cái thế giới làm bánh kẹo của Hà Nội.

Nên ông không thể làm chung, không thể biểu diễn tài nghệ ở nơi hỗn tạp, khéo và vụng không phân biệt, cái trung bình với cái đặc sắc, cái duy nhất không phân biệt, ở một nơi không ai biết ông là ai, cái hơn người của ông là cái gì. Ông chỉ là người vô danh trong một tập thể vô danh. Ông hám tiền nhưng còn hám danh hơn cả tiền. Bây giờ tiền không có, danh cũng chả còn nên ông buồn, hay uống rượu nhưng không gây phiền phức cho con cái. Hiền về nhà chồng đã vài tháng nhưng không được ăn một bữa cơm nào có thịt, phiếu thịt dành mua mỡ, một thìa mỡ rưới lên một nồi chuối xanh kho tương với cá vụn, ăn được cả tuần. Còn thường là tép rang mặn với rau muống luộc chấm tương. Một chén tương phải pha thêm cả thìa muối mà cũng chỉ dám chấm đứng ngọn rau cho khỏi tốn. Một nhà buôn bán có tiếng của Hà thành sau mười mấy năm ngồi chơi không chỉ còn cái xác nhà, bên trong là rỗng tuếch. Nơi thờ tổ tiên có mỗi cái bàn mộc đặt bái vị và một bát hương to bằng sành. Cuốn thư, liên đối, hương án và cặp hạc cắm nến bằng đồng đều đã bán dần cả. Đồ gỗ và đồ sứ thời các cụ mua sắm để bày cho sang, bày để chơi cũng không còn lại một thứ gì. Mỗi dịp giáp Tết, có hai em từ xa về Hà Nội lại bán một vài thứ lấy tiền sắm Tết và trợ giúp cho con cháu. Chỉ còn lại hai bộ ngựa của thợ năm đã cũ mọt và một bộ bàn ghế thời nay cộc cạch vừa ăn cơm vừa tiếp khách. Lại đến lượt những nhà mới giàu sẵn lòng tìm mua những đồ vật đóng bằng gỗ quý, chạm trổ cầu kỳ, kiêu dáng cổ của những gia đình một thời là thế gia nay đang lụn bại. Cái giàu phải đi kèm với cái sang, cái lâu đời mới thật hoàn toàn. Để có thể khoe với khách: “Thưa, những thứ này là của các cụ chúng tôi để lại đây ạ”. Thời còn yêu nhau Hiền thường tự hỏi, nay mai cô sẽ sống làm sao trong cái nhà trống vắng, lạnh lẽo, hôi mốc này. Một ngôi nhà không có tiếng động, không có người nói to, chỉ có mấy người già đi lại thấp thoáng như đang bận bịu làm cái gì đó. Về sống với nhà chồng Hiền mong muốn cái trẻ trung của mình, cái tháo vát của mình sẽ làm cho ngôi nhà vui hơn lên, ồn ào hơn lên, là một cái nhà đang sống, đang phát đạt. Cô ao ước được hy sinh để vun quén, hàn gắn một cái gì đang vỡ ra đang rữa ra. Tất nhiên là phải có tiền, có rất nhiều tiền. Nhưng kiếm đâu ra trong một thời gian ngắn được nhiều tiền? Ngày ấy chưa có phong trào chơi vé số, chưa biết đánh đề, cũng không có buôn bán lớn, mọi người chỉ có một cách có tiền là làm việc cho nhà nước.

Lấy chồng được một năm Hiền mới có mạng, lại chữa ngoài dạ con. Tới lúc hai chân đã bị liệt, bố chồng mới đưa con dâu vào bệnh viện C mổ gấp. Mổ xong, khát nước quá, bà cấp dưỡng bệnh viện bung cho một bát nước rau luộc, uống ngon như nước sâm. Chồng đi công tác về vào thăm vợ chỉ có nửa cân đường và chục quả chanh. Nhà chồng không có tiền. Nhà mẹ đẻ cũng không có tiền. Hiền cũng không có vốn riêng, làm nơi ăn uống chỉ ăn cấp được miếng chín chứ không có tiền. Năm bệnh viện được mười ngày Hiền xin về, người chỉ còn ba chục cân, mặt nhão như bà già. Vợ chồng phải bán một giường cưới, một bộ com lê cưới của chồng, lại thêm một con chó ta nặng mười ký mới đủ trả nợ. Nợ có 21 đồng! Bữa người mua dặt con chó đi, Hiền đội nón theo sau, nước mắt lã chã, theo chó tới tận đầu phố Hàm Long mới quay về. Chó ời là chó! Người ời là người! Người không có tiền cái thân không bằng con chó.

2.

Nửa năm sau, không rõ bằng cách chạy chọt nào, bằng những quen thuộc nào, Hiền không nói mà tôi cũng không hỏi, cô xin được về Phòng Lương thực khu Hai Bà, vẫn làm kế toán. Nhân viên vô danh nhưng nơi làm là trung tâm quyền lực của một thời. Vì mọi giá trị của ngày ấy đều được quy đổi ra gạo, như mọi giá trị của hôm nay được quy đổi ra tiền đô vậy. Nên nhân viên Phòng Lương thực có thể quan hệ với mọi nơi, thân quen với mọi người và mua được mọi thứ mình cần theo giá cung cấp. Bằng phiếu gạo đổi đi đổi lại Hiền có thể mua những thuốc quý hiếm theo giá nội bộ để phục hồi sức khỏe. Bữa ăn của nhà chồng đã có thịt quay, cá thu kho, canh nấm, lòng lợn và chân giò thềm lúc nào mua lúc ấy, đồ tươi cả, ngon cả, mua trong các cửa hàng cung cấp. Cũng với phiếu gạo Hiền đã mua được những chai rượu sâm Triều Tiên để hai người già uống mỗi tối, lụa đen may quần, áo bông nữ chân nhỏ và khăn len màu nhũ cho bà cô, tiền ăn phở và tiền uống cà phê mỗi sáng cho bố chồng và chồng. Cũng vẫn là Hiền chi tiền mua sắm các ngày giỗ và tết, tiền mừng và tiền phúng cho họ hàng gần và xa của nhà chồng. Bây giờ mỗi bữa ăn tối ở gia đình là niềm vui và mong đợi của cả bốn người. Bữa cơm vẫn dọn trên cái mâm nhôm méo mó nhưng đã có màu sắc và hương vị. Bà cô chồng múc một thìa canh nấm vào bát, húp dè dặt từng chút một, cắn một miếng nấm nhồi giò sống, nhai trệu trạo rất lâu rồi bảo: “Có dễ đến mười mấy năm mới được ăn canh nấm. Nay, nhà đại gia mới dám ăn canh nấm vào bữa thường đây nhá!”. Bố chồng giờ cao ly rượu sâm ngâm nghĩa một lúc rồi mới nhấp một ngụm nhỏ,

gắp rón rén một mảnh đậu Hòa Lan, một miếng giò, nhai chậm rãi và ngẫm nghĩ, hai má dần dần rưng đỏ. Người già coi trọng miếng ăn không chỉ vì thích ăn ngon, mà còn vì miếng ngon miếng bùi thường gợi nhớ những ngày sung sướng đã xa xôi, những năm tháng khó nhọc vừa nếm trải, và bây giờ, nhờ trời vẫn còn sông, còn khỏe mạnh để được thưởng thức lại cái miếng ngon đã quên với con với cháu. Chỉ tội nghiệp bà mẹ chồng. Có ngày bà về nhà muộn, không ăn gì, đi nằm ngay. Bữa nào về sớm bà mới ăn cơm với gia đình, nhưng không ngồi ăn chung mà xới cơm vào một bát to, đồ thức ăn lên trên, ngồi riêng ra một nơi, vừa ăn vừa lẩm nhẩm tính toán món tiền thu được trong hoang tưởng một ngày. Hiền chỉ ăn rất ít, cô xới cơm cho chồng, gắp thức ăn cho bố và cho cô, thưởng thức cái ngon của bữa cơm qua cái mãn nguyện, cái hả hê của người khác với đôi chút hãnh diện. Trong một lần ăn tối, Hiền đã nói với bố chồng truyền nghề làm bánh kẹo cho cô. Sẽ có ngày mọi người sống sướng hơn, muốn được ăn ngon hơn sợ lại không còn người biết cách làm. Bố chồng thờ ơ: “Cái miếng ngon không thể nói bằng lời, viết ra giấy mà làm được. Phải vừa làm vừa học mới biết”. Rồi ông lại nói: “Phàm đã làm gì cho đặc sắc thì phải có chủ có thợ. Thợ phải do chủ chọn, làm theo ý chủ, không được cãi. Nhưng nó lại trái với cái thời bây giờ”. Hiền ao ước sẽ có ngày cô mua lại cả cái nhà này, sẽ mở lại cửa hàng làm bánh kẹo như ngày xưa, treo lại cái bảng hiệu của ngày xưa. Biết đâu đây!

Năm 73 tôi đến thăm Hiền, cô đã là một thiếu phụ khác rất nhiều với thời con gái. Hiền mặc ra tới hai chục ký, da trắng hồng, tóc uốn cao, tay đeo đồng hồ nữ Liên Xô, mặc áo khoác lửng màu trắng của Đức, sang trọng như một mệnh phụ. Ngày ấy đàn bà con gái Hà Nội đã quên hẳn dùng nữ trang bằng vàng, không hoa hột dây nhẫn gì cả. Chứ không như bây giờ, đàn bà đeo vàng dây người đã đành mà con trai, ông già, nhà báo, trí thức cũng nhẫn vàng, dây chuyền vàng, càng to càng sang, càng nặng càng được trọng, cứ như dân chạy hàng xách một lượt. Lúc này Hiền đã có một đứa con trai đầu lên 5, lại đang có mang đứa thứ hai. Ông chồng bị thải khỏi đội bóng vì đã lớn tuổi, trở lại làm thợ máy, thợ phụ, thợ vớ vẩn nên lương rất thấp. Người vợ liền nói với anh trai cho chồng đi xé vé xe khách, lương vẫn thấp nhưng có lộc, lại được ăn uống thỏa thuê. Sau sáu bảy năm ở nhà chồng đến tận bây giờ cái nhà mới ra cái nhà. Có tiếng trẻ con la hét, vời khóc và tiếng bà cô đồ dành, đe nẹt. Ông bố chồng nói to hơn, cười cũng to hơn, đi lại mạnh mẽ. Những ngày nghỉ, chồng của Hiền lại dẫn dắt ba anh bạn về nhà ăn cơm. Một nhà đầy ắp tiếng mời chào, thăm hỏi, đầy ắp tiếng cười. Trong màn trình diễn “một gia đình hạnh phúc”, Hiền là diễn viên chính. Có bữa sau giờ làm chiều Hiền có việc phải đi đâu đó chậm về nhà mất hai tiếng. Cả gia đình như sống trên miếng vụn suốt hai tiếng chờ đợi. Lúc ăn cơm tối, bà cô chồng bảo: “Từ nhỏ tới già chưa lần nào tạo phải sợ như cái sợ vừa rồi. Nói đại, lỡ có chuyện gì xảy ra thì cái nhà này sẽ ra sao? Sống không nổi mà chết cũng không nổi con ạ”.

Vui được vài năm thì những người già kế tiếp nhau ra đi. Đầu tiên là bà mẹ chồng đi nắng về mưa mỗi ngày, nhiệm sương nhiệm gió, lại ăn uống thất thường bị cảm có vài ngày là mất. Đám ma cũng đàng hoàng để tiền đưa một người đã có thời là người đẹp của Hà Nội. Rồi đến bà cô chồng. Bà không ốm đau gì, chỉ yếu dần đi, ăn ít đi, mỗi bữa chỉ lưng cháo loãng nhưng vẫn đi lại được, nói năng tỉnh táo, tối tối vẫn ngồi ôm cháu cho nó ngủ. Khi bà mất, Hiền vuốt mắt cho bà rồi cô ngồi lặng lẽ ngẫm nhìn rất lâu cái gương mặt đã nhỏ quắt lại như quả ô mai khô, nước mắt đầm đìa. Đã nhiều năm nay họ sống với nhau, hy sinh cho nhau bằng cái tình mẹ con rồi. Ông bố chồng mất năm ông vừa tròn 65 tuổi. Cũng như mọi sáng ông tỉnh giấc từ lúc còn tối đất, đun một siêu nước bằng bếp dầu để pha trà buổi sớm. Uống hết một tuần nước, nhìn qua khe cửa thấy trời trắng dần ông mới đánh thức con dâu, con trai dậy chuẩn bị đi làm. Sau đó ông lại lên giường nằm thêm một lúc. Hiền mua phở yê mời bố dậy ăn không nghe bố trả lời liền vén màn nhìn vào thấy bố nằm nghiêng, đầu gối lên chiếc gối mây, một bàn tay ôm lấy má như người ngủ quá say. Tới lúc cô đưa tay lay khẽ mới biết bố đã mất rồi.

Người già ra đi thì một dây người trẻ ủa đến. Đó là các con trai và con dâu của hai ông chú. Họ trạc tuổi trong ngoài ba mươi, thô bạo, táo tợn, quyết liệt. Hiền vội vàng mua gạch xây luôn cái phần nhà đang ở cộ hai mét nhìn ra mặt đường để tránh mọi va chạm. Nhưng rồi sự va chạm vẫn có, bắt đầu từ cái bếp, rồi đến nhà vệ sinh, sau là nhà tắm. Hiền lại xây bếp và nhà tiêu trên phần đất của mình, như một hộ khép kín. Một năm sau, khi cả ba cặp vợ chồng đều đã xin được việc làm ở Hà Nội, trong biên chế nhà nước hẳn hoi, có sổ hộ khẩu thường trú, là những công dân chính thức của Hà Nội thì cuộc chiến tranh huynh đệ mới thật sự bắt đầu. Ấy là họ đòi bán nhà, hương hỏa của dòng họ, chia tiền đều làm bốn phần để mỗi gia đình mua nhà riêng mà ở. Sống mỗi người mỗi nhà, già mỗi người mỗi mô, có sống riêng ra thì mới còn anh còn em. Nhưng vợ chồng Hiền không chịu bán, các chú muốn bán

thì cứ bán cái phần của các chú, còn phần chúng tôi thì chúng tôi để ở. Vẫn biết người ta mua nhà là mua địa điểm, mua mặt bằng chứ ai mua cái xác nhà đã hư nát. Miếng đất hẹp lại, mặt tiền hẹp lại tất nhiên giá tiền mỗi thước đất phải giảm đi. Đây là vậy Hiền vẫn không nhân nhượng, không mềm lòng, không thể bỏ lỡ cái cơ may hiếm hoi, duy nhất: có được một gian nhà có mặt tiền ở một đường phố lớn. Trong cuộc chiến tranh giữa những người cùng máu mủ, Hiền đánh đá, quyết liệt, là một người đàn bà khác hẳn, xù lông giương vuốt để giữ chặt lấy cái phần của mình. Nó không chỉ là đất mà là tiền, là cái đầu của một cơ nghiệp mà cô đã tính toán và đặt rất nhiều hy vọng. Cuộc chiến tranh kéo dài đúng một năm, có cả văn lẫn võ, cuối cùng đám đàn ông hùng hổ phải nhượng bộ, đành chịu bán cái phần đã được chia của họ. Bởi họ cũng sợ làm to chuyện có khi lại mất ráo. Hiền kể lại chuyện nhà đất cho tôi nghe, rồi cô tự khen mình: “Em cũng là người nặng tình cảm họ hàng lắm. May sao lần này em không anh em lằng nhằng gì cả. Đã đụng vào quyền lợi của nhau tức là kẻ thù rồi. Có phải dùng dao mà xử em cũng dám”. Tôi nghĩ thâm, cũng may mà lúc ấy bố chồng và cô chồng đã mất rồi, nếu các cụ còn sống lại đứng giữa dàn hòa thì chưa biết sự thế sẽ ra sao?

3.

Hiền làm kế toán ở Phòng Lương thực được bảy năm thì bị đuổi việc vì có dính líu vào một dây ăn cắp. Cô chả buồn một tí nào, còn lấy làm mừng đã không phải ngồi tù. Cô bảo tôi: “Bây giờ em đã có vốn rồi, có xoay sở cách gì cũng vẫn được”. Hiền chỉ nghỉ ở nhà chừng vài tháng, các ông anh liền giao hàng cho đi bán các chợ. Lúc này miền Nam đã giải phóng, mỗi anh bộ đội về Bắc đều mang theo một cái khung xe đạp nhưng không có phụ tùng. Hai người anh trai và người em rể liền cộng tác với mấy tổ hợp sản xuất làm nồi trọc giữa, trọc moay ơ, côn phuộc, nguyên liệu và sắt vụn nhưng có tay nghề cao, tôi mà giỏi, nhìn thành phẩm không thể phân biệt được với hàng Trung Quốc hay hàng Tiệp. Làm bao nhiêu bán hết bấy nhiêu, mỗi cái lãi vài hào, bán cả chục vạn cái lại là một món tiền lớn. Hàng lậu thuế lậu cả nhãn nên sản xuất phải bí mật, đi giao hàng cũng bí mật, tiền bán nhét từng bao nhưng gian nan, nguy hiểm vô cùng. Nhưng không thấy mệt, không thấy sợ, tiền nhiều quá, tiền vào như nước lụt, cứ mê đi vì tiền. Mỗi ngày Hiền bắt đầu đi giao hàng từ bốn, năm giờ sáng. Rét cắt ruột muốn nằm nán lại với chồng con ít phút, nghĩ đến tiền lại vùng dậy. Mưa bão cũng phải bật dậy. Hiền giấu hàng bằng cách lấy tã của con quấn quanh người hai vòng rồi ken trục dây sít như găm đạn. Có lần cô dắt xe chen lẩn giữa đám đông, bất đồ bị công an đưa tay cản lại, rồi cậu ta đứng sững nắm vội lấy bàn tay người vừa chen, hỏi: “Chỉ mặc áo giáp bên trong đây à? Đi theo tôi!” Bữa ấy cô phải mất một cái nhãn vàng một chỉ mới thoát thân. Một ngày Hiền phải đạp xe tới sáu, bảy chục cây số, đạp mọi giờ trong ngày, không nghỉ một lúc nào, đói quá thì nhảy xuống xe ăn vội một bát bún, một gói xôi, có khi chỉ một củ sắn luộc cũng xong. Ăn cho nhanh còn đạp. Mà không ồm bao giờ, văng đầu số mũi cũng không, người cứ béo đen, thể mới biết cái hơi tiền còn mạnh gấp mấy những liều thuốc bổ. Là người Hà Nội nhưng Hiền không quan tâm tới bất cứ vẻ đẹp nào của Hà Nội. Cô chỉ biết có tiền, chỉ thuộc các đường ngang ngõ tắt, cái mặt sau, cái phía nhày nhụa, nhóp nháp của Hà Nội. Và thuộc mặt mấy chú công an, mấy ông quản lý thị trường, thuộc tên tuổi, thuộc tính nết, nhìn từ xa đã biết, nhìn sau lưng cũng biết, cứ như người trong gia đình để khỏi bắt thân va vào họ. Buôn đông bán tây cũng không bằng những mặt hàng bán vài đồng lãi vài hào. Hàng bán được mọi mùa, mọi nơi, giá rẻ, bán ra nhiều là bí thuật làm giàu của các nhà tỷ phú. Tiền kiếm được bằng mồ hôi, bằng tính mạng mà khi đếm tiền cứ ngỡ mình vừa ăn cướp của ai. Cái khó nhọc, cái lo lắng xong việc là quên liền, còn đồng tiền vẫn lù lù trước mặt nên cứ nghĩ tự nhiên mà có. Người kiếm ra tiền không hề thèm ăn mà cũng không thích mua sắm, bởi họ nghĩ rằng nếu mình muốn lập tức có ngay nên không thấy cần muốn. Chỉ có ông chồng là vẫn thích tiêu tiền, đưa bao nhiêu cầm bấy nhiêu chứ không đòi. Và lại anh ấy không trà rượu, không cờ bạc, không trai gái nên mức chi tiêu cũng vừa phải, gọi là có chút tiền dần túi. Một ông chồng không cho người vợ chút hy vọng nào nhưng cũng không gây thêm những lo lắng, thế là được, thời buổi này kiếm được một người chồng biết điều cũng là hiếm, Hiền bảo tôi thế.

Những năm sau đầu ở xa Hà Nội nhưng mỗi lần có việc ra Bắc, tôi vẫn lại thăm Hiền. Người chồng đã mất năm 53 tuổi vì tai nạn giao thông. Cũng là một người đàn ông sung sướng, một đời được nhờ cậy vợ. Bà góa đã cưới vợ cho thằng con trai đầu khi nó ở bộ đội về, có một cửa hàng bán mỹ phẩm tuy nhỏ nhưng doanh thu lớn vì còn bán buôn. Nhưng tôi không thể ngờ một tay cô ấy lại xây nổi một ngôi nhà to đến thế, đẹp đến thế. Nhà được xây trên phần đất được chia của nhà cũ, nhà ba tầng nói theo ngoài Bắc, còn gọi theo trong Nam là một tầng trệt và hai căn lầu. Mặt tiền hẹp có hai mét

những sâu lòng, nhà như cái ông nhưng là một cái ông sáng choang, bóng loáng với đầy đủ tiện nghi. Hiền mập hơn trước rất nhiều, đi lại bậm bực, chân tóc phía trước trán và hai bên vành tai đã bạc trắng cả. Năm mươi tư tuổi rồi, cũng già rồi, một bà già cổ sản nghiệp, có con cháu, có bè bạn, được phố phường nể trọng. Tôi nói với Hiền:

- Vợ chồng tôi về già vất vả hơn cô nhiều. Thế là cô thắng rồi. Một người khôn ngoan, tháo vát như cô thắng cũng là phải.

Cô em họ nhìn tôi rồi mỉm cười buồn bã:

- Vẫn thua anh ạ, rút cuộc về già là thua. Luật đời mà.

Lại thế nữa! Là sao nhỉ? Hiền tính, cô có hai con trai, một dâu, một cháu nội. Năm tới sẽ là hai con dâu. Anh em trai ở với nhau thì được nhưng chị em dâu lại không thể sống chung được. Sống chung sẽ có ngày chúng đâm chém nhau vì hai gia đình chỉ có một cửa hàng, chỉ có một chỗ làm ra tiền, sẽ không ai chịu nhường ai, cũng không ai muốn chung đụng với ai trong cái thời buổi đến thần thánh cũng phải quy lụy kẻ có tiền.

Hiền nói:

- Đám trẻ bây giờ chúng nó kiếm tiền quyết liệt lắm, lạnh lùng, tàn nhẫn hơn bọn em nhiều. Và không vì một ai cả, không thương một ai cả. Có tiền để trở thành người mạnh, thành ông chủ, chúng bảo thế. Mỗi thời cái cách dùng đồng tiền lại một khác anh nhỉ? Ngay từ bây giờ em đã coi cái nhà này là của chúng nó rồi, là tặng phẩm của mẹ cho các con và em sẽ khuyên chúng nó nên bán đi chia tiền nhau mua nhà riêng mà ở. Cái mộng một đời của em là mở lại cửa hàng làm bánh kẹo nổi nghiệp nhà chồng coi như vớt. Có hai thằng con không thằng nào ủng hộ mà em thì già rồi. Bây giờ chúng nó thích kiếm tiền một cách táo tợn, nguy hiểm, thằng thì làm vua, thua thì đi tù, ăn cơm muối hoặc chết cũng chẳng sao. Chứ không thích danh, không ham cái danh hiền lành, vất vả của một nhà, một nghề. Cũng treo bằng hiệu cả đấy nhưng họ có bán cái thứ họ trưng lên đâu. Quảng cáo một thứ, buôn bán một thứ thì cần gì danh. Càng vô danh càng tốt. Đồng tiền kiếm được bằng cái vô danh thì khiếp lắm. Thời thế đã thế thì em lại phải có cách tính toán khác. Em sẽ không ở với đứa nào cả, ở một mình, tự mình nuôi lấy mình. Em vẫn có vốn liếng riêng. Có ai dại gì dốc hết hầu bao cho chúng nó để về già thành người phụ thuộc, thành đầy tớ, muốn ăn bát phở cũng phải ngửa tay xin tiền. Tuổi già phải sống một mình là buồn lắm, em biết chứ. Nhưng chịu cái buồn vẫn dễ hơn chịu cái nhục, cái nghèo, em nói thế có phải không anh?

Tất nhiên là phải rồi! Cô em tôi tính toán từ trẻ đến già có bao giờ mà chẳng phải. Rồi Hiền lại hỏi tôi đã chuẩn bị cho tuổi già ra sao rồi? Tôi áy hã? Àn còn chả đủ lấy đâu ra tiền dư để chuẩn bị. Nói thế chứ tôi cũng có cách chuẩn bị của tôi. Ấy là khi tôi đã không kiếm được tiền nữa, đã thành kẻ vô tích sự trong gia đình, lại bệnh tật, lại trái chứng, gây khó khăn, gây phiền phức cho những người cùng sống thì tôi vẫn giúp được các con tôi một lần cuối: chết thật gọn gàng, thật sạch sẽ để chúng khỏi vì mình phải chi tiêu quá nhiều tiền.

Danh phận

Tôi là người sinh trưởng ở Hà Nội, từ trẻ đến già sống ở Hà Nội kỳ thực cũng không hiểu về Hà Nội bao nhiêu. Tôi chỉ quen thuộc, am hiểu có giới sĩ quan quân đội, giới văn nghệ sĩ là cái giới của tôi, và cán bộ công nhân viên chức nhà nước là bạn của tôi. Đại loại là giới viên chức nhà nước mà tôi là một thành viên. Chúng tôi không phải lo cái ăn, cái mặc, chỗ ở, lúc ốm đau, kể cả việc học hành của con cái lẫn việc làm của chúng khi đã trưởng thành. Những cái lo của một đời người đều không phải lo. Tất cả đều dựa vào nhà nước. Nhà nước là tất cả. Nên chuyện của chúng tôi rất khác với chuyện của dân, như là hai thế giới riêng biệt mặc dầu chúng tôi đều sống ở Hà Nội, là người của Hà Nội. Chúng tôi chỉ quan tâm tới chuyện chính trị, chuyện chiến tranh, chuyện cơ quan và sự thăng tiến, sự lên lương của người này hay người kia với những mong chờ pháp phỏng của chính bản thân mình. Vì thăng cấp không chỉ có nghĩa là tăng lương. Lương tăng thêm một hai chục bạc có là bao. Nhưng thăng cấp còn lại tăng thêm danh phận và nhiều thứ ưu đãi kèm theo khác. Đền tình yêu là thứ mong manh nhất, khó nắm bắt nhất mà cũng hóa ra hiền lành, ngoan ngoãn trước danh phận của đương sự. Cái anh viên chức muốn nói trời nói đất gì thì nói, cái mà anh ta một đời thiết tha, một đời lo lắng vẫn là cái danh phận. Có người đã hấp hối trên giường bệnh vẫn còn khắc khoải chờ đợi nhà nước cho thêm danh phận, cho thêm vinh dự, kể cả nơi mai táng, mới yên lòng nhắm mắt. Người dân đầu có cùng một nỗi lo như chúng tôi. Những cái mà họ phải lo thì chúng tôi không cần lo. Cái mà chúng tôi lo thì họ lại thấy chả có ý nghĩa gì. Nó khác nhau là thế.

*

Chú Nhì là ông em họ của bố tôi. Khi ba mẹ con tôi gặp hồi quần bách, ông đã cho chúng tôi ở nhờ một gian nhà trong ngôi nhà của ông ở ngõ Yên Bái kề sát nghĩa địa Tây, tức là khu tập thể Nguyễn Công Trứ bây giờ. Ngày ấy ông đã có ba xe chở khách chạy các tuyến đường Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Nam Định. Cũng là nhà có tiền nhưng sinh hoạt gia đình rất tưng tiệ, nửa quê nửa tỉnh. Sau tám năm đi kháng chiến, khi trở về Hà Nội, tôi lại thăm chú ngay. Chú đã già nhiều, tóc lốm đốm bạc mà tuổi mới có ngoài năm mươi. Hai người con trai lớn, con bà đầu, đã hăm hai hăm ba tuổi, làm việc cho bố, là những tài xế đường dài, kiếm tiền không chỉ bằng mồ hôi mà có khi còn bằng máu vì các tuyến đường 5, đường 1 và đường 21 thường bị anh em du kích đánh mìn. Lúc này chú Nhì có ba xe tải chở hàng hóa, một xe Chevrolet, một xe Ford và một xe Citroen T45. Trước ngày Hà Nội được giải phóng chú đã mua trữ 28 phuy xăng, mỗi phuy 200 lít và 100 đôi sơm lốp xe đạp. Đầu năm 55, chú Nhì phải nộp thuế nhập khẩu sơm xăng mua dự trữ. Tiền không đủ phải bán mấy chục đôi sơm lốp xe đạp cho một người bạn có cửa hiệu bán phụ tùng xe đạp. Nào ngờ ông bạn vàng muốn lập công với chính quyền cách mạng liền đi báo cho thương nghiệp. Sơm sơm mua tích trữ bị đánh thuế hàng tồn kho, người đầu cơ còn phải nộp tiền phạt vì đã không thật thà khai báo. Toàn bộ tài sản của chú Nhì là ba cái xe. Mỗi xe trị giá từ 14 vạn đến 24 vạn tiền Đông Dương, một lạng vàng năm ấy chỉ có ba nghìn đồng. Cuối năm 55, chú bán hai xe cho hai người bạn từ kháng chiến trở về muốn tiếp tục làm nghề cũ. Chú bán rất rẻ, chỉ bằng một phần mười giá tiền lúc mua. Bằng linh tính hay đã nghe ngóng được đầu đó, chú thấy mình không thể giữ mãi cả ba xe dưới chính thể mới. Nhà còn lại một xe Ford 5 tấn chú giao cho con trai đầu là Khang lái, mỗi sáng đều phải đánh xe ra Phòng vận tải để nhận kế hoạch chuyên chở. Thuế tháng nào đã nộp đủ tháng đó nhưng cuối năm lại có thuế truy thu theo thực lãi. Năm 60, nhà nước trưng mua hay nói theo ngày ấy là giai cấp công nhân chuộc lại chiếc xe cuối cùng của cha con chú Nhì với giá sáu ngàn đồng. Tiền không trả ngay mà chỉ trả lãi từng quý. Trong những năm này mỗi lần ra chơi, chú Nhì rất hay hỏi tôi về chính sách kinh tế của chính phủ, chỗ đứng của cha con chú trong công cuộc kiến quốc. Tôi là lính tráng, lại là lính văn nghệ làm sao biết được chuyện kinh tế, lại là chuyện kinh tế rất lắt léo giữa hai giai cấp đối địch đang gượng cùng nhau chung sống nên đành ngồi nín lặng. Có một ông cháu là người của cách mạng mà chẳng biết một tý gì về chính sách của cách mạng, có cũng như không, thật chán quá! Về sau chú cũng chả buồn trò chuyện hoặc than thở với tôi về bất cứ chuyện gì. Vì tôi chỉ có thể nói năng trót lọt những chuyện chung chung, chuyện tương lai, chuyện lý tưởng chứ chưa bao giờ có ý kiến rõ ràng về những chuyện đang diễn ra trong hiện tại.

*

Tôi ngại nhất là phải nói chuyện với Khang. Khang kém tôi một tuổi, đẹp trai, thông minh và hoàn toàn tự do trong mọi nhận định về thời thế. Mới gặp lại nhau có vài lần hăn đã hỏi tôi: “Tại sao mấy anh cách mạng lúc nào cũng có một bộ mặt quá nghiêm trang, lại rất hay nói thâm. Là sao thế?” Tôi bảo: “Là vì chú bị nhiễm cái tư tưởng chống Cộng ở trong thành quá sâu sắc rồi”. Hăn nhe răng cười: “Chuyện em mặt thấy tai nghe hăn hỏi chứ có do thằng Tây hay thằng Việt gian nói lại đâu”. Chuyện như thế này, liền sau ngày giải phóng Thủ đô, một ông anh của chúng tôi từ Thanh Hóa vọt ngay ra Hà Nội thăm chú thím và các em họ còn ở lại hay đã theo Pháp vào Nam rồi. Nhà rất rộng, phở vắng người, chỉ có hai chú cháu ngồi với nhau mà anh ta cứ nói thâm thâm thì thì như sợ người ngoài đường nghe thấy. Chỉ là chuyện giảm tô và cải cách ruộng đất thôi. Ông chú tôi dặn các con: “Nghe đâu bỏ đó, đừng có nói lại mà mất đầu”. Các con ngơ ngác nhìn nhau: “Có được nghe chuyện gì đâu mà nói lại. Có chuyện gì thế?”. Ông bố gắt: “Không nghe thì càng tốt, không phải hỏi”.

Trong thời gian cải tạo công thương nghiệp tư doanh, thỉnh thoảng tôi vẫn gặp Khang. Hăn vẫn cười cợt, không nói gì nhiều, chỉ hỏi lửng lơ: “Anh đã biết chuyện Chính Ký Hàng Bò chưa?”. “Anh có biết chuyện An Lợi ở đầu Hàng Bạc không?” hoặc: “Lão chủ xe ở ngõ Hội Vũ cũng là thằng đại. Việc gì phải làm thế”. Hỏi tiếp là chuyện gì thì hăn lại cười rồi phóng xe rông mát. Chính tôi cũng thắc mắc không hiểu chuyện gì. Nhưng đã từ miệng thằng Khang nói ra tất là chuyện bất thường rồi, chuyện của giai cấp tư sản rồi, mà trong cuộc đấu tranh giai cấp thì thiếu gì chuyện không vui. Chớ có hỏi mà đại. Minh hỏi, cái người được hỏi có thể không biết lại đi hỏi, cuối cùng sẽ đến tai một người nào đó với câu hỏi ngược lại: “Tại sao thằng ấy lại quan tâm tới những chuyện đó? Hăn có bà con họ hàng gì? Thật ra hăn là ai?”. Không dung mua dây buộc mình, mà nào có phải chỉ có một mình mình... Nên tôi cũng đành bằng lòng với cái biết một nửa và rồi cũng quên ngay. Chúng tôi chả có trách nhiệm gì tới cái buồn cái vui của các đối tượng của cách mạng. Việc của họ đã có những người khác lo.

Nhiều năm về sau khi chú tôi mất đã lâu, hai người con trai đầu là Khang và An đều là những chiến sĩ lái xe kỳ cựu rong ruổi trên khắp các nẻo đường của miền Bắc, từ Lạng Sơn đến Vĩnh Linh, từ Quảng Ninh sang Nghĩa Lộ, núi cao vực sâu, mưa bom bão đạn vẫn không rời tay lái, lương lái xe lên đến bậc tốt cùng, là những công dân tích cực trong thời bình cũng như trong thời chiến, cả hai anh em vẫn giữ một khoảng cách trong mối quan hệ với tôi. Gọi là anh em nhưng không thể tin cậy như bạn bè, gặp nhau một năm đôi lần những ngày giỗ tết toàn nói chuyện vui, chuyện của người khác, chuyện vớ vẩn cho nó qua đi trong một buổi gặp mặt buộc phải có. Chắc hăn anh em họ vẫn còn giận tôi lắm, hờn thì đúng hơn. Chúng tôi nghĩ về anh như thế mà hóa ra anh lại là người như thế. Tôi chỉ là như thế chứ còn có thể là thế nào khác.

Mãi tới năm 89 trong ngày giỗ chú tôi vào tháng Hai ta, Khang uống đã hơi say say, hắt mặt bảo tôi: “Văn ông đạo này đọc cũng đường được. Không như trước kia...”. Khang giải thích thêm, trước đây những người như hăn không có chỗ đứng trong văn chương cách mạng. Hoặc giả nếu có bóng dáng của hăn và bạn bè thì không là quân lưu manh cũng là phường thảo khấu, sinh ra là để phá phách mọi vẻ đẹp của xã hội. Họ chỉ là công dân loại hai loại ba, luôn luôn bị ngờ vực, bị lẻ loi và không được pháp luật bảo vệ. Mà chúng tôi vẫn là công dân Việt Nam có phải không, Khang hét lên, có khí phách của người Việt Nam, dám rời bỏ tất cả để phụng sự cho nền độc lập của Tổ quốc. Sống mà không được phép thi thố tài năng của mình, không được phép thay đổi điều kiện sinh hoạt và làm việc của mình. Chỉ được làm những việc đã quen thuộc, đã được quy định, chỉ được nhận lương tháng và vay nợ và bất cứ lúc nào cũng có thể bị thóa mạ, bị lăng nhục vì cái nguồn gốc tư sản. Sống như thế đâu còn niềm vui được sống nữa. May sao còn có những năm này...

*

Những thay đổi trong hàng loạt chính sách lớn của nhà nước những năm này quả thật đã tạo ra vô số cơ may cho toàn xã hội. Đã là công dân Việt Nam đều được hưởng sự may mắn như nhau. Vẫn còn có sự phân biệt, nhưng sự phân biệt ấy không ghi trong pháp luật mà chỉ là tàn dư của một thời kỳ bao cấp kéo quá dài. Xã hội đã được vận hành theo những quy luật thông thường. Con người cũng trở lại với cuộc sống bình thường. Đã là cuộc sống bình thường thì ai ai cũng phải có những mối lo giống nhau, cũng có những cái may cái rủi như nhau. Danh phận không chỉ dành riêng cho các quan chức nhà nước. Người có tiền và người có tài cũng có danh phận riêng của họ. Và họ cũng được xã hội kính trọng. Xem ra kẻ có tiền đang được xã hội kính trọng nhiều hơn cả. Cái nghèo không còn là một vinh

dự đề khoe. Người hiền lành và an phận không còn được các cơ quan quản lý yêu chuộng. Con người được tôn trọng hơn trước vì đã có pháp luật bảo vệ. Và mối quan hệ giữa tôi với các con chú Nhì cũng thoải mái hơn nhiều. Tôi có danh, cũng là thứ danh hão thôi, còn anh em họ có tiền, lại là đồng tiền thật. Khang vào thành phố Hồ Chí Minh thăm tôi và một số bà con trong họ, sang trọng như một bộ trưởng, taxi đưa đón, vé máy bay mua vào giờ cuối, đến Sài Gòn không ăn ở nhà ai cả, thuê phòng ở khách sạn. Lần đầu tiên, sau gần bốn chục năm, tôi với hân mới trò chuyện cùng nhau chân tình như anh em bè bạn. Vì cả hai chúng tôi là những giá trị ngang nhau, được xã hội tôn trọng ngang nhau, không ai có mặc cảm thua kém về danh phận. Khang bảo, cách đây đã mấy năm, lần đầu tiên quàng cái cavát vào cổ, đi đôi giày da đắt tiền và mặc bộ âu phục bằng len doóc-moi, nhìn vào gương thấy tóc đã bạc nhiều, răng rụng một chiếc, mắt đã có túi và đuôi mép đã hơi chảy xệ xuống muốn ứa nước mắt vì tự thương cảm. Không ngờ mình lại được trở lại làm người, được tôn trọng như một con người, mà thân phận đâu có gì thay đổi, chỉ là anh bán phở và bán cơm thôi. Cũng như xưa kia chỉ là anh tài xế thôi nhưng trong tủ phải có dăm bộ com-lê, vài tá cavát, non chục đôi giày, dăm cái mũ dạ. Một người đàn ông có tiền, cũng không cần nhiều lắm, đều có trang phục tương tự như vậy. Gần bốn chục năm những bộ quần áo thông thường ấy phải cất kỹ trong tủ, trời nắng cũng không dám đem ra phơi sợ hàng xóm họ đặt điều, bị nhẩy cắn nát cả. Một thời trai trẻ chỉ mặc có áo bông xanh, quần kaki vàng, tự mình ngắm mình trong gương cũng thấy chán, cũng không muốn tôn trọng chính mình.

Có một lần nào đó, khi tôi còn ở Hà Nội, Khang đã nói với tôi, rằng hân không tiếc gì mấy cái xe hái ra tiền của gia đình. Bọn bè cùng lứa tuổi ở Hà Nội nhiều người ra đi kháng chiến mà không có ngày về thì sao? Cái chết còn dám coi nhẹ tựa lông hồng hưởng gì tiền bạc. Hân chỉ muốn được xã hội tôn trọng. Nếu còn được coi là công dân thì công dân phải được pháp luật bảo vệ và tôn trọng. Hân sợ nhất là bị làm nhục. Cộng đồng không được gì thêm khi làm nhục một thành viên của mình. Kẻ phạm pháp thì phải xử tội, thậm chí có thể xử bắn, đâu là thế cũng không nên lảng nhục họ.

Những lần ra Hà Nội tôi thường lần lượt đến ăn sáng ăn tối tại các hiệu phở của Khang và An. Là một xí nghiệp phở, vì anh em hân có tới năm cửa hàng bán phở ở các trung tâm buôn bán của Hà Nội. Nấu phở ở một nơi và có xe đưa tới các cửa hàng để đảm bảo cách nấu riêng, mùi vị riêng của một bảng hiệu, kể cả cái mềm dai của sợi bánh phở, màu sắc của lát ớt, của nhánh hành. Phở bán có hai ngàn một bát, ai muốn ăn ngon hơn thì đưa thêm một bát nhỏ. Các bát đều đặt trên đĩa. Tuyệt đối không được bán cũng là một bát phở người ăn hai ngàn, người ăn bốn ngàn. Bán như thế lâu dần sẽ có cái tâm lý trọng người ăn nhiều tiền và coi thường người ăn theo đúng giá đã quảng cáo. Chẳng lẽ quảng cáo chỉ cốt đánh lừa khách hàng? Đã nói sao phải làm đúng vậy, không vì tiền mà thay đổi. Các cửa hàng đều mát, sáng và rất sạch. Bàn và ghế ngồi như bàn ghế trong khách sạn. Bát đĩa, ống tắm, giấy chùi miệng cũng rất sang. Những người phục vụ đều đi giày, quần áo thẳng nếp và ông chủ hoặc người quản lý luôn luôn thất cavát đi lại giữa các bàn xem xét, chỉ huy. Nhiều người ngồi vào bàn ăn còn hỏi nửa đùa nửa thật: “Một bát phở là hai ngàn hay hai chục ngàn?”. Mất có hai ngàn mà được phục vụ chu đáo, lịch thiệp như vậy sao? Thừa, đúng là thế! Chúng tôi tôn trọng quý ông quý bà chẳng đáng ư? Các vị nuôi chúng tôi mà. Khang nói, từ ngày mở cửa hàng chưa có một ai ăn quýt hoặc thiêu nợ mà không trả. Người được kẻ khác tôn trọng lập tức sẽ có ý thức tự trọng. Mình nâng người ta lên người ta sẽ xử sự theo cái vị trí mình đã đặt cho họ. Nhà nước tôn trọng dân có mất gì đâu. Những người đã được tôn trọng đâu có dám quên cái nhân phẩm đã được xem trọng của mình. Người xưa đã từng nói: người quân tử có thể chết vì tri kỷ mà.

Nghệ nhân ở làng

1.

Dạo ấy cũng vào cuối thu, là mùa đẹp nhất của Hà Nội. Đạp xe dọc đường Nguyễn Du vào buổi chiều, nhìn lên các tán cây chợt thấy vàng rực, vừa có chút nắng vừa có chút sương, và gió thổi vào mặt đã hơi lạnh. Người như nhỏ lại, mặt đường như rộng ra và các biệt thự ẩn mình trong các vòm cây trở nên cô kính và bí mật. Chính là nhờ có nắng thu, gió thu, cái vẻ đẹp đột nhiên rực rỡ của một cái gì sắp tàn của mùa thu mà tôi bất chợt nghĩ tới một làng của ngoại thành Hà Nội, chuyên chạm khắc ngà voi và gỗ. Nghe nói nhiều năm dân ở đây đói vì không làm được nghề, mấy năm nay đã trở nên giàu có vì hàng họ làm là hàng mỹ nghệ chọn lọc đáp ứng được những nhu cầu của các triệu phú mới, đang rất muốn có cơ hội để tiêu tiền.

Tôi đã đi suốt làng cả một buổi chiều, thăm nhiều nhà, ngắm nhìn nhiều tượng gỗ, tượng Phật có, tượng Thánh có, rồi ông Tiều ông Ngư, trẻ trâu ngồi trên lưng trâu thổi sáo, sư tử vờn cầu, hồ nằm, hồ đứng, đẹp thì có đẹp nhưng không thích, chỉ là sản phẩm thủ công của những ông thợ làm nghề, chỉ thấy giá tiền, nơi bán, quy luật thương trường, chứ không được nghe một câu nào về nghệ thuật, về cái thần bí của nghề, những chuyện của nghề. Đứng đâu ngồi đâu cũng nghe nói đến tiền, đến chính mình cũng phải luôn luôn nghĩ đến tiền. Thật chán quá! Khi tôi bước qua góc sân của một nhà cuối xóm để ra tắt đường cái chợt nghe có tiếng cóc cách của chàng của đực ở căn nhà ngang bên dừng chân, cũng là vô tình, không có ý định gì trước. Có tiếng người hỏi:

- Bác tìm nhà ai?

Tôi bước lại, một người trạc tuổi trung niên, gầy, xanh, hai mắt sùm sụp, dùng tay đực nhìn tôi. Ngồi cạnh anh ta là một cậu bé khoảng 14, 15 tuổi cũng đang đực một khúc gỗ và con em thì ngồi đọc sách.

- Tôi chỉ đi qua ra đường về ủy ban thôi.

- Bác ở trên huyện về công tác à?

- Phải.

- Bác ở phòng nào trên huyện?

Ồ, cái anh này cũng rồi hơi nhí! Khi biết tôi không phải là cán bộ của huyện hay của tỉnh mà chỉ là anh nhà báo ngoài Hà Nội về thăm một làng có nghề điêu khắc nổi tiếng, lại hỏi là nhà báo thì tên gì? Chả lẽ anh này cũng quen thuộc tên tuổi các nhà báo? Nhưng thật không ngờ khi biết tên tôi anh ta liền đứng bật dậy, mời tôi vào nhà, nói hỉ hã:

- Bác là nhà văn quân đội phải không? Em cũng từng là lính đây.

Rồi anh tự giới thiệu tên là Dụ, lính phòng không, đi bộ đội từ năm 65, mãi tới năm 84 mới về nhà, cấp bậc đại úy. Dụ rót nước chè xanh đã nguội ra bát mời tôi rồi bảo:

- Tối nay bác phải ở đây ăn cơm với mấy bố con em. Cơm rau dưa nhưng thăm tình đồng đội.

Lại văn chương nữa, con người này cũng hay đây! Tôi nhận lời và nói tôi đã đi suốt làng một nửa ngày mà chưa tìm được một pho tượng nào tôi thích, giống nhau cả, sản xuất hàng loạt mà. Bây giờ cây cảnh, chậu cảnh, đá núi, tượng nhỏ bằng đất nung, bằng sứ đều rất đắt giá ở Hà Nội, tất nhiên cái nghề đực chạm trên gỗ, trên ngà voi phải hái ra tiền. Chắc là gia đình ông đại úy bây giờ cũng khá. Dụ nhìn tôi rồi há mồm ra cười, cười không thành tiếng, hai hàm răng đều đặn, trắng muốt khiến gương mặt trẻ trung hẳn, nghịch ngợm hẳn. Sau bữa cơm chiều đạm bạc, Dụ thắp hai ngọn đèn rồi bê từ trong buồng ra một loạt tượng gỗ, hàng không bán, đã có nhiều người hỏi mua, trả giá đắt cũng không bán. Nó là

những kỷ niệm riêng của em, Dụ vừa cười vừa bảo tôi thế. Anh cho tôi xem một pho tượng nhỏ, cao hơn gang tay, đục bằng gỗ lát, vân gỗ nổi lên sáng bóng. Tượng một cô bé khoảng chín, mười tuổi, tóc xõa phủ kín một bên vai, đầu ngoẹo về một bên, một ngón tay đưa lên miệng, hai chân hơi khum cong như đang nhảy nhót. Một cái mặt xấu xí nhưng nghịch ngợm, mắt nheo lại, mũi hếch lên và cái miệng như lệch về một phía. Tôi hỏi: “Cháu gái phải không?”. Dụ mỉm cười: “Là mẹ nó đây”. Ô, là vợ anh sao? Dụ kê, năm anh 13 tuổi còn vợ anh mới lên 9, anh chưa từng ghét ai như ghét con bé đó. Bởi con bé đó chỉ thích trêu chọc có một mình anh thôi. Bất cứ gặp Dụ ở đâu cô bé cũng ngoẹo đầu, giương cặp mắt tròn xoe nhìn anh tinh quái rồi đưa tay quệt một bên mép, hét rất to: “Lêu lêu, có đứa đã lớn tướng còn đái dầm nhá!” Đúng thế thật, cái bệnh trẻ con ấy mãi tới năm 15 tuổi Dụ mới chữa khỏi. Mà sao nó lại biết? Con gái gì tò mò cả những chuyện không nên biết của con trai. Vậy mà nhiều năm sau, ngay cả khi ở chiến trường, mỗi lần nhớ lại cái kỷ niệm vợ vân, buồn cười giữa hai người ngày còn nhỏ trái tim anh như thắt lại. Anh lật mặt dưới cái đế gỗ cho tôi xem dòng chữ khắc nhỏ: Con ranh con yêu dấu của anh ơi. Bây giờ vợ anh đã mất rồi. Mất năm 85. Dụ về hầu vợ ôm được có một năm thì cô ấy mất. Gan suy, thận phù, phổi yếu, thuốc nào mà chữa được. Lấy chồng 15 năm, đẻ ba con, thằng đầu năm nay đã 22 tuổi, nhưng chỉ được ở với chồng có một năm cuối. Chiến tranh, việc gia đình, việc xã hội, trăm thứ việc, chỉ có một người lo, vừa lo vừa chờ đợi tin chồng ở chiến trường xa lại càng lo, biết có bệnh nhưng không dám đi chữa, tiền đâu mà nằm bệnh viện dài ngày, ai nuôi các con mà dám xa nhà dài ngày, cứ cố mãi, gắng mãi, tới lúc chồng về được dựa cây thì bệnh đã quá nặng.

Dụ lại cho xem nhóm tượng có tên gọi Bà và Vợ, đục trên gỗ hoàng đàn. Một cô gái có khuôn mặt tròn, bàn tay và bàn chân đều to, quần xắn trên bụng chân ngồi ngoáy trâu và một bà lão ngồi nép bên cô gái. Mặt bà lão rất nhỏ, chỉ nhìn rõ có hai hốc mắt và cái cằm hơi lẹm vào của người nhiều tuổi. Nhưng cái khăn vuông trùm đầu thì cứng và to. Cái váy cũng rất rộng, phủ kín hai bàn chân như cái nơm. Nhìn thớ gỗ mà tưởng như mặt vải đã nhân mấy lượt nước nâu, mấy lượt nước bùn. Dụ kê, từ năm lên sáu đến năm mười bảy tuổi anh chỉ ngủ với bà nội, trời rét cũng thế, trời nực cũng thế. Người bà nội rất khai, khai từ cái váy thấm đầm nước tiểu của bà. Mỗi lần đắp chiếu mùi khai nồng lên nhưng với Dụ vẫn là mùi da thịt quen thuộc nhất. Có lần, Dụ đã học lớp 9, đi đá bóng ở lớp về, mồ hôi nhè nhại, thấy bà ngồi sàng gạo, anh liền quỳ xuống lấy gầu váy của bà lau mồ hôi trên mặt. Bà vừa cười vừa chửi: “Tiên nhân cái thằng nỡm này, con trai mà chùi mặt vào váy bà già rồi thì học hành làm sao”.

Ông bà nội chỉ sinh một người con trai duy nhất là bố Dụ. Mẹ có mang anh được sáu tháng thì bố chết vì bệnh thương hàn. Nhà nghèo không có tiền mua áo quan phải dỡ bốn cánh cửa giữa làm ván đóng hòm. Mãi tới ngày Dụ đã lớn vẫn chỉ dùng liếp đóng dõng tre ngang chống lên hạ xuống thay cho cửa gỗ. Dụ lên sáu thì mẹ bỏ đi lấy chồng. Ông bà nội nuôi cháu cho tới năm Dụ 17 tuổi thì anh đi bộ đội. Ngày Dụ lên đường nhập ngũ, ông nội dậy từ nửa đêm, đi lại quanh quần trong mấy gian nhà rồi ngồi hút thuốc chờ sáng. Dụ hỏi ông: “Ông có ra đình tiễn cháu không?” Ông giương cặp mắt bạc nhìn cháu, hai giọt nước mắt thật to từ khóe mắt lăn dọc theo rãnh mũi rồi nhoe vào những nếp nhăn ở hai bên mép, nói nhỏ: “Ông không dám nhìn con đi xa, ông nhớ lắm, thôi, con đi cho mạnh giỏi, năng viết thư về cho ông bà khỏi mong”. Rồi ông lại dặn: “Mày đi chết thì thôi, còn sống mà về thì phải lấy con gái bà Liên, tao đã xin bà ấy cho mày từ năm ngoái rồi”. Dụ ôm choàng lấy hai vai ông, dụi mặt vào cổ ông rồi hôn lên hai má vừa mặn vừa chua vì nước mắt và mồ hôi. Anh rời nhà ngày nào thì ông nội nằm không dậy từ ngày đó. Chút máu thịt còn lại để ông níu vào đó mà vui buồn, lo lắng nay đã tuột khỏi tay ông trôi đi xa, đi rất xa thì ông còn muốn sống làm gì. Hai tháng sau thì ông mất, thọ 80 tuổi. Tôi cầm lên đặt xuống, ngắm nghía mãi pho tượng Ông Nội với gương mặt như bị bấm nát bởi các nếp nhăn. Cái lưng còng xuống, rất mỏng. Cánh tay, cẳng chân rất gầy nhưng bàn tay và bàn chân lại rất to, sần sùi những nốt mấu. Bàn chân của người cu li xe tay, trước khi lấy vợ. Bàn tay của thợ nấu bếp cho các tiệm cao lầu ngoài Hà Nội trước ngày kháng chiến. Những chục năm cuối đời ông là thợ cày. Một đời vất vả nuôi có một con một vợ, sau này nuôi có một cháu mà vẫn túng thiếu là nghĩa làm sao?

2.

Đêm đó tôi ngủ lại với mấy bố con Dụ. Giường gỗ lát, chiếu hoa nhưng không có màn. Chỉ đắp chiếu. Không có nhiều muỗi nhưng chỉ một con lọt vào cái ông chiếu kêu ro ro là hết ngủ. Một đêm

tỉnh giấc mấy lần, lại pha nước uống, Dụ hút thuốc Lào, tôi hút thuốc lá, chuyện vãn. Dụ thích nói chuyện, anh bảo, lâu lâu mới gặp đồng đội, lại là một ông lính cụ, lính già, nếu cả hai đều nằm ngủ thì phí quá, biết ngày nào mới có dịp gặp lại nhau. Dụ nói, hiện nay anh là người vô dụng của gia đình. Thằng lớn chuyên lên rừng mua gỗ quý và ngà voi về bán lại cho các nhà làm nghề. Những tháng ở nhà nó cùng nhóm bạn đục chạm sơn thếp kiểu bất công cho các đình, đền, miếu trọng tỉnh. Nó còn có nghề đục ngà voi các tượng Phật nhỏ bày trong tủ chè hoặc các con thú để chặn giấy. Em trai nó có tài đục kênh bong phồng tứ linh và tiên tứ linh. Còn người bố chỉ đục chạm những gì mà anh thích. Làm để giải tỏa những cái buồn, những cái nhớ và rất nhiều ân hận, để níu kéo lại cái thời đẹp nhất qua mỗi năm lại một xa thêm mãi.

Dụ chỉ cái tủ chè gỗ gu, cánh trơn, hỏi tôi:

- Bác nhìn cái lều tủ đục lồng kia có gì đặc biệt không?

Có gì là đặc biệt nhỉ? Đục chạm lều tủ thì cũng đến quanh quẩn nhò sóc, mai hạc, hoặc cầu kỳ hơn là thập điều quân mai, ngũ phúc kim tiên. Nó đã được quy định, đã thành tiêu chuẩn. Không đúng thế không thể nói là đẹp. Dụ bảo tôi hãy lại gần mà xem, cái lều tủ này hiện nay có bán cũng chả ai muốn bỏ tiền mua, nhưng dăm chục năm nữa phải tính bằng vàng, vài chục cây vàng mới dám đục vào nó. Tôi mang kính vừa nhìn vừa đưa tay sờ, không có chim thú gì cả, không có tùng bách gì cả. Chỉ có người thôi, lô nhô những hình người, không phải người ngày xưa mà là người hôm nay, là các anh bộ đội thì phải, bộ đội và súng cao xạ, người đứng bắn và người chết trong các tư thế. Đúng là một tích mới, của thời chống Mỹ. Năm 65 cùng đợt nhập ngũ với Dụ, toàn xã có sáu chục người, hiện nay còn sống mười hai người, hy sinh bốn mươi tám người. Họ đều là lính của C12, đại đội quyết tử của Hà Nội, treo mình trên các đỉnh cao của thành phố cùng với những khẩu cao xạ 14 ly 5 bắn máy bay Mỹ. Một lều tủ đục chạm bốn mươi tám nhân vật chiến sĩ, Dụ phải làm trong ba năm, có ngày làm có ngày nghỉ, mỗi ngày cũng chỉ làm có vài tiếng. Họ đều là người trong xã, là bạn trước khi là đồng đội nên thuộc mặt, thuộc tính nết, mặt nhỏ như hạt đậu, thân người như que diêm nhưng cao thấp, béo gầy, người nào ra người nấy, không lẫn được, cũng không giống nhau trong tư thế chiến đấu và lúc hy sinh, mỗi người mỗi cách, mỗi người mỗi cảnh. Bốn mươi tám người chia đều hai bên lều, mỗi bên hăm bốn người. Thân câu Long Biên nói liền hai mảnh lều. Không chỉ có lính chiến đấu mà có cả anh lính đánh đàn, anh lính diễn chèo, vợ và mẹ lính đến thăm chồng và con ở trận địa. Và bà mẹ cũng mặc váy. Bà già thời nay còn mấy người mặc váy nhỉ? Chắc là Dụ lại nghĩ tới cái váy của bà nội năm anh còn nhỏ.

Tôi hỏi:

- Chúng tôi viết truyện ngắn hay dài đều muốn viết một lều cho xong, sao anh lại kéo dài việc chạm khắc tới ba năm?

Dụ nói:

- Em có làm theo sự đặt hàng đâu mà cần làm cho nhanh, làm cho xong. Mỗi ngày em chỉ đục có một cái mặt của bạn bè, lúc đưa cái đục vũa hay cái đục tách lên mặt gỗ lại như được sống trong khoảnh khắc với người ấy. Còn khi đã làm xong lại là chuyện khác, nó chỉ là khúc gỗ vô hồn thôi, mình với nó lại là hai, không còn là một. Làm xong cái lều tủ em buồn mất mấy ngày vì lại phải xa nhau một lần nữa, lần này có thể là mãi mãi. Lắm đêm vắng lặng không ngủ được, em cứ lắng tai nghe chỗ để tượng có tiếng động dậy gì không? Có ai cười nói không? Họ có chịu sống lại trong phút chốc vì đã cảm được cái tình của em không? Không có gì cả! Thật buồn quá! Nghe nói ngày xưa ngày xưa các cụ ở làng này có cách đục đẽo tượng gỗ cười nói trò chuyện mỗi đêm như lúc còn sống. Nhưng cái bí thuật ấy của nghề đã bị thất truyền lâu rồi. Người bảo là có, người bảo không, nhưng em tin là có cái bí mật đó thật. Kể ra...

Chao ôi! Một anh thợ yô danh ở làng mà dám có cao vọng đoạt quyền tạo hóa bằng cái chàng cái đục của mình sao? Biết thế nào được! Cõi mơ mộng của con người ta vốn vô cùng mà.

Một người Hà Nội

1.

Chúng tôi gọi là cô, cô Hiền, là chị em đôi con dì ruột với mẹ già tôi. Năm 1955, tôi từ kháng chiến trở về một Hà Nội nhỏ hơn trước, vắng hơn trước, còn họ hàng chỉ còn lại có dăm gia đình vì chồng và con đều đi theo cách mạng. Cô Hiền cũng ở lại, dầu cô chủ vẫn sống ở Hà Nội suốt chín năm đánh Pháp, các con lại còn nhỏ, chả có dính líu gì với chính phủ “ngoài kia” cả. Họ ở lại chỉ vì không thể rời xa Hà Nội, không thể sinh cơ lập nghiệp ở một vùng đất khác. Lại thêm, chú tôi làm nghề giáo học, ông giáo dạy cấp tiểu học, là người cần thiết của mọi chế độ, chế độ cộng sản cũng phải khuyến khích trẻ con đi học, học văn hóa và học làm người. Còn chính trị, chính em là những lứa tuổi trên, học sinh tú tài và sinh viên đại học. Tính thế là đúng, nhưng tôi vẫn lo, thật ra không có gì đáng để phải lo nhưng tôi vẫn nghi ngại gia đình này rất khó gắn bó với chế độ mới và chế độ mới cũng không thể tin cậy được ở họ. Là vì họ ở rộng quá, một tòa nhà tọa lạc ngay tại một đường phố lớn, hướng nhà nhìn thẳng ra cây si cổ thụ và hậu cung của đền Ngọc Sơn. Với người vô sản, ở quá rộng là một cái tội, trong khi cán bộ và gia đình họ phải ở chen chúc trong những khu nhà tập thể, có khi phải ở ngay dưới gầm cầu thang của một nhà bạn bè. Cái mặc cũng sang trọng quá. Mùa đông ông mặc áo badơxuy, đi giày da, bà mặc áo măngtô cộc lông, đi giày nhung đính hạt cườm. Lại cái ăn nữa cũng không giống với số đông. Bàn ăn trải khăn trắng, giữa bàn có một lọ hoa nhỏ, bát úp trên đĩa, đĩa bọc trong giấy bản và từng người ngồi đúng chỗ đã quy định. Gia đình tôi thì ăn uống bình dân hơn, vợ chồng con cái ngồi xúm xít quanh cái mâm nhôm, thức ăn có khi múc ra bát ra đĩa, có khi cứ để nguyên trong nồi, nồi lớn đặt giữa mâm, nồi nhỏ đặt cạnh mâm, cứ việc sục muôi vào, sục đũa vào, vừa ăn vừa quắt con măng cái, nhôm nhôm, hả hê, không cần phải khuôn bó theo một quy tắc nào cả. Ăn cốt để sống, để làm việc, hay hóm gì cái thứ lễ nghi rườm rà của... giai cấp tư sản. Tôi không dám thốt ra miệng nhưng vợ chồng vẫn bảo riêng nhau: “Cô Hiền đích thị là tư sản rồi. Đã là tư sản thì không thể tin cậy được. Việc mình mình biết, việc cô mặc cô, dính líu nhiều có ngày lại rắc rối”.

2.

Đã là người gốc Hà Nội thì không thể không nghe nói tới sự giàu có lương thiện của cụ Tú Dâu Hàng Bạc, là nhà ở cuối Hàng Bạc đầu Hàng Mắm. Xưa kia đất ấy là bên sông, mảnh Nghệ An chở nước mắm ra đổ tại bến và bốc ngay lên nhà. Nước mắm đổ vào các kiệu chôn chìm trong đất, mỗi lần thay phải dùng khăn bông trắng lau chùi sạch. Một dãy nhà chôn kiệu nước mắm, và một gian nhà để tiền, tiền kẽm, mang một quan tiền kẽm đã phải vác vại. Cụ Tú đậu tú tài khoa thi Hương cuối cùng khi tuổi đã lớn, sau đó là bỏ hăn bút lông để theo bút sắt. Cụ Tú ngâm thơ vịnh nguyệt, ăn ở giao tiếp theo kiểu cách nhà quan, dạy con cái cũng theo khuôn phép nhà quan, là cái phần hào nhoáng của gia đình. Còn cái phần cần cù, cái phần được người đời trọng thực, nề thực, cái gian nhà tiền ấy đều do hai bàn tay đảm đang của bà vợ gây dựng nên. Bà chỉ buôn có nước mắm thôi. Thơ của cụ Tú được bạn bè khen nịnh chẳng qua là nhờ ở cái mùi nước mắm Nghệ, nhờ ở cái mùi tiền từ các kiệu nước mắm, con cháu sau này vẫn đùa vụng thế. Bà Tú Dâu là em ruột bà ngoại tôi và là chị ruột mẹ cô Hiền. Hình như cả ba chị em đều lên ở Hà Nội cùng một thời, cái thời Pháp mới sang, phố phường còn là nhà lá, nhưng chỉ có bà Tú là tiếng tăm hơn cả. Nhìn những tấm ảnh các cụ chụp từ hồi đầu thế kỷ mà cảm động. Các cụ đều không được đẹp, mặt vuông trán ngắn, mặt hẹp và dài lại hơi xệch một chút, gò má thì cao. Cả ba cụ đều ăn mặc theo “mốt” của thời ấy: khăn vắn bỏ đuôi gà, áo tứ thân bằng hàng tơ dẹt thưa gọi là xuyên, mặc quần lĩnh Bưởi và đi hài. Ba bà đặc nhà quê nhưng lại để ra một loạt con gái rất tân thời. Khoảng cuối những năm 30, mẹ già tôi vẫn còn để răng đen, nhưng đã vắn tóc trần đeo kiềng cô và vòng tay bằng vàng chạm vừa thô vừa nặng. Cô Hiền vào những năm ấy đã cạo răng trắng và uốn tóc, mặc quần áo đồng màu, hoặc đen hết, hoặc trắng hết. Còn nữ trang thì đã biết dùng đồ ngọc, bạch kim và hạt xoàn. Cũng vào những năm ấy một số gia đình công chức cao cấp và quan lại, có cả mấy nhà buôn bán tơ lụa, thuốc bắc, kim hoàn, cho con gái lớn mở phòng tiếp khách văn chương gọi là salon littéraire để mời gọi mấy anh văn sĩ, thi sĩ mới nổi và các cậu sinh viên cao đẳng. Khách

văn chương là cái khung phải có, còn đám công tử một mai sẽ thành quan đốc, quan trạng, quan huyện mới là những nhân vật chính của mọi mộng mơ theo kiểu Tự lực văn đoàn. Ngôi nhà của gia đình cô Hiền cũng là một salon nổi tiếng, không phải vì bố mẹ giàu hoặc sang mà vì cô con gái lớn quá đẹp, vừa đẹp vừa thông minh, biết cách tự khoe bằng những mẩu chuyện rất duyên dáng của mình. Tôi sở dĩ biết vô khối chuyện vặt vãnh của mấy ông Lan Khai, Đái Đức Tuấn tức Tchyà, Phùng Tất Đắc, Lê Văn Trương, Hồ Dzếnh... là do cô tôi kể lại cả. Ông Trương còn nhờ cô đọc giùm bản thảo của nhiều cây bút chưa thành danh, một phần vì tin ở cái tài thâm định văn chương của cô, phần nữa cũng vì ông bận quá: bận viết, bận hút và bận cách làm giàu. Tôi hỏi đùa: “Vậy cái ông Nam Cao là do cô tìm được ra phải không?” Cô trả lời rất nghiêm trang: “Ông Lê Văn Trương tìm ra. Là do ông ta nằm hút thuốc phiện ở nhà Trác Vỹ, tiện tay vớ lấy một chồng bản thảo để kê đầu, rồi tiện tay lôi ra một tập để đọc, cái tập ấy có tên “Cái lò gạch” do một cây bút hoàn toàn vô danh viết ra”. Nếu cô tôi cũng sinh làm thơ làm văn như người của thời bây giờ thì cũng có thể là một bà Lưu Thị Hạnh.

3.

Được sống năm đầu ở Hà Nội vừa giải phóng, với lứa tuổi chúng tôi ngày ấy mới hăm bốn hăm năm cái xuân xanh, là cực kỳ khoan khoái. Chín năm xa phố phường, xa ánh điện, không được vào rạp xem chiếu bóng hoặc cái lương, không được vào một cái chợ đông người giữa ban ngày, bây giờ mỗi ngày đều ở Hà Nội, mỗi đêm đều ở Hà Nội, mãi mãi còn ở Hà Nội. Chúng tôi thì vui thế, tại sao những người vốn sống ở Hà Nội chưa thật vui nhỉ? Họ đang tìm cách thích ứng với chế độ mới, cách sống, cách làm việc, cả cách nói năng nữa. Một lần tôi đến thăm cô chú, thằng em trai đã 14, 15 tuổi chạy ra mở cửa kêu âm lên: “Mẹ ơi! Đồng chí Khải đến!”. Cô tôi cau mặt gắt: “Phải gọi là anh Khải, hiểu chưa?” Bất đồ chú tôi cũng bước tới, nắm tay tôi rồi hỏi hồn nhiên: “Tại sao chủ nhật trước đồng chí không ra chơi, cả nhà chờ cơm mãi”. Cô tôi thở dài, quay người đi. Tôi nói: “Nước được độc lập vui quá cô nhỉ?” Cô trả lời: “Vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều, phải nghĩ đến làm ăn chứ?”. Theo cô, chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quá, nào phải tập thể dục mỗi sáng, phải sinh hoạt văn nghệ mỗi tối, vợ chồng phải sống ra sao, trai gái phải yêu nhau như thế nào, thậm chí cả tiền công xá cho kẻ ăn người ở. Về sau tôi dân phố lại vận động nhau không nên nuôi người ở. Nhà này trước đây có hai người ở, một anh bếp và một chị vú. Chị vú là vợ anh bếp, để được đưa con nào lại đưa về quê cho bà ngoại nuôi. Sau ngày giải phóng, cô tôi cho anh bếp về quê làm ruộng, còn chị vú vẫn ở lại, vì chủ tớ còn cần dựa vào nhau. Mỗi ngày chị đi chợ, đều có cán bộ bám theo, dò hỏi: “Chị có bị nhà chủ hành hạ không? Tiền công có được trả đều đặn không? Thái độ chính trị của họ là như thế nào?” Chị vú gắt âm lên: “Nếu họ không tử tế thì tôi đã xéo từ lâu rồi không khiến anh phải xui”. Chị ta kể lại chuyện đó cho cả nhà nghe, bình luận: “Cách mạng gì toàn để ý những chuyện lật vặt”. Bây giờ thì chị vú đã mất rồi, về quê được bốn năm thì mất. Chị trông con cho bà cô tôi từ năm 19 tuổi, đến năm 45 tuổi mới về quê, tình nghĩa như người trong họ. Anh chồng không lấy vợ khác vì các con đã trưởng thành, anh làm chủ nhiệm một cửa hàng mua bán của xã, ngày giỗ ông chú và ngày tết đều đem gạo, đậu xanh, miến và rượu, toàn của nhà làm cả, lên biếu cô và các em.

4.

Trong lý lịch cán bộ tôi không ghi tên cô Hiền. Họ thì xa, bắn súng đại bác chưa chắc đã tới, huống hồ còn là bà tư sản, dính líu vào lại thêm phiên. Tôi vẫn đinh ninh cô phải thuộc giai cấp tư sản vì cô có gương mặt đặc biệt là tư sản, càng già lại càng rõ. Tôi hỏi cô:

- Tại sao cô không phải học tập cải tạo, cô giàu cũng tài nhỉ? Cô Hiền cười rất tươi:
- Tao chưa đủ tiêu chuẩn.

Tôi cũng cười:

- Lại còn chưa đủ
- Tao có bộ mặt rất tư sản, một cách sống rất tư sản, nhưng tao không bóc lột ai cả thì làm sao thành tư sản được.

Tôi nín lặng vì đó là sự thật. Cửa hàng của cô chỉ bán có một thứ: hoa giấy, các loại hoa giấy và các lồng hoa đan bằng tre, thêm ít bưu ảnh và sổ tay kỷ niệm. Hoa làm rất đẹp, bán rất đắt, nhưng chịu thuê rất nhẹ, chỉ có một mình cô làm, các con thì chạy mua vật liệu, hoặc làm giúp phần cuống lá vào dịp Tết ta và Tết tây. Nhiều bà bạn cũng tỏ ý ngờ vực: “Trông bà như tư sản mà không bị học tập cũng lạ nhỉ?”. Cô tôi trả lời thật nhẹ nhàng: “Các bà không biết nhưng nhà nước lại rất biết”. Tất nhiên là cô khôn hơn các bà bạn của cô và cũng thức thời hơn ông chồng. Sau ngày Hà Nội giải phóng cô vẫn có hai dinh cơ, một nhà đang ở và một nhà ở Hàng Bún cho thuê. Ông làm nghề dạy học, con đông, đủ ăn là may, có tiền dư để tậu nhà là do ông viết sách giáo khoa cấp tiểu học, được Nhà Học chính công nhận và cho in bán. Năm 56, cô bán ngôi nhà ở Hàng Bún cho một người bạn mới ở kháng chiến về. Một năm sau, có một cán bộ tới hỏi về nhà cửa và có nhắc tới ngôi nhà ở Hàng Bún. Cô trả lời tỉnh khô: “Xin mời anh tới ngôi nhà anh vừa nói, hỏi thẳng nhà chủ xem họ trả lời ra sao. Nếu còn thắc mắc xin mời anh trở lại”. Cũng trong năm 56, ông chú tôi muốn mua một máy in nhỏ để kinh doanh trong ngành in vì chế độ mới không cho phép ông mở trường tư thục. Bà vợ hỏi lại: “Ông có đứng máy được không?” Ông chồng trả lời: “Không”, “Ông có sắp chữ được không?” “Không”, “Ông sẽ phải thuê thợ chứ gì. Đã có thợ tất có chủ, ông muốn làm một ông chủ dưới chế độ này à?” Ông chồng tính vốn nhát, rút lui ngay. Cô kết luận với tôi: “Chế độ này không thích cá nhân làm giàu, chỉ cần họ đủ ăn, thiếu ăn một chút càng hay, thiếu ăn là vinh chứ không phải là nhục, nên tao cũng chỉ cần đủ ăn”. Làm hoa giấy không thể làm giàu được nhưng rất đủ ăn, lại nhàn, lại không phải lo sợ gì. Tôi hỏi lại: “Còn chú, còn các em?” - “Chú tuy chưa già nhưng đánh đề ngôi chơi, các em sẽ đi làm cán bộ, tao sẽ phải nuôi một lũ ăn bám, dầu họ có đủ tài để không phải sống ăn bám”.

5.

Cô Hiền bên ngoại, chị Đại bên nội là những người đàn bà có đầu óc rất thực tế. Mọi sự mọi việc đều được các bà ấy tính toán trước cả. Và luôn luôn tính đúng vì không có lòng tự ái, sự ganh đua, thói thời thượng chen vô. Không có cả sự lãng mạn hay mơ mộng vớ vẩn. Đã tính là làm, đã làm là không thêm đề ý đến những đảm tiêu của thiên hạ. Cô tuyên bố thẳng thừng với tôi: “Một đời tao chưa từng bị ai cám dỗ, kể cả chế độ”. Gần ba chục tuổi cô mới đi lấy chồng, không lấy một ông quan nào hết, cũng chẳng hứa hẹn gì với đám nghệ sĩ văn nhân, đùa vui một thời son trẻ thế là đủ, bây giờ phải làm vợ, làm mẹ, cô chọn bạn trăm năm là một ông giáo cấp tiểu học hiền lành, chăm chỉ, khiến cả Hà Nội phải kinh ngạc. Có gì mà kinh ngạc, cô đã tính trước cả. Sau khi sinh đứa con gái út, người con thứ năm, cô nói với chồng: “Từ nay là chấm dứt chuyện sinh đẻ, bốn mươi tuổi rồi, nếu ông và tôi sống đến sáu chục thì con út đã hai mươi, có thể tự lập được khỏi phải sống bám vào các anh chị”. Là thôi hẳn. Cô bảo tôi: “Mày bắt nạt vợ mày quá, không để nó tự quyết định bất cứ việc gì, vậy là hỏng. Người đàn bà không là nội tướng thì cái gia đình ấy cũng chẳng ra sao”. Khi các con còn nhỏ, ngồi vào bàn ăn cô thường chú ý sửa chữa cách ngồi, cách cầm bát cầm đũa, cách múc canh, cả cách nói chuyện trong bữa ăn. Cô vẫn răn lũ con tôi: “Chúng mày là người Hà Nội thì cách đi đứng nói năng phải có chuẩn, không được sống tùy tiện, buông tuồng”. Có lần tôi cãi: “Chúng tôi là người của thời loạn, các cụ lại bắt dạy con cái theo thời bình là khó lắm”. Cô ngồi ngẩn ra một lúc, rồi bảo: “Tao chỉ dạy chúng nó biết tự trọng, biết xấu hổ còn sau này muốn sống ra sao là tùy”.

Đầu năm 1965, Hà Nội có đợt tuyển quân vào chiến đấu trong Nam, là đợt đầu tiên nên tuyển chọn rất kỹ càng, lứa tuổi từ 18 đến 25, diễn viên cải lương và kịch nói có, nhạc sĩ có, họa sĩ có, giáo viên trung học rất đông, là những chàng trai ưu tú của Hà Nội. Nghe nói khoảng sáu trăm sáu mươi người. Người con trai đầu của cô Hiền vừa tốt nghiệp trung học, tình nguyện đăng ký xin đi đánh Mỹ. Tháng 4 năm 65, lên Thái Nguyên huấn luyện. Tháng 7 rời Thái Nguyên vào Nam. Họ có dừng lại Hà Nội vài giờ vào lúc tối, nhưng không một ai biết. Tôi hỏi cô: “Cô bằng lòng cho em đi chiến đấu chứ?”. Cô trả lời: “Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hy sinh của bạn bè. Nó dám đi cũng là biết tự trọng”. Ba năm cô không nhận được một tin tức gì về đứa con đã ra đi, lại đến thằng em kế làm đơn xin tòng quân, cũng đòi vào chiến trường phía trong để gặp anh, nêu anh đã hy sinh thì nối tiếp chí hướng của anh. Tôi lại hỏi cô: “Cô cũng đồng ý cho nó đi à?” Cô trả lời buồn bã: “Tao không khuyến khích, cũng không ngăn cản, ngăn cản tức là bảo nó tìm đường sống để các bạn nói phải chết, cũng là một cách giết chết nó”. Rồi cô chép miệng: “Tao cũng muốn được sống bình đẳng với các bà mẹ khác, hoặc sống cả hoặc chết cả, vui vẻ thì có hay hóm gì”. Cũng may chú em tôi học rất giỏi, thi vào đại học với số điểm rất cao, nên nhà trường giữ lại. Tôi đến chúc mừng cô và em, cô nói:

“Hiện tại thì nó may hơn anh nó, nhưng nếu anh nó còn sống rồi cũng chưa biết đứa nào may hơn đứa nào”. Cô tôi tính toán việc nhà việc nước đại khái là như thế.

6.

Tháng 12 năm 75, cô Hiền cho con gái xuống nhà gọi vợ chồng tôi tới ăn liên hoan mừng em Dũng đã về. Cô nói: “Nó đeo ba lô bước vào đến giữa nhà, tao còn hỏi, anh muốn mua gì?”. Tôi cũng không thể nhận ra nếu được gặp đồng chí thượng úy này ở đâu đó. Gầy ốm quá, da đen quá, râu ria cũng nhiều quá, chả còn tý râu vết gì là một chàng trai của Hà Nội. Trong mấy chục năm sống dưới chế độ ta, mỗi tháng cô chủ đều tổ chức một bữa ăn bạn bè, gồm các cựu công dân Hà Nội, những tên tuổi đã thành danh của đất kinh kỳ. Khoảng mười, mười lăm người gì đó. Cửa hàng đóng từ chiều, các bà lần lượt đến trước, xông ngay vào bếp cùng làm cơm, các ông đến sau, mũ dạ, áo bađờxuy, bỏ áo khoác ngoài bên trong còn mặc đồ bộ, thắt cà vạt, nhưng đã sờn bạc cũ kỹ. Tiệc đã bày xong, vẫn chỉ có mấy ông ngồi tán suông chứ chưa thấy các bà. Rồi cửa trong mở, bà chủ xuất hiện trước như diễn viên trên sân khấu, lược giắt trâm cài hoa hột lép lánh, rồi một loạt bảy tám bà tóc đã bạc hoặc nửa xanh nửa bạc, áo nhung, áo dạ, đeo ngọc đeo dây đi lại uyển chuyển. Ngày thường các bà mặc áo bông ngắn, quần thâm, đi dép đi guốc, vuông khăn len tơi tớp buộc cổ hay bịt đầu, là các cô Lọ Lem của mỗi ngày, có phải trò chuyện mình cũng dễ ăn nói buông tuồng, thiếu ý tứ. Tất cả là bình dân, tất cả đều có quyền ăn nói thô tục. Còn lúc này, toàn là những người quý phái mình phải xử sự ra sao nhỉ? Cô hỏi tôi: “Xã hội nào cũng phải có một giai tầng thượng lưu của nó để làm chuẩn cho mọi giá trị. Theo anh, ở xã hội ta là tầng lớp nào?” Tôi cười phá lên: “Thưa cô, là bọn lính chúng tôi, là giai cấp lính chúng tôi chứ còn ai nữa”. Cho nên cái mùi lính tràn ngập khắp nơi mọi chỗ, quan hệ kiểu lính, vui chơi kiểu lính, ăn nói kiểu lính, văn chương cũng là một mùi lính. Là người lính vừa chiến thắng, người lính đang được cả xã hội trọng vọng. Còn bây giờ, sau bữa tiệc mừng đại thắng mười lăm năm, tầng lớp lính đã mất ngôi vị độc tôn của mình rồi. Bây giờ là thời các giám đốc công ty, các tổng giám đốc công ty, các cô văn, chuyên viên kinh tế thật giả đủ loại lên ngôi ban phát mọi tiêu chuẩn giá trị cho cả xã hội. Tôi xin trở lại cái bữa tiệc của buổi tối hôm ấy, bữa tiệc của mấy người thượng lưu của Hà Nội đã mất ngôi tiếp đãi, chiều ning hai anh bộ đội từ một thành phố lớn nhất nước trở về. Nói cho thật, Dũng mới là nhân vật chính, còn tôi chỉ là một loại nhân vật phụ, ghé gắm vào cái vinh quang chung mà thôi. Trong bữa tiệc hình như tôi nói có hơi nhiều, nói về thành phố Sài Gòn rộng hơn, đông hơn, đẹp hơn cái Hà Nội của mình, về người dân Sài Gòn cũng lịch thiệp nhã nhặn hơn người dân Hà Nội. Những người ngồi nghe đều nín lặng, không một ai hỏi lại, không một ai bình phẩm gì thêm. Tôi đã nói điều gì thất thố? Một ông già hướng mặt về phía Dũng bảo: “Đồng chí bộ đội có chuyện gì vui kể nghe nào?” Dũng nói: “Thưa các bác, chỉ có những chuyện không được vui lắm”. Một bà nói: “Cứ nói, người đi xa về có quyền muốn nói gì thì nói”. Dũng nói rằng trong nửa năm nay anh không ngớt nghĩ về những người từ Hà Nội ra đi cách đây đúng mười năm. Sáu trăm sáu mươi người. Bây giờ còn lại khoảng chừng trên dưới bốn chục. Anh kể về một người bạn cùng trung đoàn, cùng một cấp thượng úy, tên là Tuất. Khi chuyên tàu từ Thái Nguyên tiến vào ga Hà Nội đã gần nửa đêm. Vừa mưa to xong, ánh điện lòa nhòa trên lá cây, trên những mặt đường vắng hun hút, trên sân ga Hà Nội. Tàu vừa dừng lại thì đâu đó bật lên tiếng loa rất sâu, rất vang: “Quý khách chú ý! Quý khách chú ý! Chuyên tàu từ Thái Nguyên...” Tuất ngồi cạnh Dũng chợt nhào người qua mặt bạn, gần như dựa cả nửa thân người qua khuôn cửa sổ, hát mặt lên phía có tiếng loa, kêu nho nhỏ: “Dũng ơi, Dũng, tiếng của mẹ mình đây! Tiếng của mẹ đây!...” Không một ai được phép rời khỏi toa tàu, không một người thân nào được biết trước để chờ sẵn ở sân ga, để được nhìn nhau lần cuối, nói với nhau một lời cuối. Tất cả đều phải bí mật. Dũng kể tiếp:

- Thăng Tuất hy sinh ở trận đánh vào Xuân Lộc, trước ngày toàn thắng có mấy ngày. Cháu về Hà Nội là muốn nhào ngay lại nhà ga, đến phòng phát thanh, gặp mẹ Tuất, nói với bà một lời, vì bọn cháu vẫn ở cạnh nhau trong suốt mười năm. Vậy mà phải mấy ngày sau cháu mới dám đến. Cháu biết nói thế nào với một bà mẹ có con hy sinh, mà bạn của con mình lại vẫn còn sống, sống đến bây giờ, đến hôm nay. Bà bước ra giữa một đám đông nhưng cháu vẫn nhận ngay được là mẹ của Tuất. Tuất vẫn nói là hần giống mẹ hơn giống cha. Cháu chỉ vừa kịp nói: Thưa cô, cháu là Dũng... nước mắt đã đầm đìa, rồi cháu òa khóc y hệt như một đứa trẻ. Bà níu chặt lấy một cánh tay của cháu nhưng không khóc, người bà run bần bật nhưng không khóc, và bà nói run rẩy: “Nín đi con, nín đi Dũng. Cô đã biết cả. Cô biết từ mấy tháng nay rồi”.

Nhiều năm đã trôi qua. Tôi sống ở thành phố Hồ Chí Minh thỉnh thoảng có việc phải ra Hà Nội đều ghé lại thăm cô Hiền. Chú tôi đã mất rồi. Các em đã có gia đình riêng. Chúng nó cũng đã bắt đầu già. Lớp các cụ trong họ chỉ còn vài người, cô Hiền là một. Cô đã yếu nhiều, đã già hẳn, ngoài bảy mươi rồi còn gì, nhưng cô vẫn là người của hôm nay, một người Hà Nội của hôm nay, thuần túy Hà Nội, không pha trộn. Nơi tiếp khách của cô sau tấm bình phong cao hơn đầu người bằng gỗ chạm suốt mấy chục năm không hề thay đổi. Một bộ sa lông gụ “cái khánh”, cái sập gụ chân quỳ chạm rất đẹp nhưng không khảm, cái tủ chùa một cánh bên trong bày một cái lọ men Thủy hồng, một cái lư hương đời Hán, một cái liên hấp sâm Giang Tây, và mấy thứ bình lọ màu men thì thường nhưng có dáng lạ, chẳng rõ từ đời nào. Cô đang lau đánh một cách bát thủy tiên men đỏ, hai cái đầu rồng gắn nổi bằng đồng, miệng chân cũng đều bịt đồng, thật đẹp. Bên ngoài trời rét, mưa rây lả lướt chỉ đủ làm ẩm áo chứ không làm ướt, lại nhìn một bà lão (nếu là một thiếu nữ thì phải hơn) lau đánh cái bát bày thủy tiên thấy tết quá, Hà Nội quá, muốn ở thêm ít ngày ăn lại một cái tết Hà Nội. Năm nay chắc chưa thể có thủy tiên. Dân Hà Nội nhảy tàu lên Lạng Sơn buôn bán đủ thứ mà không buôn được vài ngàn củ thủy tiên nhỉ? Ví thử có thủy tiên liệu còn có người biết gọt tía thủy tiên? Lại thêm cái cách sống, cái tâm lý sống ô ạt, xô bồ, vụ lợi của đám người vừa thoát khỏi cái chết cái khổ đã dễ gì có được sự bình tĩnh để thưởng thức vẻ đẹp trang trọng của một rò hoa thủy tiên. Cô Hiền hỏi:

- Anh ra Hà Nội lần này thấy phố xá thế nào, dân tình thế nào?

Tôi vừa cười vừa nói:

- Chưa bao giờ Hà Nội vui như bây giờ. Phố xá vui, mặt người vui.

- Nhiều người nói Hà Nội đã sống lại.

Tôi nói:

- Có đúng một phần, phần xác thôi, còn phần hồn thì chưa. Cứ nhìn nghe những người Hà Nội buôn bán, ăn uống, nói năng, cư xử với nhau ở ngoài đường là đủ rõ.

Nói thế cũng hơi nghiệt. Vì có mấy việc vừa xảy ra làm tôi tức, tức và đau. Tôi đạp xe ở đường Phan Đình Phùng, tôi đạp chậm, vừa đạp vừa nghĩ ngợi. Một ông bạn trẻ đạp xe như gió thúc mạnh bánh xe vào đít xe tôi, may mà gương kịp. Tôi quay lại nói cũng nhẹ nhàng: “Cậu đi đâu mà vội thế?” Hắn không trả lời, đạp vượt qua xe tôi, rồi quay mặt lại chửi một câu đến sững sờ: “Tiền sư cái anh già!” Lại một buổi sáng tôi tới thăm một người bạn ở quận Đống Đa, đã lâu không đến nên quên đường, lát lát phải hỏi thăm. Có người trả lời, là nói sống hoặc hát cảm, có người cứ giương mắt nhìn mình như nhìn con thú lạ. Tôi có thân thiện với vợ chồng bạn về sự thiêu lễ độ của người Hà Nội, cô con gái đang cho con bú góp lời liên: “Ông ăn mặc tầm như thế lại đi xe đạp họ khinh là phải, thử đội mũ dạ, áo badờxuy, cười cái Cúp xem, thừa gửi tử tế ngay”. Tôi cười nhún nhó: “Lại ra thế!”. Cô Hiền không bình luận một lời nào về những nhận xét không mấy vui vẻ của tôi về Hà Nội. Cô than thở với tôi rằng dạo này cô thường nghĩ ngợi mọi chuyện một cách duy tâm, y hệt một bà già nhà quê. Mùa hè năm nọ, bão vào Hà Nội gào rú một đêm, sáng ra mở cửa nhìn sang đền Ngọc Sơn mà hãi. Cây si cô thụ đồ nghiêng tán cây đề lên hậu cung, một phần bộ rễ bật đất chổng ngược lên trời. Lập tức cô nghĩ ngay tới sự khác thường, sự dời đổi, điềm xấu, là sự ra đi của một thời. Với người già, bất kể ai, cái thời đã qua luôn luôn là thời vàng son. Mỗi thế hệ đều có thời vàng son của họ. Hà Nội thì không thế. Thời nào nó cũng đẹp, một vẻ đẹp riêng cho một lứa tuổi. Cô nói với tôi thế, đã biết nói thế đâu phải đã già. Mấy ngày sau, cô kể tiếp, thành phố cho máy cầu tới đặt bên kia bờ quảng đây tời vào thân cây si rồi kéo dần lên, mỗi ngày một tí. Sau một tháng, cây si lại sống, lại trở ra lá non, vẫn là cây si của nhiều thế hệ Hà Nội, nghĩ cứ lạ, tưởng là chết đứt bỏ ra làm củi, mà lại sống. Cô nói thêm: “Thiên địa tuần hoàn, cái vào ra của tạo vật không thể lường trước được”. Cô muốn mở rộng sự tính toán vốn dĩ đã rất khôn ngoan của mình lên thêm một tầng nữa chẳng, cái tầng vô hình, không thể biết, nhưng phải biết là trên đời này còn có nhiều lý sự không thể biết để khỏi bị bó vào những cái có thể biết. Bà già vẫn giỏi quá, bà khiêm tốn và rộng lượng quá. Một người như cô phải chết đi thật tiếc, lại một hạt bụi vàng của Hà Nội rơi xuống chìm sâu vào lớp đất cổ. Những hạt bụi vàng lấp lánh đâu đó ở mỗi góc

phố Hà Nội hãy mượn gió mà bay lên cho đất kinh kỳ chói sáng những ánh vàng.

Năng chiều

1.

Chị Bơ đã đe tôi:

- Nếu cậu lại đem chuyện của chị với anh ra viết văn viết báo thì đừng có vác mặt đến đây chị chị em em nữa nhá!

Khốn nỗi, cái thằng viết văn lại vốn có tật thích lôi việc của nhà ra viết. Chuyện hay thì giấu đi, còn chuyện dở thì phóng đại lên. Nên anh em họ hàng phải từ bỏ, vợ con phải giận hờn, bè bạn cũng góm mặt. Nói tốt về mình là người viết hồi ký. Là người bình thường với cái tâm lý thông thường mượn bút mực để tự khoe. Còn kẻ xấu mình, tự bới móc thói tật của mình thì đích thực là anh nhà văn rồi. Tại sao thế? Tôi cũng không hiểu nữa. Có thể là cái nghiệp dĩ của những người cầm bút chăng? Nhưng lần này tôi viết về bà chị tôi với ông anh rể mượn mần có khác với những chuyện trước. Lần này tôi chỉ có khoe thôi. Tôi khoe cái hay, cái đẹp, cái phúc đức của dòng họ nhà tôi, nếu như đây đó thấp thoáng một nụ cười thì cũng là cái mỉm cười hiền lành, vui một chút, nghịch một chút cho câu chuyện được đậm đà.

2.

Tức là chị Bơ tôi bằng lòng đi lấy chồng. Lấy chồng lần thứ nhất và chỉ vừa mới năm nọ. Tôi năm nay đã xấp xỉ sáu mươi tức thì chị tôi không còn trẻ nữa. Năm chị tôi nhận lời xuất giá, là vừa tròn bảy chục tuổi. Chị Đại, cũng là một bà chị khác của tôi, là em dâu ông Nguyễn Thế Truyền, đứng ra mai mối. Trong họ nhà tôi, đàn ông thì hiền lành, nhút nhát, làm gì cũng sợ, chỉ cầu được yên thân, còn phần lớn các bà lại hết sức ghê gớm, ăn nói ghê gớm, hành động táo bạo, còn các trò chơi của mấy bà thì vô cùng quái đản. Chị Đại bảo tôi với cái giọng thần nhiên nhất:

- Chúng tao định gả chồng cho bà Bơ, mà thấy thế nào? Tôi hét lên:
- Sắp xuống lỗ còn đi lấy chồng, các bà tính toán rõ hay! Chị Đại vẫn nói dừng dừng:
- Chúng mày đều là quân ích kỷ. Chỉ nghĩ tới mình mà không nghĩ đến người. Mà sợ xấu hổ à?
- Chứ lại không, thiên hạ họ biết chuyện phải cười đến vỡ bụng.
- Ai cười mặc kệ họ. Là việc hay việc tốt chứ có phải việc xấu đâu mà sợ họ cười.

Tôi vẫn vùng vằng:

- Chị tính lại đi, không phải chuyện đùa đâu. Vỡ lở ra là tai tiếng lắm.

Chị Đại đã hơi cười cười:

- Để tao tính lại nhá. Mấy chục năm nay chị Bơ chỉ ở với gia đình cô Hoàng. Nay vợ chồng cô ấy đi Pháp rồi thì chị Bơ ở với ai? Hay là xuống ở với vợ chồng mày?

Tôi lắc đầu:

- Nhà tôi như trại lính, bà Bơ không chịu xuống đâu. Ở với chị có được không?

Chị Đại vẫn cười:

- Ở thế nào được. Một bà già đã đủ để con cháu nó cần nhằn rồi, hầu thế nào được cả hai.

Tôi bắt đầu phân vân:

Cách đây khoảng bảy, tám năm, một bà chị khác lập nghiệp ở xứ Bồ Biên Ngã có làm giấy bảo hộ cho chị Bơ sang ở bên đó. Hai bà vốn hợp tính nhau từ thời còn gái, về già đều là những tín đồ rất thành tâm của đạo Phật, có ăn ở với nhau ít năm cuối chắc cũng êm ấm. Đã nghĩ mọi việc xong xuôi chỉ chờ đợi ngày đi thì bà bên kia viết thư về báo hoãn, vì nghe đâu chính phủ bên ấy sẽ thay đổi, sẽ đổi chủ, nên vợ chồng phải di chuyển cơ nghiệp qua Pháp. Nói vậy thì biết vậy, chứ còn cái gì sau đó ai cũng biết. Chị Đại phàn nàn với tôi: “Bà Bơ tuổi Sửu, cái số ấy là vất vả lắm, một đời hầu hạ các ông chủ nhà bà em, rút lại tay trắng”. Xưa nay chị Bơ chỉ biết sống cho các em, dựa dẫm vào các em, vui buồn cùng mọi người, nay các em kéo nhau đi tuốt tuột, còn tro lại có một mình, ăn không ra bữa, ngủ không ra giấc, chẳng có cái gì riêng để mà lo mà buồn, đi lại như cái bóng, vạ vào góc này, đụng vào góc kia của hai căn buồng vừa ẩm vừa tối nghĩ thật tội. Ai cũng than thở là rất tội mà không một ai mở miệng nói với bà chị nhất họ tới ở nhà mình để tiện bề chăm sóc, vợ chồng tôi cũng thế. Lúc khỏe đã vậy, lúc ốm càng sao, ốm một trận rồi chết cũng đã vất vả, lại ốm đến vài năm mới thật rầy rà. Cũng may trong họ nhà có chị Đại. Chị có quyền la mắng tất cả mà không ai dám giận vì chị ăn ở rất thật lòng, lại rất thạo việc. Việc người sống và người chết của cả một họ mà không có chị dúng tay vào là y như bê bết. Nói cho đúng chị cũng không dúng tay, một ngón tay cũng không động đậy, mà chỉ dúng miệng thôi. Tính nhàn cho thôi. Cái việc này thì thủ tục phải như thế này, sự chi tiêu phải như thế này, và chị cắt đặt cho con, một lũ con cháu và kẻ ăn người làm cứ thế mà chạy. Và chị đã lạng lẽ đảo ngược cái vận số của chị Bơ bằng một bài toán đến thần tình. Số là, cách đây đã nửa thế kỷ, có một anh thanh niên con nhà nghèo nhưng rất đẹp trai và học cũng giỏi, vừa đỗ bằng Thành chung xong tới gia đình ông bác tôi làm thầy kèm học cho mấy ông anh còn nhỏ tuổi. Người ra mở cửa đóng cửa cho thầy giáo trẻ là chị Bơ, lúc đó cũng khoảng mười tám đôi mươi. Đi lại được vài năm thì anh giáo trẻ ngỏ lời xin được cưới chị Bơ, vì anh đã tìm được việc làm ở một nhà thương nào đó. Vậy là cả nhà cười, cười lặn cười lộn. Anh cười cái tảo tợn của một thằng con trai chẳng biết trời cao đất dày gì, mới dám mở mồm đòi làm thầy rầy rề cụ Thượng. Cháu cũng như con, phải tìm cửa tương xứng để gả bán chứ. Người con trai vì xấu hổ, vì giận thân không đến nữa. Vậy là thôi. Theo chị Đại, hình như chỉ có một lần ấy, cái lần duy nhất mà có một người đàn ông để ý đến chị Bơ, quý mến cái dịu dàng, cái lạng lẽ, cái đảm đang của chị và anh mong mỏi được mời chị về sống với nhà mình. Rồi anh ta lấy vợ, đẻ một bảy con, rồi góa vợ và lấy

một đời vợ nữa, lại thêm mấy đứa con và góa vợ lần thứ hai. Người đàn ông có cái số phận vất vả ấy tên là Phúc, cái năm bắt đầu câu chuyện cảm động này đã bảy mươi một tuổi, hơn bà chị tôi một tuổi. Tôi cũng chưa rõ, do một tình cờ nào mà chị Đại được biết ông Phúc sắp đi Pháp theo giấy bảo lãnh của con. Cái kế hoạch đầy tính nhân đạo và thực tế của chị lập tức thành hình và lập tức chuyển động. Chị nhờ một cô cháu có quan hệ họ hàng với ông Phúc tới bàn với ông, bằng cách nào đó có thể đưa chị Bơ đi, sang tới Pháp các bà em sẽ tới đón chị về ở nhà họ, vì anh chị em không có quyền đứng ra bảo lãnh nhập cảnh. Ông Phúc bằng lòng ngay và nói thêm: “Nhưng phải làm giấy giá thú mới hợp lệ!” Chị Đại trả lời liền, giá thú thì giá thú, sang tới Pháp là hết giá trị, mà cũng chả cần làm giấy ly hôn, còn lấy được ai nữa mà cần giấy ly hôn. Tôi hỏi chị Đại:

- Lần đầu chị bàn với chị Bơ cái chuyện này, chị Bơ bảo sao? Chị Đại cười:

- Giấy này như đĩa phải vôi. Mặt mũi đỏ như đỏ tử. Gái chưa chồng nói chuyện hôn nhân ai chả thế.

Tôi cũng phì cười:

- Cái bà này có những sáng kiến đến quái đản. Chị Đại lườm nhẹ tôi, nói đây:

- Nếu mày không thích thì mày mời bà ấy về ở nhà mày. Cho tao được rảnh nợ.

Tôi nín lặng. Chị Đại nói tiếp:

- Bà ấy chửi tao một lúc rồi ngồi im. Tao chỉ hỏi lại có một câu: tùy bà, nếu bà không bằng lòng thì bảo tôi để tôi còn có lời nói lại.

- Chị Bơ bảo sao?

- Còn bảo sao nữa! Bảo là tùy cô, cô muốn làm gì thì làm chứ tôi không biết.

- Vậy là xong à?

- Xong chứ, người ta vẫn còn vướng vất cái tình cũ mới đưa vai ra gánh lấy, chứ vui vẻ quái gì.

4.

Vậy là chị tôi đi lấy chồng, nói cho đúng là giả đồ lấy chồng, về danh nghĩa vẫn có giấy giá thú, nhưng ông ở nhà ông, bà ở nhà bà, cơm ai nấy ăn, giường ai nấy nằm, không có gì khác trước. Chị Đại với chị Hoàng là hai bà hay nói tục nhất họ, nói những chuyện đến các em và con cháu ngồi nghe cũng phải đỏ mặt, nên chị Đại cũng có lời bình luận về sự ở riêng này, chị nói tục lắm, tôi không tiện viết ra đây. Tôi có nghe nói bữa hai ông bà dặt nhậu ra phường đăng ký hôn thú, cô ủy viên thư ký phường hỏi bà cụ theo đúng thủ tục: “Thưa bác, bác kết hôn lần này là thứ mấy?”. Bà cụ cúi gầm mặt không dám trả lời, ông cụ phải nói thay “Lần thứ nhất”. Lấy chồng lần thứ nhất mà không có chạm ngõ, không ăn hỏi, không cưới xin gì cả, đến bữa cơm thân mật trong gia đình cũng phải hai tháng sau mới dám làm, nghĩ cũng tội. Mà là con cháu nhà quan hãnh hoai. Tháng đầu chị tôi đi lấy chồng, tôi không dám lại thăm. Sợ chị tôi ngượng, tôi cũng sợ tôi ngượng. Nhưng tôi vẫn thấp thỏm đợi cái bữa ăn mà bà chị và ông anh sẽ mời. Nói cho thật không phải vì miếng ăn mà muốn đến để “quan sát” một chút. Chắc là bà chị tôi cũng biết thế nên nhất định bà không mời cái thằng em mất nết, chuyện bố mẹ nó nó còn chẳng tha, huống hồ chuyện của các bà chị. Chị Đại gọi bữa cơm đó là bữa cơm đoàn kết, cái từ cách mạng dùng vào trường hợp này thật là khéo quá. Chứ còn biết gọi gì khác. Sau bữa cơm hai họ chừng vài ngày, bà Bơ cũng làm một bữa cơm thân mật chỉ mời riêng có ông Phúc và mấy người con của ông lại ăn thôi. Bà lão nấu ngon quá, nghề riêng mà, nên chỉ mấy ngày sau ông lão lại mò đến xin ăn một bữa nữa. Rồi ngày nào cũng đến đòi ăn, ăn bữa trưa. Rồi ăn cả bữa tối. Rồi đòi ngủ lại, vì say quá, vì trời tối quá, thiếu gì lý do xin được ngủ lại của một ông già đang ngất ngây trước hạnh phúc mới. Tôi toét miệng cười. Chị Đại tròn mắt nhìn tôi, quát to: “Thằng mất dạy! Mày nghĩ gì mà lại cười, hả?”.

5.

Phải hơn hai tháng sau tôi mới được gặp cả hai vợ chồng bà Bơ. Là nhân ngày giỗ ông nội tôi, tức ông ngoại bà Đại, ông chú bà Bơ, tại nhà ông anh trưởng họ. Bà đến trước đã cả giờ rồi mới thấy ông đến. Chả ai chào ai, cứ như người dưng. Tuy ông Phúc đã ngoài bảy chục tuổi nhưng còn đẹp lão lắm, vóc dáng cân đối, đi lại nhanh nhẹn, cái miệng và con mắt của ông già khi cười khi nói còn rất là lẳng. Đàn ông như thế nếu muốn lấy một bà trong ngoài bốn mươi chả có gì là khó. Lại có tiền nữa. Quả tình ông ấy đối với bà chị tôi vẫn còn vương vất phần nào cái hương vị của mối tình đầu. Là vẫn không ngớt nghĩ về nhau, nghĩ về một cô gái nhút nhát, lẳng lẽ, có thể làm người vợ hiền, người mẹ đảm không ngờ số phận lại hẩm hiu đến thế. Khi ông ấy chưa đến, chị Đại đã hỏi bà Bơ: “Bà đã dặn kỹ địa chỉ chưa? Nhà trong hẻm, lối đi lắt léo là khó tìm lắm”. Bà Bơ trả lời ngắn gọn: “Đã bảo rồi”. Chị Đại lại nói: “Ông ấy vẫn đi xe đạp à? Đừng có ỷ y vào sức khỏe, ngã chết có ngày”. Vẫn trả lời ngắn gọn: “Nói mãi nhưng không nghe”. Tôi nghiêng mặt cười mồm mỉm, vì chợt nghĩ đến cách xưng hô của những cặp vợ chồng trẻ mới cưới cái thời còn đánh Pháp. Vào bữa ăn, tôi được xếp ngồi cạnh bà Bơ và ông chồng. Bà Đại ngồi phía đối diện với ông trưởng họ. Ông trưởng họ là người hết sức thật thà, có nghề xem tử vi và tướng mặt, nghe ông ấy nói về vận số ai cũng vừa lòng, vì mọi cái xui xẻo đã thuộc về năm qua tháng qua, còn tháng tới và năm tới chỉ gặp toàn những may mắn. Ông trưởng họ ngắm nhìn bà Bơ rồi tán: “Khí sắc chị Bơ rất vượng, năm tới là nhiều chuyện vui lắm”. Bà Đại buông một câu, nghe muốn nổi da gà: “Năm tới bà Bơ có tin vui, hả?” Cả mọi người đều cúi mặt, không ai dám nhếch môi. Mặt bà Bơ tái đi, còn ông chồng thì quay lại nhòm vợ rồi cười hê hê. Cái giống đàn ông thật quá tệ! Ông trưởng họ vẫn tiếp tục tán tụng bà chị hết sức hồn nhiên: “Chị dạo này trông đẹp hẳn ra”. Rõ nổi! Khen một bà lão đẹp ra, vậy mà cũng đòi làm thầy tướng số! Lại vẫn bà Đại bình luận: “Cái đó đã hẳn, khỏi cần phải cậu nói”. Tất nhiên tôi phải tề nhị hơn ông trưởng họ, nên tôi không nói gì cả, cũng không nhìn chăm chú vào một ai, chỉ lẳng nghe và thoáng nhìn thôi. Tôi để ý thấy chị Bơ vẹo cổ tay cầm đôi đũa của ông chồng lấy giấy lau qua một lượt, rồi lại lau qua cái bát ăn. Chị không nói một lời và mắt vẫn nhìn thẳng. Lúc ăn cơm, chị gấp một miếng thịt gà, dùng tay lọc xương ra, lại xé miếng thịt cho nhỏ, rồi gấp vào bát của chồng. Cái ông chồng đến là nhõng nhẽo, chỉ đợi vợ gấp thức ăn mới ăn, cho gì ăn nấy, không tự đung đũa vào bất cứ món nào khác. Chị Đại nhận thấy ngay, chị quát lên: “Cái ông này, đại lẫn nhĩ, mắt bà ấy đã lòa dờ, không hầu vợ thì thôi lại bắt vợ phải hầu mình”. Ông chồng lại há mồm ra cười, hàm răng giả thật đều và thật trắng. Cuối bữa ăn, nhà chủ đưa cho mỗi người một cái khăn tay đắp nước nóng, ông Phúc mở khăn lau mặt rồi đưa cho vợ. Bà vợ cầm lấy cái khăn lau dờ của chồng lau luôn mặt mình. Tôi cúi mặt xuống, sống mũi cay xè, chỉ muốn nhỏ ra mấy giọt nước mắt của yêu thương.

6.

Lấy chồng được nửa năm thì chị Bơ phải đi mổ mắt. Một mắt bên phải mờ hẳn đi như có màng kéo, bác sĩ bảo phải mổ. Chị đến nằm ở nhà thương Điện Biên Phủ, cô gái út của ông chồng xách hai túi to vừa quần áo vừa đồ dùng vật vãnh theo mẹ kê cùng vào bệnh viện. Mẹ nằm trên giường, cô con chồng trái mảnh ni lông nằm dưới chân giường, mà là con gái nhà giàu, là tiêu thư. Anh trai và chị dâu thì phóng xe máy đưa cơm ngày hai buổi, vợ đưa cơm trưa, chồng đưa cơm chiều, rồi bón cơm cho mẹ, ép mẹ ăn từng thìa, tiền tiêu như nước. Bữa tối tới thăm chị Bơ, chị đã được tháo băng mắt, nhưng phải mang kính, nhìn mọi thứ vẫn còn mờ mịt. Chị em trò chuyện được một lúc thì ông Phúc tới. Bà vào bệnh viện được vài ngày thì ông ở nhà bị vấp ngã. Ngã nhẹ thôi nhưng đi lại đã phải dựa vào cây gậy. Ông chồng gậy lò dò vào, cô con gái vội kéo ghế mời bố ngồi kê giường mẹ. Ông kẹp cây gậy trong đùi, đưa tay nắm lấy bàn tay gầy guộc của bà vợ, hỏi nhỏ nhẹ: “Đêm qua bà có ngủ được không? Con mắt mổ còn nhức lắm không?” Bà Bơ trả lời: “Thưa, đã đỡ nhiều ạ, đêm qua chỉ thức có một lần thôi ạ”. Con gái nội thêm: “Đêm qua mẹ ngủ say lắm, trưa nay mẹ dùng cơm cũng đã được trên lưng bát”. Bà Bơ vẫn để ông lão nắm lấy tay mình, than thở: “Thưa, con mắt tuy đã lành nhưng cái nhìn còn kém lắm, chỉ sợ nó kém mãi thì không làm gì được, ông lại vất vả”. Một bà nằm giường bên, cũng ngồi gần đó, bắt chuyện: “Cụ bà cứ sợ con mắt bị hỏng con cháu phải hầu, thêm bận họ ra”. Ông Phúc nói rất to: “Bà nhà tôi cứ hay nghĩ quẩn, mình hầu hạ chúng nó cả một đời, nay chúng nó có phải hầu lại mình cũng chỉ vài năm chứ mấy. Chả là cái tuổi chúng tôi cũng sắp được về hầu các cụ rồi”. Tôi nghe ông anh rề nói chỉ muốn bật kêu lên: “Anh ơi, anh là người đàn ông chung tình nhất, rộng lượng nhất. Ước gì bọn em được tốt như các anh”.

7.

Bà Bơ ở bệnh viện về được vài tháng, con mắt bị mờ sáng lại dần, bà lại đi chợ, lại nấu cơm ngày ba bữa hầu ông, thì ông chồng lại bị ngã lần thứ hai. Là do ông vẫn đi xe đạp, cái chân đau vừa khỏi lại nhảy lên xe liền, rồi vấp té, tuổi già té xe đâu phải chuyện nhỏ, nhưng ông lão khỏe chỉ nằm bệnh viện có mấy ngày, các khớp xương đã hết sưng nhưng phải nằm, như người liệt. Tôi đến thăm thấy ông nằm đọc sách, chân nệm trắng tinh, vẻ mặt thỏa mãn như rất bằng lòng với số phận. Chỗ ông nằm thì cực kỳ sạch sẽ nhưng cái chỗ của bà nằm bừa bộn như cái bếp. Đúng là cái bếp thật với đủ mọi thứ dụng cụ phức tạp để phục vụ cho cái ăn của người nằm phòng trong. Mà hầu hạ một cách tươi vui, như được dịp báo đáp một ơn nghĩa rất khó trả. Lần nào tôi đến thăm, chị cũng bảo: “Anh vừa nhắc đến cậu, cứ thắc thỏm đã lâu không thấy cậu đến”. Rồi bắt phải ở lại cùng dùng cơm với anh. “Anh ăn một mình buồn lắm”. Bữa cơm hàng ngày do chị tôi nấu vẫn rất ngon, nấu ngon hơn nhiều bà vợ. Miếng bít tết thật mềm, bát canh cá dưa thật ngọt, đến đĩa dưa đĩa cà muối cũng thơm ngon lạ thường. Lần nào ngồi vào ăn tôi cũng hỏi: “Thế chúng nó đâu cả?”. “Chúng nó” không phải là người của gia đình nhà gái. Không có người nào bên họ nhà gái tới hầu hạ ông bà những lần ốm đau, đến thăm thì có, môm mép đỡ chân tay thì có. “Chúng nó” đây chỉ là mấy người con và cháu của ông anh rể tôi thôi, nhưng gọi thế cho nó thân, vừa thân lại vừa khéo, là không phân biệt con ông hay con bà, là con của cả ông và cả bà. Ông anh rể như có biết cái ý tứ ấy nên ông trả lời: “Cậu tính, bây giờ chỉ có hai vợ chồng già hầu nhau chứ trông cậy thế nào được bọn nó. Tôi đau thì bà hầu tôi, bà đau thì tôi hầu bà. Nói đại, bây giờ bà nhà tôi cũng đau nốt thì tôi phải tự bò ra nấu cháo nấu cơm chứ biết gọi ai”. Chắc không chỉ là một câu nói nịnh mà còn là cái tình thực. Bao giờ ông anh tôi nói tôi đều muốn ứa nước mắt cả.

8.

Ông anh rể tôi hóa ra phải nằm thật, nằm đã hai năm nay, nằm ở nhà vợ vì ông đã quyết định về ở hẳn với bà. Có một lần tôi than thở với chị Đại về cái nghiệp báo nặng nề của chị Bơ một đời người vất vả, đã nghĩ về già được thanh thoi chút ít lại lâm cảm đi rước một người đàn ông xa lạ về hầu, cái số kiếp gì lại đen đui đến thế. Chị Đại quắc mắt nạt nộ ngay, theo chị hai năm qua là quãng đời đẹp nhất của bà Bơ, được hai năm ấy rồi có phải chết cũng thỏa. Tôi vẫn nhăn răng ra cười, hơn bảy chục tuổi đầu vẫn phải đi chợ, phải nấu ăn ngày ba bốn bữa, thì thoảng có tạt qua các em, ngồi chưa nóng chỗ đã lảo liên đòi về “vì anh ở nhà có một mình”, ngày không được nghỉ mà đêm ngủ cũng không đầy giấc, sống như thế lại bảo là rất thỏa, có mà điên. Chị Đại nhìn tôi một cách rất khinh bỉ rồi giáng giải:

- Một đời bà Bơ có cái gì là của riêng mình đâu, đến một thằng đàn ông của riêng mình cũng không có. Bây giờ bà ấy đã có một ông chồng, là của riêng bà ấy, là mon homme, là ông nhà tôi, ông xã nhà tôi, nó vui lắm, hãnh diện lắm, không nói ra nhưng cứ nhìn mặt là tao biết. Hầu hạ một ông già nửa liệt nửa què mà mặt tươi hơn hớn cứ như người vừa bắt được của, mặt mày mù hay sao mà không nhận ra? Còn tao ấy à, tao lại khác, tao lấy chồng từ năm mới mười bảy tuổi, ăn ở với nhau trên năm chục năm mới dứt được cái nợ đời, ở với nhau lâu quá tức là nợ. Hầu một thằng đàn ông trên nửa thế kỷ lắm lúc muốn phát điên lên, nó chán quá, nhàm quá, ngày nào cũng làm từng ấy việc, nói từng ấy câu, giận hờn nhau cũng là trong bài bạn đã quen thuộc. Chán muốn chết! Nên đã có lần tao đi mẹ nó sang Mỹ, ở cả năm với con gái và con rể, trông con cho chúng nó, để cho đời nó khỏi nhàm.

Ồ, lại ra là thế. Hình như là thế thật vì có thấy chị Bơ tôi phàn nàn gì về những vất vả của chị đâu, mà lại còn vui lắm, lại chẳng ốm đau gì, cứ khỏe ra, mắt như sáng dần, đi lại phăm phăm, nói năng cũng nhiều hơn và hoạt bát tinh tường hẳn. Cái sức mạnh thâm kín nào đã khiến một bà lão trẻ hẳn lại, vui hẳn lại, có vẻ ham sống hơn trước, còn dám tính toán cả những việc của tương lai? Là tình yêu chăng? Này, các bạn trẻ, các bạn chớ vội cười. Các bạn chớ có nghĩ một cách tự phụ rằng chỉ ở lứa tuổi của các bạn mới biết mãnh lực của tình yêu. Không nên chủ quan như thế! Các bà nội cũng vẫn có, nếu như cái mà lực ấy các cụ không tiêu xài quá phung phí lúc thiếu thời.

9.

Trong số các bà chị và ông anh còn đang sống ở thành phố, tôi rất thích đến thăm và tán chuyện với

chị Bơ và ông chồng rất tốt bụng của chị. Cũng như trước đây tôi đã nghiêng đến chơi với chị Hoàng, dầu rằng mỗi lần gặp chị đều trêu chọc tôi, chửi thẳng chửi xéo tôi vì tôi là thằng cộng sản răn mặt như lợn độn đại trong họ. Chị chửi tôi, chửi cộng sản, nhưng chị chửi có duyên quá nên tôi vẫn năng đến. Đến với chị Bơ tôi lại có một nhu cầu khác. Tôi lặng lẽ ngắm nghía ông anh rể ngồi lom khom trên ghế, cây gậy kẹp trong đùi, vừa nhìn vợ làm cơm, vừa kể chuyện Đông Tây kim cổ, chuyện vui và cả chuyện buồn, giọng kể ngọt ngào, âu yếm, còn bà vợ chạy lui chạy tới, quay trước quay sau, hai bàn tay không lúc nào ngưng nghỉ, chốc chốc lại quay mặt về phía chồng, hỏi một cách thờ ngây, một cách nũng nịu: “Lại ra thê hớ ông?”, “Con người đẹp thê, tốt thê mà phận bạc ông nhỉ?” Ăn cơm xong, ông ngồi hút thuốc lá, bà ngồi sát cạnh, đặt bàn tay gầy guộc nhăn nheo lên đùi chồng, ông chồng nắm chặt lấy bàn tay ấy, nắn bóp các ngón và trò chuyện với tôi, thỉnh thoảng lại hỏi vợ: “Ngón tay bà sao lạnh thê, lòng bàn tay cũng lạnh, bà đưa hộp dầu tôi xoa cho”.

Lạy trời cho anh chị tôi được sống thêm mười năm nữa, cho đời thêm ấm áp, thêm đẹp. Và tôi thầm cảm ơn chị Đại, một bà chị hề mở miệng nói là ai cũng ngán nhưng ai cũng thương vì khẩu xà mà tâm Phật. Chỉ có cái tâm tốt của con người mới làm nảy nở được những cái mầm yêu thương đang bị thui héo ở đâu đó.

Ngày 27-11-89

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>